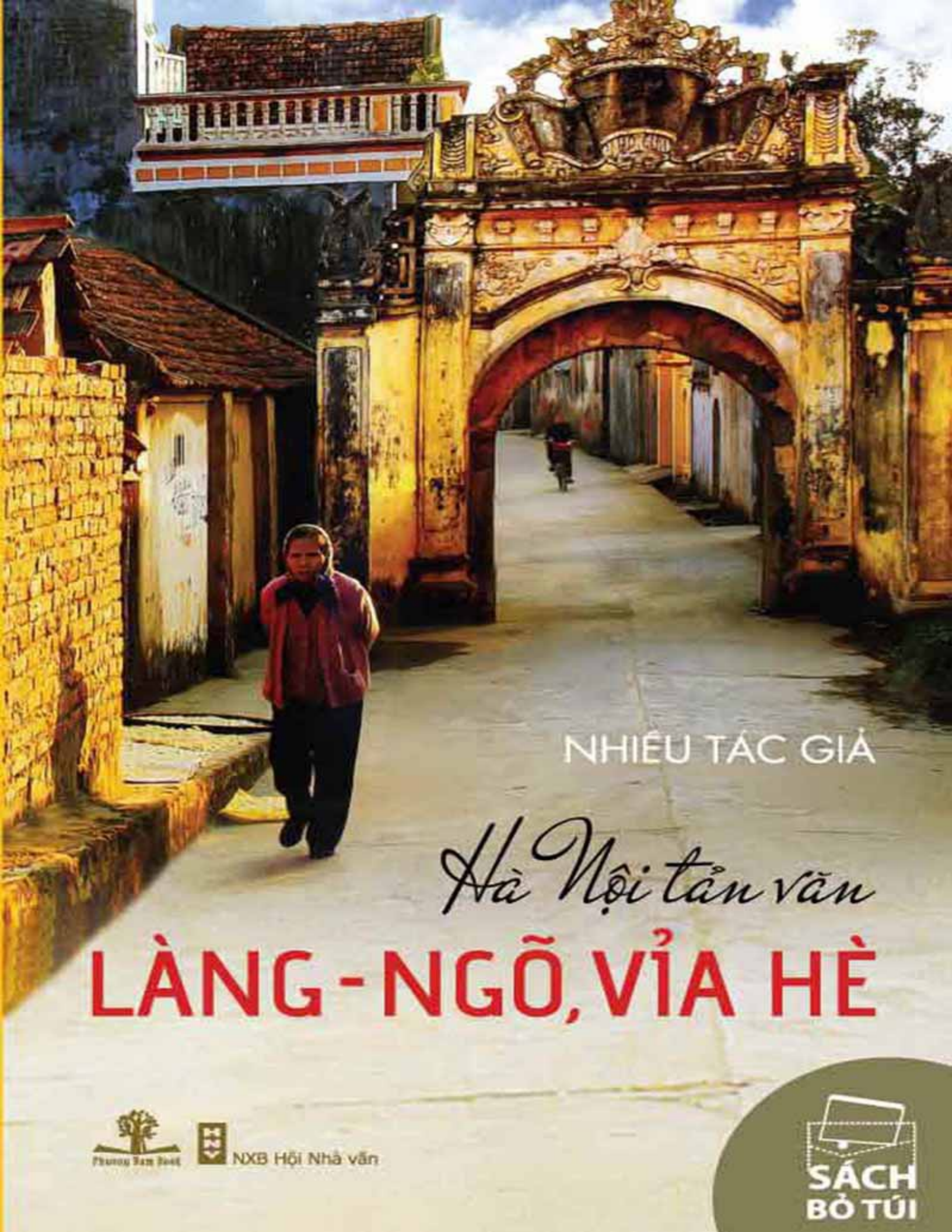




NHIỀU TÁC GIẢ

Hà Nội tản văn

LÀNG - NGÕ, VỈA HÈ



NXB Hội Nhà văn



HÀ NỘI - LÀNG - NGÕ, VỈA HÈ

Tản văn

Nhiều tác giả

Thể loại: Tản văn, Văn học

Nhà xuất bản: NXB Hội Nhà Văn

Đóng ebook: nguyenthao-cuibap

Nguồn text: Waka - 11/04/2016

NƠI ĐÔ HỘI

Phạm Đình Hổ



Kinh thành Thăng Long chia ra 36 phường, mỗi phường đặt một người phường trưởng. Lại đặt ra phủ Phụng Thiên có quan Phủ doãn, quan Thiếu doãn kiêm coi cả việc Tuần phủ và viện Liêm sát, đốc suất hai huyện Thọ Xương và Quảng Đức, mỗi huyện có quan Huyện ủy cai trị. Toàn thành thì cử một quan trọng thần sung chức Đề lĩnh tứ thành quân vụ, phân ra chánh phó hai dinh, chuyên coi việc cấm phòng, xét hỏi. Song đất Kinh thành đông đúc, nhà ở liền nhau, thường có hỏa hoạn, lại nhiều những kẻ đầy tớ nhà quan du đảng cờ bạc, gây chuyện đánh nhau, cãi nhau, cùng là những kẻ vô lại trộm cắp, nhiều lắm không kể xiết được, chẳng khác gì nơi đây khi xưa là nơi bể cạn, vật sản rất nhiều, mà lại không thiếu một hạng người nào cả. Đời Trịnh An Đô Vương, Nguyễn Công Hãng làm Thượng thư cầm quyền chính, mới chia hai huyện ra làm tám khu, mỗi khu đặt một người Khu trưởng và một người Phó khu; lại chia ra năm nhàn là một tị, hai tị là một lữ, mỗi lữ cũng có một Lữ trưởng; bốn lữ là một đoàn, mỗi đoàn đặt một Quản giám, hai Quản kiểm, dưới quyền người Khu trưởng và trực thuộc quan Đề lĩnh. Đó là phỏng cái ý cổ nhân bảo trợ phù trì lẫn nhau. Phàm những việc phòng hỏa, phòng trộm và nhất thiết những việc giao dịch thuế má đều ủy trách cho Khu trưởng, Đoàn trưởng cả. Bởi vậy, những con nhà khá giả coi thường, không thềm ra làm, chỉ để cho các côn đồ xóm chợ ra làm. Bọn chúng cùng những kẻ ti thuộc quan Đề lĩnh thông nhau làm càn, rất phiền nhiễu cho dân phố. Ôi! "Sinh bất sự bất như trừ nhất hại", thêm ra một việc không bằng bớt đi một tai hại, lời nói ấy rất đúng. Theo lệ cũ, chốn Kinh thành không phải chịu thuế dung, thuế điệu, chỉ tính từng dây hà, không cứ nhà quan hay nhà dân, hàng năm mỗi nhà phải chịu một suất đi sửa sang đắp lại nền cấm cờ tướng, dọn cỏ xung quanh cung đình, cung ứng các việc kiến trúc. Họ phải thay phiên nhau sắm đủ dây đèn, câu liêm, thang tre, bó đuốc, thùng gánh nước để theo quân quan Đề lĩnh đi túc trực các nơi điểm canh, phòng khi sai khiến; công việc rất là phiền nhiễu. Song tóm lại không tiền là không xong, chỉ làm nặng túi kẻ gian hoạt. Tuy bảo rằng "phù bản ức mật" tức bồi đắp gốc rễ,

ngăn chặn ngọn cỏ, nhưng cũng không phải là biện pháp tốt của đời thái bình.

MÈO LỪA

Phạm Đình Hồ

Khoa thi Hội năm Nhâm Thìn (1772), đời Cảnh Hưng, kỳ tứ trường đã vào thi xong chỉ còn đợi truyền lô nữa là các quan tân khoa đã lên mũ áo xúng xính. Khi ấy có một mục già vào chơi một nhà giàu ở phố Hàng Chiếu Đông Hà. Nhân nói chuyện đến khoa thi Hội năm nay, mục nói có quen một ông được vào trúng cách, nay mai sắp sửa là một quan Tiến sĩ tân khoa. Chủ nhân mới hỏi quan tân khoa chừng bao nhiêu tuổi, quê quán ở đâu. Mục nói ra rõ cả, và cho biết quan tân khoa nhà vốn nghèo, chưa có vợ, đến khi đình thí, truyền lô xong, không biết vinh quy thì quan tân khoa thu xếp ra sao? Chủ nhân có ý hâm mộ, nói với mục rằng:

- Tôi cũng có một đứa con gái kể cũng không đến nỗi quê mùa; nếu mục có thể làm mối cho thành lứa đôi, thì bao nhiêu tiền phí tổn lúc vinh quy, quan tân khoa không phải lo gì cả.

Mục làm ra bộ khó khăn, đi lại mách mối đến ba bốn lần, cuối cùng mới mời quan tân khoa đến chơi nhà phú hộ ấy xem mặt người con gái. Chủ nhân liền mời quan tân khoa nghỉ lại một đêm, và cho con gái ra yết kiến. Mục mỗi xúi giục chủ nhân cho cô ta tiếp quan tân khoa cùng ngủ, đính ước sau khi yết bảng đỗ rồi thì làm lễ thành hôn. Sáng hôm sau, quan tân khoa xin cáo từ, chủ nhân tặng cho rất hậu. Từ đấy, chủ nhân chỉ trang sức cho con gái, đợi ngày nghênh hôn. Kịp đến khi truyền lô tứ yến xong rồi, thì mất tăm chẳng thấy mục già đến nữa. Chủ nhân liền sai người nhà đi hỏi dò các quan tân khoa Tiến sĩ; không thấy người nào như anh chàng ngủ đêm hôm trước. Lúc ấy mới biết mình bị lừa, hối hận không được nữa. Chuyện ấy huyên truyền khắp cả kinh thành, ai nghe cũng buồn cười. Ôi! Mèo lừa cũng tai quái thật! Nếu kẻ nhà giàu kia không hâm mộ quan tân khoa, muốn cho con mình được làm bà quan, cầu lấy cái phúc mà mình chẳng hề có, thì dẫu mèo tai quái đến đâu

cũng không thể lừa được.

NHỮNG BIỂN HÀNG

• *Thạch Lam*

Trước hết có hiệu trâu vàng, hắc thố. Ấy là câu chuyện huyền thoại của ông Khổng Minh Không đã được hình tượng ra bằng hai cái biển. Rồi đến hiệu bò vàng, cá chép vàng (cá chép hóa long thì đúng hơn và con cá này đã trái tạt chạy lên Hàng Ngang rồi), con lạc đà không biết đến đây để làm gì? con gà sống kim kê hắc thố, con hươu sao, con kỳ lân, con phượng (lai hoàng), con rùa rùa (kim quy), con rùa rùa này về núi rồi, con vịt che ô, con voi (con này cũng về rừng), và con tê giác. Các nhà hàng còn lâu mới dùng hết được tên các loài vật. Và chúng ta nên nhận rằng trong các con vật đã dùng, không có con nào dữ cả. Con tê giác thì kể là vật dữ, nhưng con tê giác ở Hàng Đào thì lành lẫm: nó không cắn ai bao giờ. Không có hổ vàng hay sư tử vàng, chẳng hạn. Vì những con vật trên kia là những con vật thần linh chẳng, hay là những con vật chỉ lành có thể gợi lòng tin của khách mua? Con trâu, con hươu, con bò... Những con vật này có làm hại được ai bao giờ đâu? Vào nhà con trâu, con hươu mua vải, lụa, chắc không bị hớ, chắc sẽ được nhà hàng tiếp đãi niềm nở và tử tế (như các bà bán hàng Việt Nam biết tiếp khi khách chỉ mặc cả mà không mua, hay muốn mua mà trả rẻ), và nếu họ có bị đại như một con bò thì cũng được an ủi rằng ít ra cũng là một con bò vàng.

Tôi chỉ không hiểu tại sao bỗng dưng lại có con lạc đà. Con vật này hình như lạc loài vào đám ấy, giữa những con vật mà nó không quen bao giờ. Người phương Tây khinh ai thường gọi: cái anh lạc đà ấy... Theo nghĩa đó thì con lạc đà ám chỉ nhà hàng hay khách mua hàng?

Chúng ta còn phải hỏi tại sao con vật khác không được dùng, và tại sao địa phận chúng chỉ có phố Hàng Đào thôi. Lên đến Hàng Ngang, xuống đến Bờ Hồ, là đã không có loài vật rồi (con cá hóa long lên Hàng Ngang là trái với lẽ trời).

Có một người kể chuyện với tôi rằng đó là tại nhà hàng ganh tỵ nhau. Nguyên hồi bấy giờ phố Hàng Đào còn hẹp, nhà hai bên phố không cách nhau xa mấy. Có hai ông chủ hiệu to, ngẫu nhiên một hôm cùng có một ý, là lấy con hươu làm biển hiệu. Hai con hươu cùng treo một lúc. Có nhiều sự nhầm lẫn xảy ra về sau, nhưng hai ông cùng ganh, không ông nào chịu đổi con khác. Như thế được một năm. Rồi bỗng nhiên, một ông lấy ngay con báo làm biển hiệu, và phao ngôn lên rằng chỉ ít lâu nữa là báo sẽ cắn hươu chết. Ông chủ hiệu kia tức khí lấy biển hiệu con hổ và phao ngược lại.

Ông chủ hiệu này chẳng chịu kém đổi ngay con báo ra con sư tử. Ông kia cũng lập tức đổi ra con voi.

Đến con voi thì ông này tức quá: vì không có con nào khỏe hơn con này nữa. Voi đứng đầu trong giống vật rồi. Chỉ có cách làm con voi hơn. Thế rồi ông làm con voi to hơn. Ông kia cũng chẳng chịu kém, lại làm con voi to hơn nữa. Hai con voi cứ thi nhau mà to mãi ra. Phố thì hẹp, cho nên một ngày kia hai con voi đụng vò nhau, lấp cả lối đi.

Việc đến cửa quan. Ông quan phân xử, bắt voi hai bên đều bé lại, và ra lệnh từ đây chỉ được dùng những con vật hiền (như voi chẳng hạn) làm biển hàng mà thôi. Những con vật dữ như báo, hổ, gấu, mèo... đều cấm tiệt.

Ấy là người ta kể cho tôi nghe câu chuyện như thế. Chuyện chả biết có thật hay bịa, nhưng giảng tại sao người ta không dùng các thú vật dữ thì có (tuy vậy, con tê giác?) còn tại sao các vật chỉ có phạm vi phố Hàng Đào, không lên Hàng Ngang, không xuống Bồ Hồ, thì tuyệt nhiên không.

NHỮNG CHỖ ĂN CHƠI

• *Thạch Lam*

Muốn biết rõ một thành phố, không cần phải biết những lâu đài mỹ thuật, những nhà bảo tàng, những tờ báo hay những nhà văn, nhưng cần phải biết những chốn mà dân thành phố ấy ăn chơi. Ăn và chơi, phải, đó là hai điều hành động mà trong ấy người ta tỏ rõ cái tâm tình, cái linh hồn mình một cách chân thực nhất.

Với lại đó không phải là hai cái hành động cốt yếu của đời ư? Trong sự ăn chơi, có cả dấu hiệu của dân thành thị, cả những tật xấu hay nét hay, những cái yếu hèn cùng những cái kiêu ngạo.

Biết ăn và biết chơi, không phải là dễ dàng như người ta tưởng. Và chính bởi từ xưa đến nay, sự ăn chơi ở nước ta bị khinh miệt, bị dè bủ, nhưng người ta vẫn cứ phải chịu theo luật lệ chặt chẽ, nên cách ăn, chơi của người mình mới luộm thuộm, và cầu thả, và tục tằn, rồi ngược lại, có một ảnh hưởng xấu xa đến tất cả cuộc đời, cả xã hội.



Ồ, nhưng mà từ này đến giờ tôi nói được những gì nhỉ? Thôi, vứt bỏ quách những lời bàn phiếm, những tư tưởng khó khăn ấy đi. Chúng ta hãy để ý quan sát bọn người ngồi ăn trong hiệu kia, nhận xét những cử chỉ, những nét mặt, và những tiếng cười của họ. Một cách cầm đũa, một cách đưa lên húp canh, bảo cho ta biết nhiều về một hạng người hơn là trăm pho sách. Và nhất là những thức mà họ ăn... Bảo cho tôi biết ăn gì, tôi sẽ nói anh là người thế nào.

*Hà Nội là động tiên nga,
Sáu giờ tắt hết đèn xa đèn gần,
Vui nhất là chợ Đông Xuân.*

Trước khi nói đến những nơi ăn chơi của Hà Nội, tưởng cũng như dạo qua chợ Đông Xuân, cái "bụng" của thành phố, là nơi mà những vật liệu cần cho các cao lâu từ các vùng quê và ngoại ô đến. Ở đây, chúng ta được thấy các thực phẩm còn giữ nguyên hình trước khi biến thành những món xào nấu

ngon lành dưới tay các đầu bếp nổi danh hay các bà nội trợ. Tất cả của ngon vật lạ các nơi đều đem đến đây, để hiến cho sự thưởng thức sành sỏi của người Hà Nội.

Có lẽ tìm được nhiều cái hay, nếu chịu khó tính xem dân Hà Nội một ngày tiêu thụ bao nhiêu thứ, bao nhiêu thịt. Nhưng ở đây không phải là cuộc điều tra, cũng không phải là một bài phóng sự. Cho nên, nói đến chợ Đồng Xuân, tôi muốn trình bày cái hình thức khác, cái vẻ riêng tấp nập, cái không khí ồn ào, cái màu sắc đặc biệt, hơn là tính cách cùng xấu tốt của các thức ăn kia. Chợ Đồng Xuân là chợ của người Hà Nội, không giống các chợ nhà quê, mà cũng không giống các chợ Bến Thành Sài Gòn, hay chợ Mới ở Chợ Lớn. Bạn hãy vào trong chợ một ngày phiên, và để mắt ngắm nhìn cùng nhận xét; từ người buôn kẻ bán, cho đến những người mua; từ bác bồi bếp, cậu nhỏ, cô sen, cho đến các bà sành sỏi hay các cô thiếu nữ rụt rè sợ hớ, tất cả chừng ấy người hoạt động trước mắt ta, hình dáng phức tạp và thu nhỏ lại của xã hội người phường phố. Không có bức tranh nào linh hoạt và thắm màu hơn.

NGÕ XƯA, PHỐ XƯA HÀ NỘI

• *Nguyễn Công Hoan*

...

Ở Hà Nội, các ngõ, hẻm là những chỗ bẩn nhất. Ngõ Sầm Công, ngõ Hàng Hành, ngõ Phất Lộc v.v... khai thối những mùi nước cống và nước đái.

Ngõ Tô Tịch, phía bên Hàng Gai, rất hẹp. Đất thì nhầy nhụa những nước đái. Nước giải chảy ra cả hè phố, đi qua đấy, ghê cả chân.

Nhà ông Ký Dương ở ngay cạnh ngõ, khổ vì phải ngửi nước đái.

Ông này mới nghĩ ra một kế, làm không ai dám đái bậy ở đầu ngõ nữa. Ông ta đóng cái miếu thờ bằng gỗ độ bằng cái chuồng chim treo ở đấy, ngày nào cũng thắp hương. Chẳng cần phải yết thị "Cấm đái", chẳng cần phải đút tiền thuê người bắt đái. Đầu ngõ Tô Tịch trở lại sạch sẽ như đường phố.



Z

...

Trước cách mạng, Hà Nội có 18 vạn dân.

Phố đông người là từ Hàng Đào, đến chợ Đồng Xuân và Hàng Gai, Hàng Bông.

Ở phố Đinh Tiên Hoàng bây giờ, từ nhà Bưu điện Trung ương trở đi, đã vắng người. Tối chẳng ai đi đến.

Từ đầu phố Bà Triệu, là khu Tây ở, ban ngày cũng đã vắng tanh. Chỉ thấy mấy cô "khâu đầm" (người làm nghề vá may thuê cho các nhà Tây) đi làm mà thôi. Đi đến nhà Diêm (khu vực nhà máy Trần Hưng Đạo bây giờ) đã xa lắm. Đến Vân Hồ càng là xa, thường phải đi xe kéo.

Quanh chợ Hôm, gọi là dốc Hàng Gà, có nhà người mình ở. Quá chợ Hôm, từ quãng đường hơi cong ở phố Huế, là bắt đầu ruộng rồi. Ruộng cho đến chợ Mới Mơ, ngã tư Trung Hiền (Ô Cầu Rền).

Phố Nguyễn Thái Học, phố Phùng Hưng hồi ấy, toàn là bãi cỏ hoang. Bắt đầu phố Thụy Khuê đã là ngoại thành. Ở đây đặt cột cây số 3 bằng gỗ. Có nhà một tên Cầm Tây, và nhà chờ xe điện, ở cạnh cây gạo lớn. Nay chỉ còn cây gạo Đường Cột Cờ là nơi mà tối đến, những phu xe bất lương hay kéo khách người nhà quê lớ ngớ, đến đấy để bóc lột quần áo và đồ đạc (ngày ấy đã dùng tiếng bóc lột). Vườn Bách Thảo là nơi những người có thù nhau, thách nhau đến để giết nhau.



Chợ Hàng Da là nơi tụ bậ những trộm cắp, nhất là giật khăn khách ngồi xe rồi chạy trốn. Cho nên ai đi xe qua đó, cũng phải bỏ mui xe kín mít. Chợ Gạo cũng là ổ quân giật khăn.

Ngày trước, khi chưa có khăn xếp, thì ta đội khăn lượt, mỗi khăn 12, 13

vuông. Có người nhà quê đi xe qua đó, sợ kẻ cắp giật khăn, nên phải tụt khăn xuống quanh cổ.

Nhưng kẻ cắp thấy ngứa mắt, nó cũng cứ cầm lấy đầu khăn mà kéo. Xe chạy đi, khăn bị kéo lại, người ấy như bị thắt cổ.

Một lần mình đi tàu Nam, lên trên sân xe có hành lý. Đến gần chợ Gạo thì bị giật khăn. Thế là mình chạy đuổi. Thằng kẻ cắp chạy không kịp, vứt khăn lại. Nhưng mình cứ đuổi. Đến chợ Gạo, nó vào trong, chui tọt vào đồng bao gạo. Biết không thể bắt được nó, mình không đuổi nữa.

May sao, cái khăn vẫn còn ở đường mà anh xe cũng vẫn chờ.

Z

Phố Hàng Gai, ngày trước, cứ sắp Tết Trung thu thì biến thành phố bán đầu sư tử, và các đồ giấy chơi tết.

Nhưng cũng chỉ bán ở trên số lẻ và đông vui vào quãng từ giữa phố đến cuối phố. Bên số chẵn thì không. Không rõ vì lý do gì.

Ngày còn trọ học ở phố Hàng Hai, số nhà 8, mình thích nhất hai trò chơi.

Một là cứ đến thứ hai đầu tháng, thì xem lính Tây rước đèn. Đám rước đi từ trại (phố Cửa Đông) ra Đường Thành; đến Hàng Bông, Hàng Hai (qua nhà) rồi sang Hàng Trống, rẽ Tràng Thi, đến Cửa Nam, rồi về trại.

Thằng lính nào đeo trống lớn cũng râu xồm. Mình để ý nhận thấy như thế.

Sau đám rước là bọn vợ Tây, ngồi trên xe cao su nhà, hoặc xe cao su thuê, đi bước một. Trẻ con cũng đi theo.

Vợ Tây đây chắc là vợ tụi lính Tây.

Nhiều lần, thấy ngứa mắt, mình lấy đá ném vào chúng nó. Đứa nào bị ném trúng, cũng chửi.

Nhưng sau rút kinh nghiệm mình không ném vợ Tây nữa. Muốn toàn thắng, nghĩa là không bị chửi thì mình nhắm đúng thằng Tây đương thôi kèn mà ném. Một là Tây không biết chửi bằng tiếng ta. Hai là chẳng lẽ mồm đương ngậm kèn để thôi, nó dám bỏ kèn ra để chửi!

Hai là chập tối, mình đứng vớ vẫn ở đầu khách sạn ở phố Hàng Trống, thế nào cũng được anh xe mời lên, để kéo chạy qua ô-ten không mất tiền. Rồi lại được anh khác mời lên, kéo trở lại chỗ cũ. Cứ như vậy, được đi hóng mát bằng xe cao su, mà không mất đồng xu nào.

(Trích: "Nhớ và ghi")

BĂM SÁU PHỐ PHƯỜNG

• Tô Hoài

Hà Nội xưa kia không có các huyện ngoại thành. Lên đến Bưởi đã là ngoại ô. Ra Cầu Giấy, nói đầy đủ là ra ô Cầu Giấy đã hết địa phận thành phố. Người Pháp đưa huyện Hoàn Long - hầu hết quận Đống Đa bây giờ, làm ngoại thành, gọi là đại lý Hoàn Long. Tri huyện Đặng Vũ Niết về vừa nhận chức quan đại lý thì đảo chính Nhật 9.3.1945, thế là tong ghế ngồi.

Tỉnh Hà Đông, tỉnh Bắc Ninh bọc quanh, Hà Nội hẹp toan hoản ở giữa. Xuống cuối đường Huế đã hết đất thành phố. Làng Yên Phụ bờ Hồ Tây thuộc Hà Đông. Đăng Kim Liên, sau lưng bệnh viện Bạch Mai đã ra khỏi thành phố. Đường lên Bưởi, qua các Trường Bưởi (Trường Chu Văn An) đã gặp làng Thụy Khuê ngoại ô rồi. Bãi Giữa dưới cầu Long Biên giữa sông Hồng đã thuộc đất huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh. Đầu phố Khâm Thiên đằng này, chỗ cái ba-ri-e chắn đường xe lửa, là hết đất Hà Nội. Xe tay bánh sắt, gọi là xe ngoại, cu-li hết phố Khâm Thiên, phải đổi khách sang xe bánh cao su mới được vào phố. Vùng Khâm Thiên còn gọi là Hà Đông.

(Bởi vậy, có chuyện kỳ cục: Năm 1972, máy bay B52 ném bom rải thảm xuống Khâm Thiên. Thế giới lên án Mỹ mưu toan hủy diệt Hà Nội. Hãng tin Mỹ UPI cải chính: B52 chưa hề ném bom Hà Nội. Có nghĩa là Mỹ đem bản đồ Hà Nội thế kỷ trước ra làm chứng).

Phố phường thời Tây chia từng khu khác nhau. Không có bảng chỉ dẫn, không tường chắn, không ai ngăn cấm nhưng người đi đường phải tự hiểu thế, mà liệu bước.

Các phố Hàng Bài, Tràng Tiền, Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Điện Biên, Lê Hồng Phong, Hùng Vương bây giờ là khu vực phía Tây, phần đông chỉ có nhà người Pháp ở hoặc người An Nam nhưng giàu có, sang trọng, nhà

vườn, tường hoa, cổng sắt riêng cho xe song mã và ô tô ra, phố Tây vắng, loáng thoáng người qua lại, phần nhiều chỉ những người đi làm bồi bếp, tài xế, các cô khâu đầm, chị hai giữ trẻ nhà Tây.

Người như tôi lúc ấy, những thanh niên chân xỏ đôi guốc mộc, áo dài thâm, bước thất thểu qua cửa nhà sang trọng hay nhón nhác nhòm ngó, thế là cũng có đội xếp đôi mắt xem có phải kẻ gian "chú thích" không. Chẳng ai vạ gì mà lai vãng các phố Tây!

Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Ngang, Hàng Đào, Chợ Đồng Xuân người chen chúc đông đúc qua lại bên này Hồ Gươm, khu buôn bán sầm uất, ở đây mới lắm các tay "chích cựa" (trộm cắp) và du côn du kê.

Sinh sôi với đời sống thành phố, Hà Nội còn có hai khu khác, mà ít người nhận ra và phân biệt được.

Các phố nhỏ yên tĩnh hai bên chợ Hôm và đường Huế. Bây giờ là Trần Xuân Soạn, Ngô Thời Nhiệm, Phùng Khắc Khoan, Hòa Mã và bên này Mai Hắc Đế, Triệu Việt Vương, Bùi Thị Xuân. Mới năm nào đi từ dốc cây thị Hàng Kèn xuống Vân Hồ, còn bãi hoang, đầm lầy, tre pheo làng xóm lơ thơ. Trơ trọi các trường Hàng Kèn, học trò phải gọi là trường Thân Trọng Huề (Trường tiểu học Quang Trung bây giờ), đằng xa cũng nhìn thấy những cây bàng xanh rì mới trồng rồi nhà cửa, phố xá mọc dần lên. Người làm vô làm việc, người buôn bán, kẻ giàu, người nghèo ở chen nhau. Vùng này, phố của những công chức, các ông ký, ông thông và nhà buôn phố trên để dành tiền làm nhà, tậu nhà. Thông thường, ngày nay còn thấy dấu vết ấy, ngôi nhà một hai tầng lợp ngói, nách tường có cửa bên. Tấm gỗ gác lên bậc thềm. Anh xe dẫu cái xe cao su nhà ở sân trong xa. Xe đưa cậu đến sở. Xe kéo mợ đi chợ. Bây giờ, nhà cửa ở các phố hàng còn phảng phất vẻ êm đềm phong lưu bề ngoài thời ấy.

Một vùng khác dưới bãi dọc đê sông Hồng. Các bãi Cơ Xá, Nghĩa Dũng, Phúc Xá - bãi An Dương còn bỏ hoang, xuống dưới tới bến Phà Đen, toàn nhà lá - những túp lều lá. Đến mùa hanh hao nhà nào, mà theo câu tường thuật của các báo thời ấy, bị "thần hỏa ra oai" thế là cháy luôn cả dãy phố.

Đây là nhà những người nghèo, cu-li dọn kho, bắt-tê cửa ga, kéo xe, phu phen khuân vác, đổi thùng, thợ hồ, người các vùng quê đói rách đổ ra kiếm sống ở thành phố đều chui rúc xuống ở bãi.

Có một hồi, về Hà Nội, Nguyên Hồng cũng ở một gian nhà lá thuê dưới bãi Nghĩa Dũng. Tôi thường xuống chơi. Khi ấy, vợ chồng anh mới có con đầu lòng, cháu Hà. Nhà vách đất tối om, vào cửa phải cúi đầu. Cả gian nhà kê vừa cái giường chõng. Dưới gầm, chiếc hòm gỗ. Tất tạt, gạo nước, nồi niêu, quần áo tổng cả vào hòm. Bên chân giường dựng bó củi nửa và cái hỏa lò để chị ấy thổi cơm.

Lều lán và người nghèo rúc ráy cả dưới bãi. Đây cũng là vùng tụ tập sòng bạc và các tay chơi có hạng. Bọn trùm gá bạc như Ba Sinh, Cả Vê, Hai Cua và bao nhiêu đầu trộm đuôi cướp khác. Sở mật thám biết rõ tông tích mà không đụng chạm đến. Những tù xống làm quân cướp ngày, những chúa du côn được chủ xe hàng thuê đứng bến đánh nhau tranh khách đều sinh sống ở các xóm bãi. Ở trên đê trông xuống chỉ thấy những mái lá lờm nhờm, nhôm nhếch bên bãi đất cát lẫn lộn với mặt nước đỏ rực. Sáng sớm, người ra bờ sông ỉa, đi tha thẩn, con chó lùn cùn theo. Các nhà gánh nước ăn về đánh phèn, đổi thùng cũng từ dưới sông lên, bước lẩn giữa mọi thứ củi mục, phân người, rác rưởi. Buổi chiều, gió lạnh ngoài kia quạt hun hút.

Vùng công chức ở và vùng bãi cày ngày càng chen chúc, bởi thành phố mỗi lúc một nhiều người hơn. Dần dần, hầu hết các làng gần xung quanh đều ra làm các nghề phục dịch. Người ta bảo chỉ có chó chợ Canh mới ngon thịt. Những hàng thịt chó chợ Đồng Xuân, Hàng Đồng đều người trong Canh. Làng Mơ có nghề nấu rượu, gọi là Rượu Mơ, lại còn Mơ Cơm - các hàng cơm đầu ghế trên phố đều là người Hoàng Mai. Người Lai Xá làm các nghề chụp ảnh. Ước Lễ làm giò chả, mở hàng cơm tám và hiệu may quần áo Tây. Các cửa hàng ngày nay hay có chữ Ước, chữ Hương, Tân Ước, Tân Việt, Tân Hương... người Thanh Trì bán đậu phụ đậu nường om nghệ và bánh cuốn. Bánh cuốn Thanh Trì là bánh mỏng soi lên được, bóc từng cánh, ăn với giò lụa chấm nước mắm cà cuống. Làng ở các cửa cống và lạch nước rãnh, nước

thải, ở Đại Từ, ở quanh Khâm Thiên, Ngã Tư Sở, cổng Đồn làng Hồ cắm rau muống bè. Nhà sành ăn chỉ chuộng rau muống sông Tô Lịch. Luộc mềm, xanh nước, ra ống ra lá. Làng Thụy bán quà sáng, quà trưa, bún ốc, bún chả, xôi vò chè đường... Kẻ Nhót chuyên buôn thuốc lào bán lẻ các chợ, thành tên thuốc Lào Nhót. Đàn ông làng Thanh Nhàn xách hòm đi cắt tóc trong phố. Trại Thủ Lệ thầu giặt chăn đệm nhà Tây, trại lính, nhà thương. Người Cổ Nhuế Hoàng làm hàng thầu may cắt quần áo nhà binh.

Đời sống thành phố cò con, có các ông Tây ăn trên ngồi trốc, còn thì, người ta bới bèo tìm bọ, sinh sống trên lưng nhau, nuôi lẫn nhau. Đi ở, đi phu, đổi thùng, làm mướn, phụ bồi, phụ bếp, kéo xe, kéo quạt, cu-li-san, làng nào cũng có người. Đêm đêm bốn phía trong cánh đồng trông lên thấy trời thành phố hừng sáng trong ánh đèn điện, thế là ban ngày lũ lượt người kéo vào. Người vô công rồi nghề, người thất nghiệp đâu cũng nhan nhản.

Người ta thất thế đi tìm việc qua đêm qua ngày.

Việc ở đâu, cái gì Tây cũng làm cả và từ bên Tây đem sang. Tây moi hết tiền. Cái nắp cống gang, ống nước bằng chì, lọ thủy tinh đựng thuốc, mảnh sắt xanh xanh để số nhà, tên phố đều làm ở Pháp, có tàu thủy tải sang. Cột đèn tròn, cột dây điện vuông ở góc phố, cũng đúc tận bên ấy. Các hãng Tây buôn cànng phát tài được nhiều thứ cho thuộc địa. Cả đến hòn gạch, hòn ngói cũng đóng ở lò bên Mác-xây. Ngói gạch tròn ấy thấy đề "làm tại Mác-xây". Mãi sau mới có nhà máy gạch Satic của chủ Tây đường Quan Thánh, rồi mới đến gạch Hưng Ký chủ ta. Những ngôi nhà được làm từ giữa thế kỷ đổ về trước, cứ xem hòn gạch, hòn ngói, cái ống cống nước có in hiệu đều rõ tuổi công trình.

Cái nhà, bức tường, vòm cổng, bờ hè viên xi măng hay viên đá xanh đều có thể đọc ở đấy ra cuộc đời và nhìn thấy tang thương Hà Nội. Những bờ hè đầu tiên bọc vỉa đá xanh, thợ đẽo đá khiêng quảy ở núi Trầm, núi Thầy về. Nay còn thấy cửa cống vỉa đá và đá lát hè ở đôi chỗ quãng giữa các phố Tràng Tiền, Hàng Khay, Ngô Quyền - trung tâm thành phố, nơi người Pháp ở đầu tiên.

Muốn biết rõ tuổi thọ ngôi nhà, ta trông dáng kiến trúc, hòn ngói, cái cửa sổ, hàng hiên với lan can, ở các phố Bà Triệu, Hàng Khay, đôi khi ngược lên còn nhìn thấy trên đầu tường hàng số ghi năm sinh của dinh cơ ấy: 1896, 1902, 1930...

Đừng ai nhầm những ngôi nhà mái cong tường dày, có dáng cổ kính ở đường Nguyễn Du, ở đầu trại Hàng Hoa, nhà "cô Bảo Đại" là những tòa ngang dãy dọc xưa cũ nhất thành phố. Các nhà này còn quá non tuổi là đằng khác. Ấy là khi chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, hải quân Đức phong tỏa đường biển, Nhật đã đổ bộ lên Đông Dương, sắt thép bên Tây không tải sang được, các nhà thầu nẩy ra sáng kiến làm nhà kiểu cổ. Không tốn mấy xi măng, cốt sắt, vôi cát, các mái ngói và bờ tường dày bọc bích. Lại hợp với phong trào "phục cổ" của Nhật!

Cách đây ít năm, lúc chập tối, một tầng trong ngõ Trần Nhân Tông cạnh hồ Thiền Quang bỗng sập xuống nguyên cả trần nhà. Như cái bẫy chuột. Hình như chết vùi mấy người. Ngôi nhà ấy đã xây vào thời "phục cổ" này. Trần nhà, đáng lẽ cốt thép, người ta đã làm bằng xi măng cốt tre.

Chúng tôi lặn lội đi tìm việc kiếm sống giữa đất Hà Nội nhốn nháo. Có lúc băng khuâng. Có lúc chạy thực mạng. Có lúc đứng lại cả buổi vẫn vướng tu hàng vải vóc hiệu Tây Quảng, Tây Cú cuối Hàng Đường và gian hàng tạp hóa Tây Lùn mở số quay có thưởng ở chợ Hàng Da. Có khi lên Bách Thảo cả ngày xem chuồng khỉ, chuồng hổ. Không biết ông bà nào vừa hóm vừa vui tính đã đặt tên cho những người thất nghiệp là người "xỉa răng cọp". Có khi lang thang suốt đêm nghe tiếng đồng hồ quả lắc, các nhà Hàng Đào, Hàng Ngang đánh chuông chen nối nhau đầu cuối phố. Hàng đàn chuột chạy hai bên cống. Một lúc, thấy hiện ra những bóng người đứng đập cửa chan chát, rồi tiếng gọi: Đổ thùng, đổ thùng. Thật rõ, đó là tiếng gọi cửa "Đổ thùng, đổ thùng", phu đổi thùng xia của nhà thầy Năm Diệm đã đi làm. Vừa đúng nửa đêm.

Trời sắp sáng, rồi trời sáng.

Quanh bờ Hồ Gươm, trên chòm lá cây cọ châu Phi, những đàn sếu, đàn

mòng kết phương xa về đậu đen ngòm, cứt lứt thứt trắng xóa xuống. Thi sĩ Thao Thao làm thơ "tám chữ" đã có câu tả "... ven hồ cứt trắng khô". Trên bờ tường đá nhà pha Hỏa Lò nhô lên cái mặt đen nhoáng của người lính da đen bên đầu lưỡi lê sáng rợn. Đã đến giờ đổi tan canh. Năm trước, còn trông thấy cả đôi giày người lính gác bằng súng đi dạo trên mặt tường chằng dây điện cắm mảnh chai lờm chờm. Bây giờ không thấy nữa. Bức tường quanh nhà Hỏa Lò mới được xây cao thêm có đến một thước, nay vẫn còn hằn cái ngấn xi măng và gờ đá.

Giữa Hà Nội quen thuộc quá mà phường phố thì thật xa lạ.

TÊN PHỐ, TÊN ĐƯỜNG

• Tô Hoài

Ở các thành phố trên thế giới, thông thường có hai cách đặt tên cho phố. Đánh số: đại lộ 3, đại lộ 15, đường 14, phố 18... Hoặc đặt tên bằng tên danh nhân, thắng cảnh, di tích kỷ niệm, nghề nghiệp.

Với cách đặt tên thứ hai, tên phố thường không chỉ là hàng chữ trên mảnh gỗ, mảnh sắt đơn thuần chỉ dẫn nơi ở, mà tên phố còn có ý nghĩa nhắc nhở giáo dục văn hóa, lịch sử truyền thống, biểu hiện văn hóa văn minh.

Phố Hà Nội mới được đặt tên từ thời Pháp và thuộc loại phố mang tên hình ảnh đất nước và con người với bước đi mỗi giai đoạn lịch sử. Trước kia, Hà Nội chỉ thường có tên bao trùm các nghề, các đền chùa, miếu mạo. Hà Nội 36 phố phường, Hàng Mật, Hàng Đường, Hàng Muối trắng tinh...



Tên phố như ta trông thấy bây giờ ra đời từ khi thực dân chiếm nước ta. Hà Nội thành đất thuộc Pháp. Tất nhiên tên phố do Pháp đặt. Ý nghĩa giáo dục của tên phố theo ý đồ của kẻ thống trị. Ba đường lớn ngang thành phố (Các phố Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo) ngày trước gắn liền những tên tướng tá và trùmen thực dân. Phố Đinh Tiên Hoàng bên Hồ Gươm là phố F.Gácniê (Viên quan ba chết trận ở Cầu Giấy). Phố Hàng Chiếu sầm uất ở quận Hoàn Kiếm là phố J. Duypuy (Người lái buôn khiêu khích cho Pháp lấy cớ đánh chiếm Hà Nội). Cũng có tên một vài danh nhân ta được đặt tên phố. Nhưng mĩ mai thay, chỉ càn lệ cái coi khinh cố tình của họ. Phố bảnh nhả Lê Quý Đôn ở một ngõ ngách, nay lấy lại tên xưa là phố Hàng Cháo, Nguyễn Bình Khiêm bị đưa vào ngõ cụt (ngõ Trạng Trình), và phố Nguyễn Trãi dài... 180 mét, cái phố nhỏ cạnh nhà thờ Tin Lành

Z

Tên phố Hà Nội có những thay đổi lớn từ 1945. Đảo chính 9-3-1945, Nhật đánh đổ Pháp, trên toàn cõi Đông Dương lập chính quyền thân Nhật. Trong khi đất nước trải qua nửa năm tình thế đặc biệt và khẩn trương, toàn dân bước vào thời kỳ chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, trước kia đánh Pháp bây giờ đuổi Nhật. Ở Hà Nội, bác sĩ Trần Văn Lai, thị trưởng thành phố của chính quyền Nhật dựng đã làm được hai việc đáng kể, là huy động người phá bỏ các tượng đài "kế công" của thực dân Pháp - riêng tượng nhà bác học Pátxtơ và tên phố bác sĩ Yêcxanh vẫn được giữ nguyên. Các tên phố và tên vườn hoa khác đều được đặt lại. (Bác sĩ Trần Văn Lai một trí thức yêu nước, sau 1954, Hà Nội được giải phóng, bác sĩ là thành viên UBND và Ủy ban MTTQ thành phố).

Sau đó, hơn một năm đầu Hà Nội Tổng khởi nghĩa (19/8/1954 - 19/12/1946), chính quyền cách mạng cũng đặt lại tên phố, chủ yếu là xóa các tên vua quan và các tay sai thời nhà Nguyễn.

Rồi Hà Nội bước vào thời kỳ kháng chiến toàn quốc.

Tám năm Pháp chiếm lại Hà Nội (1947-1954), cũng chỉ đổi một số tên phố. Lập lại phố có tên vua nhà Nguyễn, như phố Gia Long và thêm mấy tên phố mới, như phố Mỹ quốc (phố Tràng Thi), phố Anh quốc (phố Tràng Tiền

bây giờ), phố Pháp quốc...

Từ 1954, khoảng 10 năm đầu (1954-1964) Sở văn hóa đã thành lập "Ban tên phố" giúp Sở đặt lại một số tên phố. Bỏ tên phố mang tên vua quan thời Nguyễn, đặt mới một số tên tượng trưng truyền thống, sự kiện lịch sử và cách mạng (các phố và đường Hùng Vương, Trần Phú, Hoàng Hoa Thám, Bắc Sơn, Điện Biên Phủ...). Ngoài ra, hầu hết những phố khác vẫn do tên phố từ tháng ba 1945 của bác sĩ Trần Văn Lai.

Lấy tên quảng trường Ba Đình làm ví dụ. Thời Pháp đường Điện Biên Phủ ngày nay mang tên linh mục Puyginiê. Cuối đường có một bãi trống là poăng (point: điểm bắt đầu phố) Puyginiê. Sau đảo chính 9-3-1945 chỗ ấy được bác sĩ Trần Văn Lai đặt tên là quảng trường Ba Đình. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, báo chí và đài phát thanh loan tin đi các nước và thế giới sự kiện vĩ đại: Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt quốc dân giữa cuộc mít tinh toàn thành ở quảng trường Ba Đình. Tháng 12-1945, quảng trường Ba Đình được tên mới là quảng trường Độc Lập. Pháp chiếm lại Hà Nội đổi tên là quảng trường Hồng Bàng. Năm 1954 Hà Nội được giải phóng, lấy lại tên là quảng trường Ba Đình - dựa trên thực tế là tên quảng trường Ba Đình với ngày Quốc khánh 2-9 đầu tiên đã thành sự kiện lịch sử được phổ biến trong nước, ngoài nước từ những ngày đầu cách mạng và kháng chiến.

Hai chữ Ba Đình - tên một chiến khu ở Nga Sơn (Thanh Hóa) của Đình Công Tráng và các chiến hữu của ông chống Pháp năm 1886 - trở thành tên một quảng trường trung tâm Hà Nội đã biểu hiện một phần quá trình và đặc điểm của vấn đề đặt tên phố thủ đô. Có người không hiểu "sự tích" đoán chỗ ấy ngày trước có ba ngôi đình, nên được đặt tên là Ba Đình!

Z

Trên 40 năm đã qua, các tên phố Hà Nội đã có một số thay đổi, vẽ nên bước hình thành của lịch sử và sự phát triển ở Hà Nội và cả nước. Nhưng thật ra từ sau lần thay đổi đầu tiên 1945, về sau và cho tới bây giờ, lần nào cũng chỉ là đôi chỗ sửa chữa - chứ thực sự chưa khi nào được xem xét tường tận mọi mặt để làm cho tên các đường phố Hà Nội thực sự chính xác, hoàn chỉnh

đủ giá trị sánh kịp với đổi thay lịch sử.

Tên phố Hà Nội hiện nay dường như thế nào? Có thể nói ngoài phần tên phố ghi lại Hà Nội xưa bằng tên các đền chùa phố phường, nghề nghiệp cũng như phản ánh từ thời truyền thuyết lịch sử các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần rồi đến thời Pháp, xuất hiện các phong trào văn thân yêu nước, những tên phố qua các thời kỳ trên, đều là những địa danh, những nhân vật, những sự kiện đáng kính và tấm gương, nhưng nếu so chung với chiều dài lịch sử cho đến tận hôm nay và nhiệm vụ giáo dục bằng tên phố, thì các tên phố ở Hà Nội còn so le, còn chênh lệch trước thực tế qua từng giai đoạn.

Hà Nội chưa có đường Cách mạng tháng Tám. Hà Nội mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc (1946-1954), thế mà chỉ có tên đặt cho một cái chợ, là chợ "19-8", cái chợ xếp cạnh tòa án thành phố, mà người ta gọi tên lóng là "Chợ Âm Phủ" (Bởi vì đấy thời Pháp chiếm là bãi tha ma chôn xác những người vô thừa nhận). Với cả nước, cuộc kháng chiến chống Pháp chỉ có mỗi một tên đường (Điện Biên Phủ). Các chiến công thời chống Mỹ chưa được nhớ lại bằng một tên phố nào. Hình ảnh cuộc chiến đấu chống Mỹ của cả nước cũng chỉ mới được một tên đường: đường Giải Phóng - mà người ta có thể hiểu được khi liên hệ thêm thực tế, chứ riêng hai chữ "giải phóng" thì chỉ có nghĩa chung. Không một phố, một đường, một vườn hoa nào ghi nhớ các thời kỳ lịch sử sau 1930, từ khi Đảng ra đời. Còn các sự tích trước kia thì quá nhiều, đã có đường Hoàng Hoa Thám lại có thêm ngô Yên Thế, có đường Nguyễn Thái Học lại có thêm phố Yên Bái...

Các phố mang tên những nhân vật thời kỳ cận đại, cũng là cần, nhưng có những tên phố mang tên các nhân vật rất ít tác dụng gợi nhớ: Ấu Triệu, Cao Đạt, Cao Thắng, Lữ Gia, Khúc Hạo, Lê Thạch, Lê Văn Vinh, Đoàn Nhữ Hài, Lý Đạo Thành, Nguyễn Phạm Tuân, Triệu Quốc Đạt...

Nêu thêm một so sánh trong phạm vi mà tôi có am hiểu. Những phố lớn và nhỏ được đặt tên các danh nhân văn học: Lê Quý Đôn, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Nguyễn Huy Tự, Lý Văn Phức, Nguyễn Lai Thạch, Trần Tế Xương, Tản Đà... đều được đặt từ 1945 và do sáng kiến của bác sĩ Trần Văn

Lai. Bác sĩ là một nhà khoa học, ông đã am hiểu vì yêu quý văn học. Nhưng tình cảm và sự quan tâm của Trần Văn Lai chỉ dừng lại ở Tản Đà và thời kỳ văn thân mà thôi.

Bây giờ, ngót nửa thế kỷ đã qua, đất nước trải những bước ngoặt lớn, đã có biết bao tinh hoa các ngành, từ chính trị, quân sự, khoa học đến văn học, nghệ thuật. Để kéo dài sự đứt đoạn như trên ở các tên phố, sự hiểu biết và tác dụng giáo dục hàng ngày ảnh hưởng tới tâm tư người thành phố, là một thiếu sót không nên để tồn tại lâu hơn.

Z

Quanh vấn đề tên phố ở Hà Nội, còn có những mặt khác phải quan tâm.

Nhiều phố vẫn giữ tên bằng con số như thời Pháp (phố 215 chẳng hạn) ít người biết là ngày ấy người Pháp lấy con số làm tên phố, chỉ vì phố mới quá chưa được đặt tên, chứ không phải con số là tên phố. Chẳng lẽ ta cứ giữ những con số chỉ đặt tạm từ thời Pháp?

Lại nhiều phố có tên mà không rõ nguồn gốc do người phố ấy tự đặt ra từ bao giờ như các phố, các ngõ An Sơn, Đồng Tâm, Mai Hương, Tân Ấp, Thiên Hùng...

Có phố đáng lẽ dùng tên thông thường, dễ hiểu, lại vẫn theo như từ khi mới đặt: những Phù Đồng Thiên Vương, những Thái Tổ, Nhân Tông, Thánh Tông đáng lẽ gọi thẳng là tên mới chính xác.

Còn có những phố, những ngõ nhỏ, ngõ Sơn Nam, ngõ Tân Hưng, dốc Tam Đa, bây giờ người ta có thể nhầm đấy là những kỷ niệm về trấn Sơn Nam, về một làng Hưng Thịnh nào đó, làng Tam Đa nào đó... nhưng cái gốc của các phố ngõ ấy chỉ là thế này: ngõ Sơn Nam là ngõ phố của nhà tư sản tên là Bạch Sơn Nam, ngõ Tân Hưng là phố của ông Chấn Hưng chủ hiệu vàng bạc "nhà đỏ" Phạm Chấn Hưng, còn tên là dốc Tam Đa là vì ngày trước có nhà Ích Phong làm dầu cù là, trước cổng có tượng tam đa: Phúc, Lộc, Thọ (bây giờ không còn) nên người ta quen gọi là nhà Tam Đa và nay là dốc Tam Đa. Thế thôi.

Thành phố cần có tên thống nhất gọi là phố, là đường, là ngõ (hẻm)... Đường Hà Nội trước kia được phân biệt: phố, đường hai bên có nhà ở, cửa hàng, đại lộ có vỉa hè rộng, cây to giao cành (đại lộ Gambetta - phố Trần Hưng Đạo bây giờ), đường, đường dẫn ra ngoài thành phố (đường Huế, phố Huế bây giờ - cuối phố đã là huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông), phố nhỏ: phố ngách cạnh phố lớn; ngõ: phố nhỏ chỉ có lối vào không thông qua phố khác gọi là ngõ 1, ngõ 2 của phố lớn ở ngoài (hoặc gọi là hẻm như ở Sài Gòn)... Chúng ta có thể tham khảo cách ghi trên trong khi định lại lối gọi của ta không để lộn xộn như hiện nay, ngõ hẻm, ngõ cụt cũng gọi là phố, lại có nơi dịch chữ Xitê (cité) là xóm, cho nên giữa thành phố mới có xóm Hà Hồi (ngày trước đây là Xitê Giôrêghibery).

Hiện nay, các thành phố đang mở thêm nhiều khu vực mới. Các huyện ngoại thành và những xã, thị trấn, huyện lỵ đang trở thành những phường phố vệ tinh của Hà Nội. Thị trấn Cầu Giấy, thị trấn Thanh Xuân, thị trấn Nghĩa Đô nhiều khu nhà mới chưa được đặt tên phố, chưa có số nhà hoặc số nhà đặt ngược xuôi tùy tiện. Trương Định, Kim Giang, Giảng Võ, Thành Công, Trung Tự, Kim Liên... chỉ là tên khu vực, mỗi khu vực đang cần có tên đường, tên khối nhà. Câu tục ngữ mới hiện nay "nhà không số, phố không tên" có ý chế giễu cái Hà Nội không Hà Nội hiện nay. Ở mỗi khu vực, mỗi khối nhà khu tập thể các đường đặt tên danh nhân, thắng cảnh, đặc điểm lịch sử hay tên tạm bằng con số 1, 2, 3... thế nào tùy theo thuận lợi, nhưng cần làm ngay.

Vấn đề tên phố còn liên quan đến nhiều mặt cụ thể của vẻ đẹp thành phố. Không thể để cái biển phố lệch lạc, méo mó, đóng đinh vào thân cây, vào cọc, chỗ cao chỗ thấp không nhất định hoặc cả quãng dài không có biển, mất biển. Không thể trước cửa mỗi nhà tùy tiện phết phẩm xanh, đỏ ngoằn ngoèo viết số nhà to, bé và trái ngược nhau - biển số nhà của thành phố Hải Phòng thống nhất và đẹp mắt hơn Hà Nội nhiều. Không thể để khối nhà, tầng nhà đánh số linh tinh vào chỗ nào cũng được hoặc không có số. Và tên phố không in kiểu chữ cầu kỳ, khó đọc, cũng không được viết tên phố sai. Có tên phố viết sai khiến người đọc sai rồi không sửa được. Phố Quán Thánh (quán Trấn Vũ có tượng ông thánh đồng đen) gọi nhầm là phố Quan Thánh không có nghĩa. Vừa qua, vài tên phố đã được sửa đúng, nhưng vẫn còn Tạ Hiện (thành Tạ Hiền), Đồ Hành (thành Đồ Hạnh), Hà Hồi (thành Hạ Hồi)... và có người bây giờ vẫn gọi hồ Thuyền Quang là hồ Ha Le - tên một đốc lý Pháp ngày trước.

Vấn đề tên phố không chỉ là việc đặt ra mỗi khi có việc phải bàn về tên phố, mà đây là công việc của một tổ chức có nhiệm vụ rõ ràng và hoạt động thường xuyên. Tổ chức này gồm những người trong các ngành nghề hiểu biết về Hà Nội, đề xuất được các vấn đề khi đặt tên phố, tên công viên ở nội ngoại thành và theo dõi giúp mọi việc chỉnh đốn hình thức về tên phố và số nhà.

Nếu không sẽ xảy ra như đã xảy ra những tên đường, tên phố lạc lõng. Chẳng có lý do gì mà đoạn đường Bưởi đến dốc Nhật Tân thật dài lại được đặt tên truyền thuyết Lạc Long Quân. Đường Bưởi trở xuống Cầu Giấy không một chút nào dính đến vùng Bưởi. Và đường Thụy Khuê tự dừng lại chạy qua ba làng nghề giấy vùng Bưởi.

Tên phố là hình ảnh lịch sử, truyền thống và văn hóa, là mỹ quan bộ mặt của thành phố - góp phần giáo dục sâu rộng nếp sống và tinh thần của con người ở Hà Nội.

1980

LÀNG HOA

• *Nguyễn Tuân*

Nhật Tân là một xã ở ven Hồ Tây Hà Nội, năm này qua năm khác cung cấp đào Tết cho Thủ đô. Gió đông năm nay vừa thổi về, thì làng Nhật Tân cũng vừa xong cấy thè chia ruộng đất. Đất khu Tây Làng, có một thửa rộng dài 6 mẫu 3 sào, gọi là Dinh Đào. Dinh Đào hoa thắm nở kín trời, có đến dăm bảy nghìn gốc, nhiều gốc đào cụ tán tròn như tán cây vải mới bói quả. Một ông lão râu tóc bạc phơ kể: "Chả biết Dinh Đào có từ bao giờ, nhưng lớn lên đã thấy nó nở hoa như rừng. Đào giống nơi khác phai cánh, đào ở Dinh Đào mới thắm hoa. Dinh Đào, buổi sớm buổi chiều có bóng mặt trời, nên đào tốt. Dinh Đào tốt hoa, nhưng địa chủ vườn đào rất dữ. Chúng nó xưng hùng xưng bá, chia tay nhau mà chặt cây đánh gốc, gốc bán đi, gốc đưa về vườn riêng. Thăng Truyền 20 năm tù, đúng là bọn ấy đấy...". Cải cách ruộng đất tiến hành mạnh khắp ngoại thành Hà Nội, tiến quanh ven Hồ Tây, đã trả lại Dinh Đào cho gần 30 gia đình nông dân lao động. Lúc cấy thè có tuyên bố rằng đất Dinh Đào sẽ không trồng hoa màu gì khác, mà sẽ gắng khôi phục diện tích trồng đào, phát huy cái truyền thống đào Thủ đô. Anh chị em bản cổ trung nông vui mừng như hoa nở Tết. Và đều nhớ lại những năm cuối châu của thời địch chiếm đóng, anh chị em có đấu tranh đòi chia thừa đất Dinh Đào để trồng đào; lúc ấy cường hào phản động dọa: "Đứa nào còn đòi chia đất để trồng đào, tức là Việt Minh cộng sản". Chúng mời cho được đại lý Hoàn Long và quận trưởng về tận đây, lấy thế nạt nhân dân. Mặt khác, chúng triệt hạ vườn đào. Bà Tý Dần bảo: "Chả nhớ là tháng năm nào, nhưng ngồi trong nhà, có nghe rõ tiếng dao nó chặt ngoài Dinh Đào". Các bà đang tát nước chống hạn đều hướng về chỗ những sào đất ngô đang trổ hoa, nói một loạt: "Chỗ trồng bẹ kia, trước là đào cả". Anh cán bộ thủy lợi phụ trách cái máy bơm đang chạy xình xịch hút nước Hồ Tây lên mặt ruộng chép miệng: "Giá

hồi ấy mà chia được để trồng đào thì chỗ này giờ đỏ ối cả rồi. Làm gì đến nỗi trồng tuếch ra thế này. Chúng nó đúng là bọn lãng phí và hủy hoại ruộng đất". Hình ảnh những năm bóng tối trùm lên vườn đào lại được mọi người gọi lại.



Cứ gần Tết, địa chủ tay sai của thực dân, đi bố tiền thuế cho các chủ vườn trồng đào. Cứ tính theo gốc hoa mà đóng năm chục hoặc một trăm đồng Đông Dương, gọi là thuế trị an vườn đào. Nó bắt lấy cát, lấy liếp dựng lều canh. Nhưng mặt khác, chúng cho lính về cướp đào của nhân dân giữa ban ngày. Kia kia, cái bốt trên mặt đường cái, chỗ ngã ba Phú Thị đầu làng, nó xây từ năm 1949 ấy, cứ từ phía ấy chúng nó ập vào làng. Nó đi xúi các nhà, giúi cửa vào tay, cưỡng ép dọa nạt, bắt cửa đào cho nó. Nó giăng lấy cửa, cửa vào thân đào đau xót như cửa vào chân tay chủ vườn. Dăm cành ngổn ngang, cánh hoa rụng xuống như máu rơi; vườn đào long hết gốc. Chúng nó lũ lượt đưa đào về bốt Liễu Giai để lột bọn cao cấp của quân đội viễn chinh...

Tôi vào cái vườn đào tịch thu của tên Truyền. Đào này là thứ nó bắt bần cổ nông đánh ở ngoài Dinh Đào về vườn riêng nó. Có đến gần trăm gốc. Nay chia cho mười một gia đình anh em. Không hiểu câu chuyện loanh quanh thế nào mà có người nhắc đến cái đoạn kết nghĩa vườn đào trong truyện Tam Quốc. Anh gì đang xoắn múi lạt trên mái nhà cũng nói xuống: "Đào địa chủ là đào bất nghĩa. Tôi không biết truyện Tam Quốc, nhưng tôi thấy cái vườn đào đấu tranh được này là vườn đào đoàn kết giữa mười một gia đình". Anh Quy được chia bốn chục gốc đào của tên Hào ở khu Tây. Khu Tây là nơi tập trung nhiều địa chủ gian ác nên ở đây, đào cúng chúng cũng rất nhiều. Những gốc đào đấu tranh giành lại được, anh em đều gọi là đào chiến thắng. Anh Quy kéo tôi nhìn sát vào những gốc đào chiến thắng của anh: "Năm nay nhuận một tháng, đào nở già, trước Tết. Nhưng đây, lớp trên này, còn nhiều mắt lằm. Trời cứ rét thế này là ăn, là còn trúng Tết đấy anh ạ". Tôi lại tạt sang vườn anh thôn đội trưởng Hán, có đến mười sáu gốc toàn bích đào hoa kép hoa đơn. Anh Hán nói chuyện hoa đào năm ngoái: "Năm ngoái đào nở non, mãi ba mươi Tết, nhiều nhà mới đưa hoa đem lên phố Cống Chéo Hàng Lược và chợ vắng hoa, bọn phản liên xuyên tạc bảo Kháng chiến về tức là mất chơi đào, cấm mua bán. Riêng em, năm ngoái bán được hai chục vạn. Sau hôm Tết, còn có một đồng chí Liên Xô đánh xe hơi về tận đây chở một gốc về và trả 7.000 đồng".



Đào khu Đông còn đẹp hơn đào khu Tây. Đứng trên đường cái mặt đê mà nhìn xuống khu Đông, mặt ruộng mặt vườn các xóm cứ như từng mảng phần hồng tụ lại. Trong các luống đào, cánh giao nhau, san sát, thấp thoáng những cái bông trắng phau của những ngọn thê chia ruộng đất, chia luống hoa. Màu trắng ngọn thê trắng ngần như những cổng đình chùa tô lớp vôi Tết chờ ngày xuân mới. Cúc vàng đang khoe sắc, đào đang ra hoa, cải bắp đang cuộn lá xanh, quýt chín đỏ ối. Lúc này, được làm điện ảnh quay phim màu, tôi thấy cái khả năng màu nhiệm của nó trong việc biểu dương đất nước miền Bắc tươi trẻ, biểu dương cái vui sống và yêu đời trong chế độ mới.

Vườn anh Chi, vàng rực lên cúc chi và quýt. Để chim khỏi ăn quả chín, các luống quýt đều phủ những tấm lưới rách. Anh Chi vừa là chủ vườn, vừa là dân chài. Lại kể chuyện quýt dưới thời đen tối: "Phải, cứ vào khoảng này đây, là thằng quận Thụ sức về cho mỗi nhà phải gánh lên bột Yên Thái một đôi quýt. Trồng tưới xong xuôi, nó mới cho về... Em làm hoa, cũng khổ với nó, và làm cá cũng khổ như làm hoa. Phải lễ nó. Nó đòi cá chép. Dăm mười hôm một lần, cho cái thằng lính đứng canh ở cái lô cốt trên đê Ổi kia kia. Lễ nó vừa xong, nó đổi đồn, thằng khác đến, thế là lễ toi... Hai giờ sáng nó mới cho đi hốt vùng, thả cụp. Đầu thuyền phải cắm bó hương, không thì nó bắn.

Thuyền ven hồ, nó bắt thượng lên, chuyển ra mé sông cho nó chở quân đi quây các xã ngoài bãi, nó đâm thủng thuyền rồi vớt đất..." Vườn bên cạnh cũng chỉ chút cúc, đào, quất. Vợ chồng anh Thân cũng chồng cá vợ vườn. Anh khoe: "Cả cá, cả vườn, Tết năm nay nhờ Đảng, nhờ Chính phủ, nhờ Đội em sẽ thung dung được. Cứ hăm sáu Tết là em cho đánh quất lên phố... Em chưa có kế hoạch sản xuất hoa năm 1956... A, cúc lù thì khó hăm trúng Tết. Nhưng đến ngày 2-9 thế nào vườn nhà em cũng có cúc sớm, để kịp dự lễ Quốc khánh". Hoa đào mãi khai trên bảy luống vườn nhà ông Hữu đang đông bóng người. Các chị phụ nữ xã đang hội ý về tình hình chuẩn bị kịch tối liên hoan tất niên. Tôi trở về khoảnh vườn chị chi ủy viên. Ở đây, lá cải bắp mượt hơn lá trên các luống lay ơn; ngồng cải lấy hạt giống, hoa nở tươi hơn hoa cúc; vài gốc đào, hình dáng thoải mái tự phát. Buổi chiều vừa rồi, chị chi ủy viên đã đưa tôi lên thăm nhiều khoảnh vườn, thấy rõ mỗi luống hoa là một sự phấn khởi. Nay trở về vườn xinh bé của chị, trông gốc đào, khóm cúc, luống đơn, tôi hiểu ngay rằng chị bận, đi họp nhiều. Chị cười bảo: "Hoa của nhân dân đẹp quá. Năm nay rồi tôi cũng phải sắp xếp thời giờ. Tôi cũng cố làm sao cho năm nay hoa nhà tôi cũng gương mẫu". Bà cụ ngồi trong bếp kêu nhà bán người lắm. Tôi nhớ lại rằng cụ có một con trai vào du kích giữ làng. Nhiều lần nó vây hồ, anh không kịp xuống hầm, ra bãi, anh phải nhảy xuống hồ. Anh bám lấy những bè sen nở hoa, lẩn tránh nó, có khi từ gà gáy đến đỏ đèn, cứ lênh đênh giữa Hồ Tây, gió đưa bè hoa đến đâu, anh trôi theo đến đấy, mình mẩy sây sát vì gai sen. Sau bị lộ, anh lên khu vào chủ lực và gửi mình trên đất vùng mỏ tự do.

Trước vườn nhà chị chi ủy viên, cái boongke ngụy trang sơn màu cỏ cháy, vẫn lù lù trên đê Ôi, lỗ châu mai hau háu nhìn xuống. Tôi nhìn nó, tôi nhìn rộng ra những gốc đào thắm tươi, tôi nhớ đến cái danh từ "đào chiến thắng" của anh chị em ở đây đặt cho những gốc hoa được chia sau đấu tranh thắng lợi. Trong người tôi, vụt bốc lên những hình ảnh chiến dịch Đông Xuân năm xưa của Việt Bắc, những hình ảnh của chiến thắng Cao Lạng, mở thông biên giới và nhổ dần đồn bốt phía Tây Bắc. Những năm gian khổ và anh dũng ấy,

đại đoàn chủ lực chúng ta đã mở chiến dịch vào lúc rừng đào còn ngậm nụ; những người nông dân võ trang đã hành quân, trú quân, im lặng như rừng đào ngậm nụ. Lửa chiến thắng nổ tung rừng mai, rừng nứa, đã thức dậy rừng đào bừng nở. Trên con đường về tổng kết chiến dịch, như trăm nghìn mảnh thư nhà, cánh đào các rừng hoa Phố Lu, Văn Mịch, Bắc Sơn, Thuận Châu, Yên Châu, Tây Bắc, nhẹ rơi xuống cầu vai áo màu cỏ anh bộ đội nông dân. Cánh đào nhẹ rơi, những buổi chiều xuân nhớ đồng bằng làng mạc, có những cánh hoa đẽ xuống vai... nặng hơn cả những cỗ súng chiến lợi phẩm... Đào tiền tuyến những năm đã xa ấy, báo hiệu cho đào hòa bình năm nay ở xã ven hồ đang nở hoa chào mừng cải cách ruộng đất thắng lợi.

Z

Tôi nhớ hôm xã Ngọc Hà cầm thẻ nhận ruộng hoa đầu tháng chạp 1955, trên bàn họp có một bó lay ơn màu san hô mới hái, hoa lá còn lóng lánh hạt sương đêm. Tôi nhớ mãi cái câu phát biểu: "Được nhận ruộng, tôi sẽ phấn khởi trồng cây tươi quả tốt". Rồi sau đó, thẻ trắng tua tua cầm xuống các luống phẳng, cắm chướng, lay ơn, quế, hồng lam, thược dược. Đứng xa mà nhìn những tấm thẻ mang tên những người chủ nhân mới, tưởng như đâu đây là một vườn ươm cây của viện nông học, tiêu đề lên từng giống hoa, giống cây đem phân loại ra.

Tôi trở lại làng hoa, đứng giữa cái thung đất của tên Bằng. Ở đây, bà Nhỡ được chia một ít. Trước, bà vẫn làm cái thửa đất này; năm kia trồng phẳng, năm ngoái trồng thược dược. Ôn chuyện trước ngày cải cách ruộng đất, hồi còn phải đi lay van mà thuê đất, ngày Tết bà chả còn dám nghĩ sắm sửa chút gì. Năm ngoái, đành khất nợ đến gần giao thừa mới trả, chứ nhất định không bán hoa non cho địa chủ. Năm kia, thì địa chủ ăn cả. "Em nay có 3000 củ dơn. Ngân hàng cho em vay 3 vạn làm vốn. Em mua ngay một cái ô dòn mất 1 vạn 2 nghìn... Thuế nông nghiệp khoảng gần 3 vạn. Còn tiền phân gio nữa... Năm nay nhiều, cơ quan, phố phường mà phát đạt, em bán được hoa Tết, thì cứ mà thu được 30 vạn, là em có Tết. Trả xong những món nợ chính, thì rồi cũng phải sắm sửa ít nhiều. Phải may cho thầy nó cái áo bông để có cái sớm

sớm đi tưới vườn". Đứng bên những luống hồng quế, mặt luống lẫn tẩn rau thìa là, ông Nhờ ngừng tưới và chêm vào: "Hồi vợ chồng em còn làm cho thằng Thiện, hồng quế hái về cho nó, nó lấy cốt quây tròn như cối mà đổ vào đây có ngọn. Vụ năm ấy, riêng một khoảnh em làm nó bán ra được 1.000 Đông Dương tiền quế. Mình cả đêm tát nước, ngủ chòi canh; nó ăn cả". Rồi ông nói sang kinh nghiệm trồng hoa. Chúng nó giấu nghề. Ngay đến hạt giống hoa phẳng, bọn địa chủ đi Nam cũng mang đi theo, cho là những người ở lại, chả lấy đâu ra mà trồng. Kinh nghiệm về hương về hoa, chúng nó nắm cả. Nhưng em cũng mò mẫm. Ở gần nó, xem ý nó mà làm mà hiểu, đừng có đợi chúng nó bày cho, nó rất hiếm. Hồi ta sắp đi xin mằm, dấm dúi đem đi dấm, rồi là cũng biết được hết. Hồi ta sắp về tiếp quản, trước khi tẩu tán, chúng phao lên là đám Kháng chiến về là chỉ còn chém to kho nhừ, chẳng hoa chẳng lá gì đâu. Nay thật là Đảng và Chính phủ đem lại thóc gạo cho mọi người, đem lại cả hoa cả nụ cho nông dân nữa..."

Đêm ấy, tôi ngủ ở nhà gạch một địa chủ nay ba gia đình nông dân ở chung. Một bên là anh Cống và chị Gái, người đảng viên của chi bộ mới kết nạp cùng một ngày với bà Nhờ. Riêng gian bên này là gia đình ông bà Nhờ.

Chị Gái trước kia quanh năm phải lang thang đi buôn hoa ngấn cuống, khắp các vùng Chèm Vẽ, Noi Cáo, Trung Kính, buôn hoa tươi, hoa ngâu, hoa sói và thuê những gốc ngọc lan ở phố Hàng Dẫy hái quanh năm, bán các chợ tuần chợ Tết, gói hoa thàng treo cửa các nhà thờ điện. Nay chị được chia trăm thước đất. Chị làm năm luống, trên là hồng quế, dưới là su hào. Chị phá đi một luống, trồng cúc vạn thọ làm hoa độn. Chồng chị, đốt than ở nhà máy đèn. Ngày chị chăm bón hoa, tối chị đi tuần, trấn áp lưu manh. Còn anh Cống, cũng làm công an xóm, nay được hưởng hoa lợi trên bốn luống phẳng thơm ngát và đủ cả xanh, đỏ, trắng, tím, vàng. Ngoài lối cổng đi vào là một gốc lan to lắm. Đâu chia cho một bà cụ nghèo. Trông ra bóng cây lan, lại nhớ cái chuyện thằng Thiện chặt gốc lan của nhân dân để hoa lan nhà nó được vót giá lên.

Đêm đã khuya lắm rồi, mà tôi vẫn không ngủ được. Cứ nghĩ lan man.

Buổi tối, ở một cuộc họp ngoài đình còn chờ đủ cốt cán, có một nhóm ngồi tách ra, đủ gái, trai, già, trẻ đang cùng nhau xì xào về kế hoạch sản xuất hoa năm nay. Họ đang thắc mắc về một ngày lễ lớn, rơi đúng vào mùa nắng, ít hoa đẹp. Như ngày 3-2 mừng Đảng ra đời và cũng là biết ơn Đảng đem lại no ấm và tươi thắm cho làng mình. Rồi đến ngày sinh nhật Bác; 19-5 dù là nắng nỏ, luống hoa hút nước xèo xèo, nhưng phải đảm bảo được hoa đẹp.

Tôi còn nhớ đến bao nỗi khổ tình thương của những chị trồng hoa cho nhà địa chủ Ngọc Hà, Hữu Tiệp. Đêm đêm, một bóng một đèn góc vườn vắng. Giọt sương khuya đọng trên hoa lá, có khác chi muôn nghìn giọt nước mắt nhỏ ra từ tròng mắt những người làm vườn sẩy chân vào nhà địa chủ. Tâm hồn người nghèo nhiều cái cao quý vậy thay! Biết hoa nở đến đâu là địa chủ ăn hết, biết mình chẳng dự phần vào đấy, nhưng vẫn nâng niu chăm bón từng cánh hoa gốc hoa, trân trọng cái lành cái đẹp trong trời đất. Những bông hoa bị địa chủ làm tù làm tội, nay được giải phóng theo với người nghèo trồng hoa đi ở năm. Những đức tính cao quý của người nông dân làm hoa, sẽ còn nảy nở khôn cùng, như muôn nghìn hương sắc cuộn bốc lên trong nắng ấm. Tại sao chưa có ai nghĩ đến việc dùng phim màu để biểu hiện lên những cái tươi đẹp thơm lành này, do cái cách ruộng đất đem lại cho những con người lao khổ vì hoa, tại một xã trồng hoa, trong chế độ tươi tốt của chúng ta ở miền Bắc?

Trên đầu giường tôi, vẫn nghe đều đều cái tiếng tích tắc chiếc đồng hồ báo thức. Cũng như cây đèn bão của tất cả những người chăm hoa và hái hoa đêm, chiếc đồng hồ này là đồ dùng cần thiết của những người trồng hoa bán hoa ở làng này. Nghèo khó đến nhịn ăn hôm sau cũng cứ phải lăn vào mà sắm cho được, vay nợ lãi 20 phân mà sắm, vay tiền góp hàng tuần mà sắm.

Trong một đêm khó ngủ, tôi đã hình dung lại bao nhiêu cảnh bóng tối phủ lên làng hoa những năm Tây đóng chốt. Bà Nhỡ bảo sợ lắm. Đêm đêm cầm cái đèn bão soi lên luống hoa, cứ giơ tay ra ngắt cái cuống huệ đánh tách một cái, thì con chó già bên bụi rậm lạch nước lại tru lên, lại giật mình rụt tay lại. Cứ nơm nớp sợ cái thẳng lính viễn tiêu ở chốt Liễu Giai nó nổ một phát vào

vườn, tan cái đèn bão. Thắp đèn cũng sợ nó bắn. Không có đèn, ra khỏi nhà cũng sợ nó bắn. Chợ đêm bán hoa, buôn bán, xưa kia vẫn họp trên đường cái đường Quần Ngựa. Từ ngày nó đóng quân, sợ, phải lùi chợ sâu vào giữa làng. Có những bọn batui từ khuya đã lẫn nấp ở bờ ao, bờ giếng, ngõ xóm, ai ra chợ sớm là nó chộp nó hiếp, nó giật tiền. Ra sớm thì đụng nó, ra chậm thì chợ vẫn. Cho nên sống chết cũng phải sắm cái đèn và cái đồng hồ báo thức. Còn nhớ có những đêm vừa đội cái thúng hoa, nhô đèn ra khỏi cổng, là biết có động có biến rồi. Nó quây làng rồi, ngõ nào cũng một thẳng đứng chiến. Báng súng nó gạt những thúng hoa tung vãi đầy các ngõ. Bao giờ nó cũng bắt đầu quây Ngọc Hà, Hữu Tiệp trước; rồi đồn lên Liễu Giai là rõ mặt người; nó lọc ra từng giới, tên chỉ điểm trùm kín mặt đi nhận mặt những người hoạt động. Chỉ có khóc mà nhìn nó đưa anh em đi, rồi lại khóc mà nhìn những luống hoa vườn nhà toàn những vết giày đinh. Nhưng mà cũng có những ngày hả hê, mặc dù không dám thốt ra lời. Chỉ vui thầm với nhau trong một số bà con tin cần. Khi nào thấy nó đặt làm cuaron khi nào nó mua nhiều hoa vòng, khi nào cánh bán hoa Bờ Hồ và chợ Đồng Xuân về sục các vườn là biết quân lính nó chở xác về nhiều, là biết "ngoài ta" đánh những đòn nặng vào chỉ huy viễn chinh của nó. Ở đây mù mịt lắm. Cơ sở có lúc lại trắng băng; thường chỉ đoán qua những việc như vòng hoa đó, mà thông cảm thầm lặng với bên ngoài. Nhưng những ngày này, cũng là những dịp để người đi ở công năm cho nhà địa chủ trồng hoa phải chịu đựng nhiều thêm nữa. Vợ thằng Thiện, ngồi giữa chợ, có ngày thu ba bốn ngàn đồng Đông Dương tiền hoa vòng, có vòng đến dăm trăm. Nhưng anh chị em làm hoa cho nó phải thức thâu đêm, làm chậm nó đánh nó chửi. Không những địa chủ, mà cả bọn mại bán hoa vòng cũng hành hạ. Mờ sớm, chưa xong cái ách hoa, lại đến cái tội lá. Lại quang gánh sang tận Cầu Đuống lấy lá cúc tần các bãi ven sông để về đun hoa vòng...



Đêm đã dài lắm. Ngoài kia, trên gạch ngõ làng, thoảng có một tiếng guốc

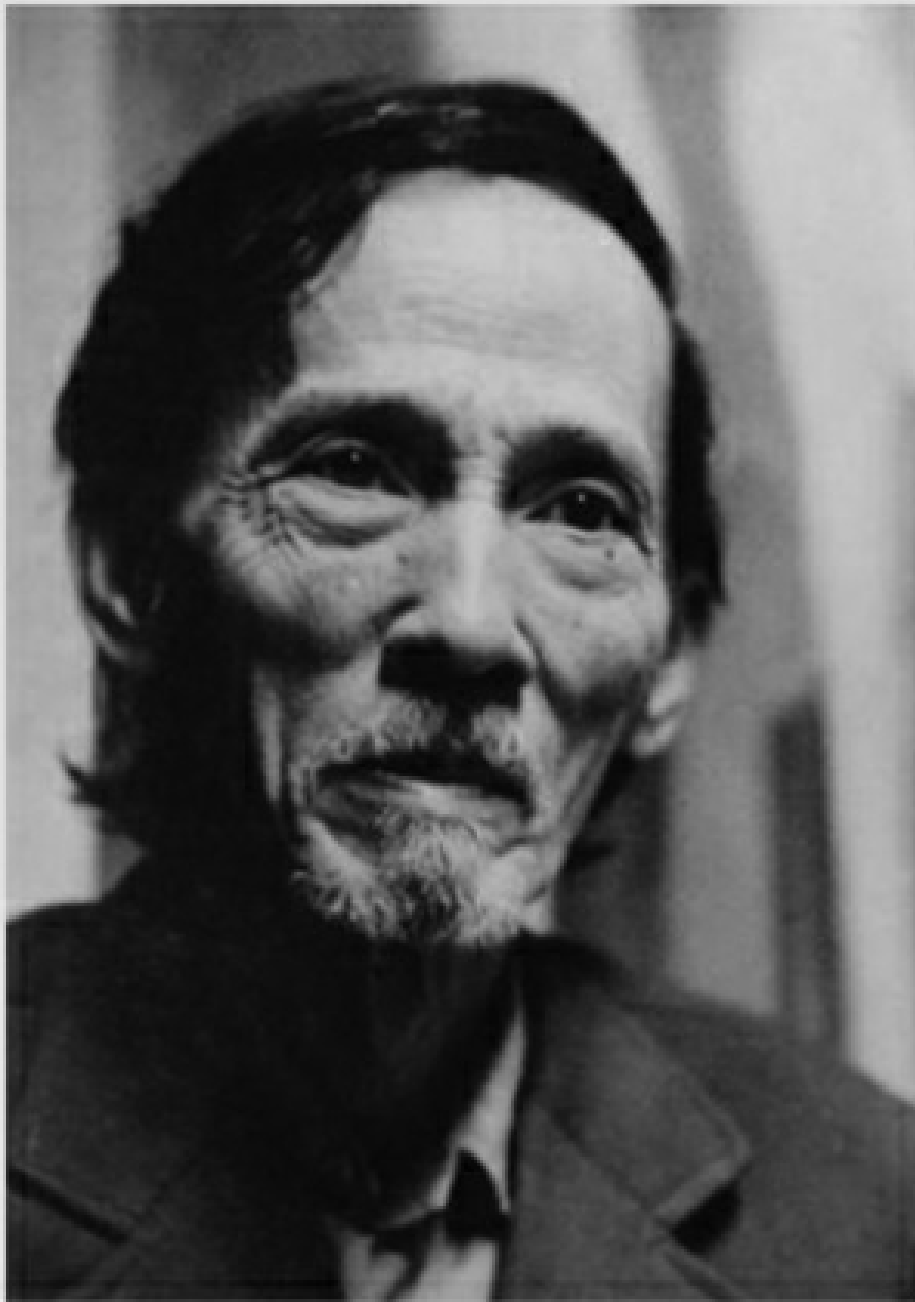
sắc như tiếng phách. Rồi tiếp đến những đợt guốc giòn giã, nóc lóc cóc giòn tan như tiếng guốc nữ học sinh ngày sắp nghỉ hè. Chợ hoa có người rồi. Bà Nhỡ cũng đã dậy từ bao giờ, xúc miệng bằng một câu nghịch: "Nó mà còn đóng bớt, o ép vùng ven nội và cường hào còn cấu kết hoành hành, thì có mà kếp kếp!". Mới chưa bốn giờ sáng mà chợ hoa đã đông quá. Ngày tuần ngày Tết, chợ đêm hàng hoa còn họp từ hai giờ sáng kia. Những ngọn đèn bão nhấp nhô từ các ngõ xóm, tiến ra ngõ chợ trước chùa Bát Mẫu. Những tiếng nhạc guốc cứ dồn gần lại. Khăn vuông, nón thúng; trên đầu một thúng hoa, tay phải một bó hoa, ngón tay mắc cái đèn bão; tay trái khuỳnh ôm một thúng hoa nữa. Ở những khu vườn quanh chợ, nhiều nhà vẫn tiếp tục chiếu đèn lên luống, trải thêm hoa ra chợ. Vườn này vườn nọ, những văng sáng đèn bão tập trung vào đóa hoa, trên đó thoăn thoắt cái bàn tay người hái. Cả chợ toàn phụ nữ. Không thấy bóng đàn ông. Bánh chưng rán, bún thang, các hàng quà nghi ngút khói. Người bán cũng đèn; người mua cũng đèn; người quà rong cũng đèn. Lay ơn, thực được, cúc, huệ, quế, ngâu, sói đủ cả hương sắc và màu sắc. Tôi quay về nhà chị Gái, định ra xem nữa. Đã thấy đi đâu hết cả. Như là cái kiểu chợ kháng chiến vùng giáp địch, họp nhanh và bán nhanh, kéo máy bay nó lên. Trời rạng dần. Ngõ gạch, vương vãi cánh hồng nhưng ngăn cuống. Chợ đã tan như một giấc mơ trăm hoa, trên lối đi để lại chút thơm bay. Bên Thụy Khuê, xe điện đã dồn toa chuyển đầu xuống chợ Đồng Xuân.

29-1-1956

PHỐ PHÁI

• *Nguyễn Tuân*

Ở một quán nước ven thành Hà Nội mà một chén nước trắng một xu nay trả giá một đồng, chuyện giữa mấy người uống suông đã thấy bốc dần. Từ những linh tinh hạ tầng, họ đồn nhau tới thượng t...àng: "Thế nào thì mới được làm người Hà Nội - Thế nào là cái giọng Hà Nội - Tại sao nhiều thủ đô có văn hóa trên thế giới, kể cả ta nữa, lại lấy giọng của một thủ đô để làm chuẩn cho phát âm cả nước. Tại sao, thế nào, vân vân". Máy miệng, muốn vui góp ngay một vài câu, nhưng tôi đã hoàn lại bà quán cái chén tổng khô mùi men mong được trở về ngay với tờ giấy trắng cố hữu của mình.



Vâng, thưa anh, họa sĩ Bùi Xuân Phái đúng là một người Hà Nội "ngàn năm văn hiến" của chúng ta. Và, mặc dầu không ở Hội âm nhạc (không ở Hội sân khấu, không ở Hội nhà văn) Bùi Xuân Phái có cái giọng đầy âm sắc của Hà Nội. Màu sắc khối hình, trong cái tương phản và hài hòa của cấu trúc bức tranh, nhiều khi cứ lảng lạng mà "nói lên" át cả giọng nhạc giọng thơ, có phải

thế không khi nói chung về hội họa?

Riêng Bùi Xuân Phái, chưa mấy ai nghe anh tuyên ngôn này tuyên ngôn nọ về trường phái gì gì, mà chỉ thấy anh vẽ và vẽ. Vẽ ở toile (toan) căng khung to, vẽ trên giấy cỡ nhỏ hơn bìa tiểu thuyết, vẽ trên giấy bìa hộp mứt bỏ đi, có bạn tỏ vẽ am tường tiếng Pháp, còn gọi là minipeinture, vẽ cả trên những miếng giấy cứng nhỉnh hơn bao diêm. Sơn dầu, thuốc nước, bột màu, đủ cả. Anh vẽ như con người ta phải hít thở, như người ta phải uống nước đun sôi nước nguội men nồng. Số tay của Bùi Xuân Phái ghi và ghi những nét của vật, của việc của người lúc động lúc dừng lại. Cái miệng cái cổ cái cánh tay bàn tay ai đó đang phát ngôn giữa một buổi họp. Cái dáng một cô áo đỏ một bà áo xanh đang dẫn thân vào tim một ngã tư âm âm xe máy xe đạp. Nhất định những số tay tùy thân này đã giúp cho họa sĩ minh họa cho các tuần báo cần đến ảnh chụp nhưng lại còn cần đến vẽ để khắc gỗ hoặc vào bản kẽm. Tôi tin rằng nhà văn lúc non tay diễn tả, có lúc tưởng như mình tuột hết vốn chữ rồi, thì nên tìm mà xem những số tay ghi chép bằng nét vẽ của các họa sĩ sẽ gợi nhiều cho mình và hồi sinh cho mình nhiều chữ tưởng rơi rụng rồi.

Bùi Xuân Phái vẽ rừng vẽ núi, vẽ sông vẽ biển, bãi cát, đường rừng, đường làng, hậu trường sân khấu chèo, nhưng nhiều nhất vẫn là phố. Phố thủ đô, góc phố Hà Nội, Hà Nội nội thành. Chả thế mà người quen - cả những bạn mới quen - đều gọi anh là Bùi Xuân Phố. Người thưởng thức hội họa hay nhắc luôn đến phố Phái cũng như thường nói đến đĩa Sáng (Nguyễn Sáng thi công sơn mài ở mặt bằng tranh, ở mặt trứng lòng đĩa).

Tôi quen Bùi Xuân Phái từ hồi còn làm báo, các thứ báo. Cách mạng tháng Tám thành công giành chính quyền, tờ "Văn hóa" ra khổ to bằng cả cái chiếu đông người nằm, có tranh Bùi Xuân Phái. Hà Nội bị chiếm đóng, Phái vẽ phố - phố Hàng Thiếc, lòng phố nghênh ngang một cam-nhông nhà binh Pháp đi bắt lính, bạt che kín bưng. Tranh đề niên hiệu 1952 Hà Nội, tên kí của họa sĩ còn dài dòng cả tên cả họ cả chữ đệm (nay, họa sĩ đã giản dị hóa chữ kí thu gọn nét, ý chừng là muốn dành chỗ cho khối và nét vẽ và chỉ kí

gọn thon lỏn "Phái"). Và Phái càng vẽ phố. Phái ta ít vẽ phố mới có những "mái buồn nghe sầu rụng" (thơ Chính Hữu). Cũng như mọi người vẽ phong cảnh, ngoài chuyện vẽ phố, Phái cũng vẽ bờ cát sông, bãi cát biển, đường làng, đường rừng. Vẽ chân dung, vẽ hoa Tết, vẽ con Ngựa nếu âm lịch là năm Ngọ và con Dê năm Mùi, vân vân. Vẽ chèo, có nữ phường chèo, những bộ áo dài màu tươi dân tộc của chèo, và cả cái hậu trường y phục chèo; nhưng ngấm cho cùng, thì cả cái gian áo hậu trường chèo ấy cũng chỉ là một góc gác để ra trò, những con hẻm những lối ngõ. Gì thì gì, Phái vẫn trở về với phố của mình. Cho đến trưởng nam của họa sĩ Phái cũng vẽ phố Hà Nội (một số tranh vẽ thấy dễ thương) cho đến nỗi có nhà báo đã đùa: "Chả biết bức nào là của bố, chẳng rõ tranh nào là của con". Thế là tranh gia truyền à. Bút pháp gia pháp ấy là nghề nhà à! (Nhà hiểu theo nghĩa vẽ, hiểu theo cả nghĩa kiến thiết thủ đô Hà Nội).



Tranh Bùi Xuân Phái cho ta thấy mặt nhà, phố cũ và những mái những góc phố cũ, những đầu hồi, những cái dậu, những cửa lùa, những mái chổng

diêm. Nhưng theo lời một số bậc già Hà Nội kể lại cho văn sinh này, thì thấu qua mặt tiền phố Phái, ta hình dung ra biết bao cái bên trong của lòng nhà Hà Nội xưa. Cứ hiển hiện ra sân trong có giếng khơi, những tấm cửa bức bàn, cái gác lửng, những tấm cửa đảng, và lan can gác tầu mã của những ngôi nhà ăn thông từ phố mặt nhà trước ra tới cổng hậu ở phố nhà sau. Chao ôi, phố cũ Hà Nội - nó là như vậy (Các bột-tan bưu thiếp kiểu Dieu le Fils thời toàn quyền thống sứ đã chụp lại nhưng nó cũng không phải là như vậy!).

Nhớ về Hà Nội xưa từ thuở còn mang danh là Thăng Long, ta đều cùng biết với nhau rằng Hà Nội có phường có phố từ các nhà Lý Trần và từ nhà Trần, đã "Hà Nội 36 phố phường"! Vào cái thuở ban đầu ấy của một cố đô; nhà cửa Kinh kỳ chỉ có đất trát, đất nung (gạch). Loại tường kiên cố và nhà kê sang, thì vôi vữa có thêm giấy bồi giấy moi (giấy bản dành cho sách vở) muối mỏ muối biển, và mật mía. Đến Tây sang mới thò ra cái anh xi măng. Có lẽ trong những nếp thành cũ kiểu Vô-băng (Vauban) của cái ông "vua công rắn cắn gà nhà" Gia Long đó, đã có pha xi măng Phú Lãng Sa rồi. "Thế những ngôi nhà những mảng nhà những phố Bùi Xuân Phái vẽ kia, đã có pha xi măng chưa?". Một ông uống cà phê cả buổi sớm cả buổi chiều đã đập luôn một ông cùng uống. Tường quán cà phê loáng thoáng vài tấm sơn dầu phố Phái. Phải nói rằng Bùi Xuân Phái là một họa sĩ bình dân, tranh của Phái có mặt cả ở những gian lộng gió xóm nghèo.

Một vài người bạn trí thức mình ở các đô ngoài về ăn Tết Tổ quốc thấy các quán giải khát cà phê đều đây đó treo tranh thật (dĩ nhiên là có cả phố Phái) đều gật gù: "Hữu ngạn sông Hồng (ý nói Hà Nội) kém gì tả ngạn sông Xen (ý nói Paris)". Một vài khách tỏ ý thích tranh Bùi Xuân Phái nhưng có vẻ kêu là nhiều mái nhà hay góc phố không được giống với thực địa ở phố. Cũng lại trong số bạn hàng quen của quán, có người cả tiếng bênh họa sĩ: "Có thể có một số chi tiết không giống. Nhưng đây là người ta vẽ. Vẽ khác hoàn toàn chụp ảnh. Sáng tạo hội họa không có nghĩa là chụp ảnh, chụp ảnh kiểu phỏ nhòm tầm thường".

Rồi chuyện cà phê tranh ảnh kéo sang chuyện như phố mới khu mới của

Hà Nội mở mang thêm từ đây. Đúng - có người lên giọng - xây dựng Hà Nội mới, không ai lại đi rập theo nhà cũ phố cũ (Tây thuộc địa ngày xưa gọi là quartier indigène - khu vực người bản địa, chật chội và thiếu đủ mọi thứ tiện nghi). Nhưng nên nhớ rằng sau thế chiến Hai, một số thành phố và thủ đô bị san bằng, nay xây dựng lại như cũ, từng phố từng nhà cất đúng lại như cũ. Mặt ngoài như cũ, và bên trong thì thiết bị và tiện nghi rất chi là hiện đại. Ở ta, không có vấn đề tái thiết như thế. Nhưng phải bảo quản lấy một số góc phố cũ, một số nhà cũ nhất là ở Thủ đô Hà Nội. Ví dụ, nên cấm những tấm biển "cả khu ngõ Phất Lộc này đã được Bảo tồn Bảo tàng xếp hạng". Kiến thiết Hà Nội, mở mang phố mới khu mới với nguyên liệu mới và kiểu nhà theo lối kiến trúc tân kỳ. Nhưng còn giữ được hình dáng khối góc của phố cũ nhà cũ, cái mảng mới của Tân Hà Nội càng được thêm kích thước không gian thời gian.



Tranh Bùi Xuân Phái nhất là phố cũ Hà Nội có một giai đoạn dùng những màu ấm nóng, nâu đậm nâu nhạt. Màu gạch tường kinh niên, màu ngói già, trăm năm mưa nắng. Gần đây tranh Bùi Xuân Phái, màu nhẹ nhõm. Nó chắc

nịch cái màu đá, xanh xanh cái màu cự thạch khí, lờn lợt cái màu tân thạch khí và thanh thoát cũng vô cùng. Phải chăng nét bút xuống tay càng già thì màu càng bay lên.

Thủ đô chưa có những tập san có tranh, phụ bản, bài khảo cứu về Hà Nội xưa (trước đây có tập kỷ yếu Amis du Vieux Huế). Thường thức tranh phố Phái, người Hà Nội - Hà Nội hiểu theo nghĩa thủ đô toàn quốc tái thống nhất - người ở trong nước cũng như lênh đênh bốn biển, đều thèm những tập san về Hà Nội cả xưa cả giờ, kèm nhiều phiên bản tranh phố Phái.

CÁC CỬA Ô - Ô CHỢ DỪA

• *Hoàng Đạo Thúy*

Ở đồng bằng, các thành thị ta, Nam Định, Sơn Tây, cũng như Hà Nội, xung quanh thành và khu các phố phường, có một lần thành đất, thường gọi là La Thành. Qua tường thành, mở ra những cửa ở Hà Nội gọi là cửa ô, ở Sơn Tây lại gọi là "chốt", ví dụ "chốt Nghệ" là cửa mở ra làng Thuận Nghệ.

Dân Hà Nội càng ngày càng đông, nên qua các đời, La Thành cứ mở rộng ra mãi. Gọi là La, La là bao quanh, mà cũng là lưới. Cái lần thành này tính cách phòng thủ hơn là cảnh giới, thu thuế, thường để giữ trật tự, trong thành. Khi cần, thì ngăn các người ngoài thành vào trong. Nhưng thiết thực, cũng để chống lụt nữa. Vì thế mà ở Nam Định, gọi là "đê bao".

Ở Hà Nội, từ Lê Trung Hưng, nghĩa là từ lúc có chúa, các cửa ô canh phòng cẩn thận lắm. Chúa không nghe lời dận khôn ngoan của trạng Trình "giữ chúa thì ăn oản", mà lại cướp nhả quyền của vua, phá một cái lệ lớn của chế độ phong kiến. Hòng nắm chắc chính quyền, thì mở rộng vây cánh; mở rộng, lại tăng số người bóc lột. Bao nhiêu người bám cả vào khối nông dân, thì thế tất là nông dân nổi lên khắp nơi. Lại còn phải đi đánh chúa Nguyễn nữa. Thế là kinh thành hay lâu ngày bỏ trống. Dân tứ xứ nổi lên. Trấn nào cũng có phong trào, vua quan lúc ấy gọi là "giặc cỏ" Nguyễn Tuyển rồi quận He vùng vẫy từ Đồ Sơn tới Hải Dương, vào cả Nghệ; quận Phương chiếm nhiều chỗ ở Phúc Yên, Vĩnh Yên. Cánh Ngàn Già có lần đánh đến tận Bồ Đề, rập rình qua sông; nếu không gặp một bà phi mưu kế, Võ Thái Phi, thì Đông Kinh đã tan hoang ngày ấy rồi.

La Thành ngăn dân trong các dân ngoài. Dân ngoài như kẻ Mơ, kẻ Lủ, kẻ Mộc, kẻ Noi, thường gọi kinh thành là "kẻ chợ". Ra Kẻ Chợ mà mua bán, thì phải qua cửa ô, có khi không dễ dàng gì. Vượt mấy vọng canh, bị xét hỏi, hạch sách. Có lần lính canh chơi khăm, đóng cửa im ỉm. Thế là các hàng rau,

hàng thịt, lại phải nghĩ thế nào đây, các thầy mới mở cổng cho.

Các cửa ô cũng không ở chỗ nhất định. Khi thành Lý, Trần mở rộng về phía Tây, thì cửa ô cực Tây là "ô Cầu Giấy". Đến đời Nguyễn, thành thu hẹp về hướng đông, thì cửa ô lại rút về rặng lau, gọi là ô Thanh Bảo, Nguyễn mở 16 cửa, phía Bắc có ô Yên Hoa, tức Yên Phụ hay Yên Thụ, và ô Yên Tĩnh, chỗ phố Cửa Bắc. Phía Bắc có các ô Thạch Khối ở Hàng Đậu, Phúc Lâm ở đầu Cầu, Đông Hà ở Hàng Buồm, Trường Thanh ở Hàng Mắm, Mỹ Lộc, Đông Yên, rồi đến Tây Luông, đầu phố Tràng Tiền, ô Nhân Hòa, ô Thịnh Lăng. Các ô Yên Ninh tức Thịnh Yên, Kim Hoa tức Kim Liên, Thịnh Quang tức Thịnh Hòa, mở về phía Nam. Còn về mặt Tây thì có Thanh Bảo, tức Vạn Bảo, Vạn Phúc, ô Thụy Chương, trước tượng Lý Tự Trọng, ô này còn gọi là ô Tây Hồ. Bản đồ 1831 ghi đủ các ô như trên, không thấy ghi tên ô Quan Chương. Có thể là do một ông Quan Trưởng phủ sự coi việc xây, hay cũng có thể là đường chính thức cho các quan trưởng từ bờ bắc sông Hồng vào Đông Kinh. Thời ấy, sứ Bắc qua sông vào hướng này. Các sứ thần các nước khác, hay đại biểu các dân tộc đến, thì tạm trú ở Gia Lâm, cũng do đường này vào thành. Phải chăng vì thế mà cửa ô này xây dựng quy mô. Bản đồ 1831 ghi ô này tên là Đông Hà.



Bản đồ 1966 viết một vài tên thay đổi. Ô Yên Hoa đã lấy tên Yên Phụ ngày nay. Ô Yên Tĩnh đổi làm Yên Định, rồi sau gọi là Yên Ninh như bây giờ. Chỗ ở Thạch Khối, bây giờ còn đình Thạch Khối, đổi tên là Nghĩa Lập. Phúc Lâm lấy tên là Triều Trung. Tây Luông đổi ra Trường Long. Không thấy có ô Nhân Hòa nữa. Yên Ninh thành Thịnh Yên, Kim Liên thay cho Kim Hoa, Thịnh Quang thành Thịnh Hào.

Các cửa ô không quan trọng như nhau. Hướng đông tiếp giáp với sông bến, thuyền bè các nơi về nhiều, lối ra vào các phố Hàng Buồm và Hàng Bè. Hướng nào hay có những việc rắc rối, thì cửa ô hướng ấy được canh phòng cẩn mật; hướng Nam kẻ chợ là hướng đất nước dài hơn nhất, luôn mấy trăm lại có việc Trịnh, nhưng từ Thanh, Nghệ ra, người ta hay qua Tía, rồi theo đường bờ sông Tô, đến ô Thịnh Quang.

Ô Thịnh Quang, ở Tây Nam làng Thịnh Hào, vẫn quen gọi là ô Chợ Dừa, cũng như ô Yên Ninh vẫn gọi là ô Cầu Rền.

Năm 1782. Ông lang Lê Hữu Trác, tức Hải Thượng Lãn Ông bị chúa

Trịnh gọi từ Nghệ An ra, cũng qua các làng Nhân Mục, Khương Đình, mà vào cửa này đây, ông có ghi việc tiến kinh của mình trong tập Thượng kinh ký sự nói nhiều về thành Đông Kinh và tả cửa ô Chợ Dừa như sau:

"Một cái thành đất không cao lắm. Bên cạnh là một cái tường nhỏ, trên mặt tường là đường xe ngựa đi, đi mé ngoài hàng rào che kín mít. Dưới chân tường là hào sâu. Trong hào thả chông xem ra rất kiên cố. Thành có ba vọng canh, nơi nào cũng có lính sắp hàng, gươm sáng quắc".

Từ cửa ô vào, ông lang đi qua cung Khánh Thụy, đình Quảng Văn và cửa Đại Hưng, thì rõ ràng là đã qua ô Chợ Dừa, nhưng ông lại ghi là cửa Vũ Quan.

Đến bây giờ, nhìn hình thế của cửa ô, vẫn có thể nhận ra cảnh trí ngày trước được.

Cửa ô mở qua bức thành đất, hướng Tây chạy từ Cầu Giấy, qua trại Giảng Võ, đến xã Thịnh Hào, hướng đông từ Lãng Yên, Kim Liên, qua làng Thổ Quan mà đến. Bây giờ mặt thành, cũng vẫn còn dùng cho xe ngựa, chạy từ đền Voi Phục vào đầm Sét.

Trong cửa ô, đường chính đi đến Văn Miếu, Bích Câu, đến Cửa Nam, tức là cửa Đại Hưng cũ.

Từ cửa ô nhìn vào, bên trái là Thịnh Hào, rồi đến Yên Trạch. Bên phải là Thổ Quan, Trung Tả, Văn Chương. Ngoài cửa ô, có các làng Xã Đàn Đông Tác. Xa xa là gò Đống Đa, rồi đến các làng Khương Đình, Thịnh Quang, Nhân Mục. Học trò trong vùng, muốn dễ nhớ các tên làng ấy thường hò đùa: "Yên Trạch rạch Văn Chương, Văn Chương mua tương Trung Tả, Trung Tả và Thổ Quan, Thổ Quan van Xã Đàn v.v...".

Từ ngoài cửa ô đi vào, cảnh vật nhắc nhở nhiều điều lý thú và mạnh mẽ.

Cầu Mới vắt qua sông Tô Lịch. Gọi là cầu "Mới" vì có lẽ đường trước đi qua cầu Giáp, ở dưới vài chục thước. Hai bên sông là các làng có nhiều tiếng tăm về nghề nông, về thủ công, và nhất là về văn học, quê hương của Đặng Trần Côn, Nguyễn Công Thế, Chu Văn An và của đồng chí Nguyễn Minh

Khai gần đây.

Phía Đông cầu là làng Khương Thượng. Hai trăm năm rồi, nhà Thanh quân nhiều, tướng mạnh, sửa soạn kỹ càng, bố trí vững chắc, tưởng chừng đã lấy đứt nước Nam rồi. Chúng nó cũng biết mặt Chợ Dừa là mặt cốt yếu, sau các đạo quân lớn ở Hà Nội, Ngọc Hồi, chúng đóng chốt ở Đống Đa. Quân Chấn Châu đầy đặc ở Khương Thượng. Từ Đống Đa đến Voi Phục là quân Điền Châu. Chúng còn đang theo dõi trận Ngọc Hồi, thì bất thành linh, quân đô đốc Long từ làng Mộc xông ra, diệt quân Chấn Châu, đánh thốc vào ô Chợ Dừa. Thái thú Điền Châu, Sầm Nghi Đống, giữ không nổi phải treo cổ ở Đống Đa. Xác quân Thanh lăn ra từ Đống Đa, qua Chùa Bộc, đến mãi gò Chinh Chiến làng Phương Liệt. Cho đến ngày nay, đào móng xây tường, thỉnh thoảng người ta còn thấy vết tích còn lại của những người khốn khổ, bị bọn xâm lược đẩy đi làm lính ăn cướp.

Bây giờ, ta ngắm những cánh đồng Khương Thượng, Khương hạ, tức Đình Gừng, năm tấn, lúa xanh mơn mớn đến chân trời, bỗng thấy nhớ ra đây là một bãi cổ chiến trường. Ai bảo "Thăng Long vô chiến địa".

Bên trái là ấp Thái Hà, do Hoàng Cao Khải lập ra mới gần đây thôi. Hoàng Cao phò Pháp, làm tới Kinh lược sứ, tước quận công, ý chừng khi nghỉ chẳng muốn về cái làng cũ, trong đó tiếng ông Phan Đình Phùng vẫn âm vang, đã cùng với bọn quan to, lấy đất dân, đào kên, dựng một làng vuông văn cơ ngơi, lập sinh từ, để bộ hạ tế sống mình, cấm sinh phần để làm nơi yên nghỉ muôn nghìn năm. Nhưng phò thực dân thì làm sao mà lâu bền hơn thực dân được.

Sát cửa ô, là làng Xã Đàn. Trong đồng còn nền đàn xã tắc là nơi vua xưa tế đất, trời. Lại có một đền di tích của Lý tướng quân Thường Kiệt.

Tây Nam cửa ô, còn một nền nhà to. Đây là một nhà "quan cư" và trạm thứ nhất của con đường cái quan đi hướng Tây Nam. Quan lại các tỉnh về, nghỉ ở đây, trước khi vào thành. Các tướng ra quân, cắm cờ ở đây trước khi truy.

Qua cửa ô, bên phải là Thịnh Hào, có nhiều vết tích của họ Trịnh.

Làng Văn Chương bên phải, cũng có mấy lăng mộ cổ, trong làng có chùa có cái hốc sâu, trong đó mọc lên những ụ sì sì, nhiều tượng tượng thì cũng gọi là tượng bụt được. Ở gốc đa lại trồng hai pho tượng đá đào được ở một cái ao gần đó.

Chùa Huy Văn là một di tích lịch sử quý, vì trong chùa còn một pho tượng Lê Thánh Tông. Vì mẹ bị hắt hủi, nên Thánh Tông sinh ra ở chùa và sau đến lánh nạn ở một chùa khác, chùa Thánh Chúa, ngay ở trong sân Trường Đại học Sư phạm; ông vua này (1460-1497) có tiếng là anh minh, có nhiều văn đức, võ công, lập ra đoàn văn học Tao Đàn, soạn bộ luật Hồng Đức. Giữa thời phong kiến mà bộ luật này có một điều lạ: Phụ nữ được có của riêng, có thể lập tự, nghĩa là có người thừa kế riêng. Thánh Tông hồi bé gian nan, được bà mẹ nuôi dạy tốt. Đến lúc con đã làm vua rồi, mà bà vẫn không chịu vào ở trong cung. Ý chừng vì thế mà nhà vua ra ý tôn trọng phụ nữ vài phần.

Z

Giá mà cái cửa ô biết nói! Thì nó kể lại được bao nhiêu là chuyện.

Trước hết, đường trong ô, ngoài ô, khác bây giờ nhiều. Cho mãi đến 1910 đường Hàng Bột chỉ rải đá sơ sơ thôi. Hai bên, thỉnh thoảng mới có vài hàng quán lèo tèo. Các làng Yên Trạch, Văn Chương, Thịnh Hào, không ra đến sát đường. Đi ngoài đường cái cũng trông rõ chùa Huy Văn. Đường xe điện đi qua trước cửa Văn Miếu. Từ Giám trở xuống, bên tay phải có huyện lỵ Thọ Xương cũ. Bên phải là một cái trại của một quan huyện Thọ, người công giáo. Sau này thuộc vào công cuộc của bà sơ Ảngtoan. Ngoài cửa ô cũng thế, chỉ có đền Lý Thường Kiệt và một trại lớn của đốc Yến, là một người thông ngôn cũ, người miền Nam. Rồi mãi đến Thái Hà, mới có một phố con, phố mới cô đào.

Quanh cửa ô có mấy hàng cơm. Thời vua chúa, qua cửa ô này, vô số là vồng lọng, voi ngựa ra vào. Nhà vua đã nhận làng Lũ làm quê, vì đây là nơi chúa Chổm sinh, nên đi về luôn, lập đền, chôn cất các ông hoàng bà chúa.

Các quận công mặc áo gấm cưỡi voi về làng. Quan lại đường trong và phía rừng Ngang lai kinh.

Có những hôm cửa ô Chợ Dừa tấp nập lạ thường. Đó là những ngày triều đình ra quân. Quan tướng nhận chiếu chỉ, lạy từ vua trước sân rồng rồi lên xe. Vua xuống bệ, đặt tay vào lưng xe, đẩy làm phép một cái, gọi là "đẩy xe", để tỏ lòng tin, đẩy xe cho quan đi đánh giặc. Cờ mở, trống gióng, các bạn đồng liêu đi tiễn, tướng ra cửa ô, vào nhà quan cư, đóng lại, kéo lá cờ to có chữ họ của mình lên. Nhưng đó chỉ là lễ khởi hành cho đúng ngày lành tháng tốt thôi. Sau đó tướng lại "vi hành" về nhà thu xếp, hôm nào xong xuôi mới trở thật. Những hôm có quan đóng như vậy, cửa ô đi lại rầm rập, quán hàng bán đắt như tôm tươi.

Lại những hôm quân hồi vô lệnh, giáo mác lỏng chỏng, quân lính mất tằm. Nhân dân nằm nấp chen ra khỏi cửa ô. Trong đám đông có những người khoác manh áo vải, nhưng lê chân không nổi. Các quan chuồn. Một lão không kịp mặc áo dài, giơ cả bụng phệ ra, bà con chỉ: "Quan phụ mẫu", quan huyện Thọ đấy. Ấy là cái hôm quân Sơn Tây ra lần thứ nhất.

Qua triều Nguyễn, Hà Nội không có vua nữa. Cửa ô không có vọng canh. Nhà quan cứ vắng ngắt như chùa bà Đanh. Nhưng ngay gần cửa ô có trường ông nghề Đông Tác. Trong ô cũng nhiều trường khác nữa. Mỗi tuần trăng, các thầy đi trọ học về nhà một lần lấy lương. Có bao nhiêu đâu. Một túi gạo với năm sáu đồng tiền kẽm, mỗi người; nhưng thế cũng đủ vào háng bún chả, đánh chén đã. Rượu vào, thơ ra. Thầy nào cũng hay cả. Từ sáng đến chiều, xảy ra lắm chuyện, mà cố nhiên không ai dám kể lại với các vị tôn sư.

Z

Vua Nguyễn đã sai đào mả người anh hùng Tây Sơn và lấy lòng nhà Thanh, cúng tử sĩ Tàu ở chùa Đồng Quang, lập miếu thờ Sấm Nghi Đống trên Đống Đa, làm cho cô Hồ Xuân Hương nhìn thấy, phải ngâm:

Ngước mắt trông lên thấy bảng treo

Kìa đền Thái thú đứng cheo leo

Ví đây đổi phận làm trai được,

Thì sự anh hùng há bấy nhiêu.

Ngày mồng 5 tháng Giêng được coi là ngày "giỗ trận".

Đến lúc Pháp sang thì ô Chợ Dừa thành một trạm thu thuế.

Sau này đền Sầm Công đã phải đi đến ngõ Sầm Công, sau Hàng Bạc rồi đến đền Trung Liệt được xây để thờ những người đã hy sinh cho Tổ quốc, như ông Nguyễn Tri Phương...

Dân Hà Nội lại còn lật ngược cái ý định của vua Nguyễn. Sớm mồng 5 Tết, già trẻ, trai gái, túa ra cửa ô, trèo lên Đống Đa, vào chùa Đồng Quang và chùa Bộc, xem hoa, chơi xuân; ngày "giỗ trận" biến thành một nhát chổi, sạch sành sanh bọn xâm lược hung tàn.

Những năm lụt to, như năm vỡ đê Liên Mạc, nước lũ tràn đến tận Chợ Dừa thì phải đắp con chạch chắn cửa ô cho nước khỏi vào Hà Nội. Ngoài cửa ô hiện ra một cảnh lạ thường, thuyền bè san sát.

CỔNG TRẮNG KHÂM THIÊN

• Quang Dũng

Ngay ấy tôi trọ học ở phố Nhà Hỏa. Ông chủ nhà tôi là một ông thợ da nghèo, chữa những đôi giày lính, đóng cá vá mũi và người ta vẫn chót nhả gọi ông là ông chủ hiệu giày "Đình Tường", chỉ vì những đôi giày cũ của ông treo la liệt đủ kiểu trên tường, mắc vào những chiếc đinh.

Một buổi sáng, cả nhà ông khóc sụt sịt. Ai cũng cố nén không khóc to (về sau tôi mới hiểu tại sao). Cô con gái út lên 5 tuổi của ông vừa mới chết sau hai tháng trời hen suyễn ở trong cái buồng tối và ẩm. Những căn buồng kiểu như thế ở cái dãy phố Nhà Hỏa xưa, chẳng thiếu gì. Nó tối và ẩm, nó là cái hang suốt đời không quen với ánh sáng mặt trời. Ở trong cái buồng tối tối ấy, hai vợ chồng ông đang thì thào bàn bạc và riêng với tôi, ông ghé sát tai:

- "Cậu giữ kín hộ cho".

Cô chị khóc em to quá. Bà mẹ phải ôm lấy đầu cô, ghì vào ngực yếm cũng đã thấm đẫm nước mắt của bà, như muốn làm cho tiếng khóc của cô dừng thức tỉnh hai bên hàng xóm cách tường. Tôi hiểu rồi. Người ta đang tìm cách chôn cất cô bé mà không phải làm đúng như luật lệ của thành phố thời ấy, vì sợ tốn kém quá. Một cái xe của nhà Đức Mỹ, Đức Bảo hay sang trọng hơn nữa của nhà cho thuê xe đòn đám ma Lui Chúc (Louis Chúc, làng Tây) cái thứ xe bốn bánh buồng bông ngù kim tuyến, thắng cổ ngựa con xinh xinh mặc áo tang trắng viền đen, đúng như kiểu đám ma trẻ con nhà giàu thời ấy, có người cầm cương đội mũ và ăn vận như kiểu thống chế Pháp thời Nã Phá Luân, một cái xe ma kiểu ấy thì tốn quá.

Người dân nghèo Hà Nội thời ấy đã có cách chôn khác.

Bô Chũi ở Cổng Trắng Khâm Thiên chuyên làm nghề này. Đám nào gọi, ông cũng sẵn lòng đi ngay, vừa là việc phúc, vừa là việc kiếm ra cho ông

được hai đồng bạc - nhà ai nghèo túng quá thì ông chỉ lấy đủ cuốc xe và thêm dăm hào mua được một chai Vân hương uống cho nó tan khí lạnh của người chết mà ông sẽ phải ôm hàng tiếng đồng hồ qua các phố rồi mới tới nơi ông có thể chôn cất qua loa cho xong việc được.

Giữa Hà Nội thuở ấy, ngày ngày bô Chũi ngồi trên xe tay (xe kéo ô mịch) ôm đủ các thứ xác trẻ con đã cứng đờ, như ta ôm một người thân, giậm chân xuống sàn xe, giục người bạn kéo xe cùng khổ của mình lao nhanh qua những con mắt dò xét của đội sếp Tây, ta, lao nhanh qua những con mắt soi mói của bọn du côn cướp đám (bọn này là tay sai của những nhà có xe đòn đám ma cho thuê, đánh hơi thấy nhà ai có người chết là đến xin đám, tranh nhau mắc trước cái màn cửa đen có tên hiệu của chủ mình để xí phần).

Bọn này sẽ liệt bô Chũi vào hạng kinh địch của mình vì bô Chũi đã cướp mất món hàng của chúng.

Bô Chũi có những lối đi tắt qua bụi rười, bụi dứa để vào những tha ma, lại có cả một nghệ thuật đào huyệt nhanh chóng để làm cho nhanh gọn cái việc ghê gớm là chôn người lậu của mình.

Cái tên Cống Trảng Khâm Thiên gắn liền với nhân vật bô Chũi này, cứ ám ảnh một thời, những người mẹ nuôi con khó khăn, những người mẹ nghèo của Hà Nội ngày trước. Ai mà chẳng thấy mình có lúc cần chạy xuống Khâm Thiên, xục vào cái lều của bô Chũi mà nói khó để nhờ vả.

Z

Nhắc tới phố Khâm Thiên thời Pháp thuộc, người dân Hà Nội cũ nhớ ngay đến phố cô đầu và nhớ ngay đến cả bô Chũi. Cái xã hội quanh bô Chũi là thế nào, phố Khâm Thiên là thế nào mà mỗi khi nói tới hai tiếng ấy, người ta cứ thấy như nó có họ hàng với bệnh hoạn và tội lỗi, suốt cả thời Tây và sau này là thời Tây Nhật.

Chiều thứ bảy, các viên chức của nhà nước bảo hộ nói lóng với nhau "tối nay đi Catê chứ". Catê là Khâm Thiên. Nói đến hai chữ ấy là cả ông phán, ông ký ga, ông giáo học đã muốn ngáp chảy nước mắt vì cơn thèm thuốc

phiện ma quái ở đâu lại chợt đến hành. Nói đến K.T. là họ đã thấy những Tuyết, Hồng, Loan, Phụng, tên mỹ miều của những cô đào rượu, hiện lên, rực rỡ trong những màu áo hoàng yển, những thứ hàng Bombay thịnh hành thuở ấy.

Khâm Thiên như là một ung nhọt của thành phố, hay nói khác, thì đó lại là một thiên đường để người đương thời đắm mình vào những cuộc chơi vui mà quên phút thực tại mình phải sống. Khâm Thiên là vực thăm, ở đây có đàn hát và sắc đẹp, có ánh sáng và hương phấn làm mê hoặc và đưa con người ta đến chỗ thân tàn ma dại. Khâm Thiên, những người lương thiện không đi, về chốn ấy. Chao ôi! Khâm Thiên! Nhưng Khâm Thiên là thế nào ở trên cái dòng nước đen sủi bọt, chờ nặng và đặc cặn bã của cả một góc lớn phía nam thành phố; bãi rác Văn Miếu; đầm lầy Hàng Đũa, ao tù sau xóm Ga, nước đọng của Sinh Từ, nước đọng của cống bà Sờ, cứ lừ lừ chậm chạp ngày tháng trôi qua lòng hẹp của Cống Trắng?

Những năm dài của thời đô hộ, có bọn nhà giàu đã ngán cảnh mua hàng, muốn đổi nghề làm ăn, mua nhà, tậu đất mở những nhà hát để kiếm lời. Vùng Khâm Thiên này trước kia vốn chỉ là những xóm nhỏ quanh những ao tù và cống rãnh. Thời mà cả khu vực Đấu Xảo (Nhà hát Nhân dân bây giờ) còn là làng Liên Thủy đầy những hồ ao và ao rau muống, lác đác mấy chòm nhà tranh. Từ thời ấy Ba Voi làm thầu khoán, lấy đất của những ruộng hậu chùa Thanh Nhàn, xe về đổ nền để dựng lên những cái nhà hát sau này. Thế là trên cái đất từ bi của cửa Phật ấy, mọc lên thứ lầu xanh của những mụ chủ cô đầu, một hạng Tú Bà thời Pháp thuộc. Đất ấy vẫn thuộc về đại lý Hoàn Long, đất của tỉnh Hà Đông. Tổng đốc Hoàn Long Phu muốn làm nổi danh tỉnh, lão bèn hết sức khuyến khích sự thành lập một phố ăn chơi của tỉnh mình, ngay sát nách Hà Nội. Và sau này, quả là Khâm Thiên cũng đã khét tiếng một thời nô lệ. Các chủ cô đầu đánh hơi thấy đất mới là nơi "đắc địa" xô nhau về chiêu tập con em, mở nhà hát. Họ thi nhau bày biện sang trọng cho hợp với loại khách làng chơi sang trọng. Người qua đường ngó vào những nhà hát này, thấy một quang cảnh lịch sự, đài các, y hệt nhà của bọn quan lại hay tư sản

thời ấy. Thế nào giữa nhà cũng phải có cái tủ cánh cho cong, một bộ sa lông tàu mặt đá, một cái sập chân quỳ, có bình phong hay lộ bộ ánh đồng vàng chóa. Những cô gái trong nhà thì ăn nói thật là ra vẻ những con nhà thanh lịch nền nếp. Mới chỉ một năm hay sáu bảy tháng trước đây, họ là những người đàn bà không may gặp một chuyện éo le về chồng con, gặp một cơn gia biến, hay vì kế sinh nhai mà phải nhắm mắt bước chân vào nhà hát. Những cô gái trong trắng ấy đã được những bà chủ rèn luyện, mau chóng để biến chất và trở nên những con người mà đương thời người ta gọi là bọn xướng ca vô loài, bọn gái điếm thành.

Trên những miếng đất của hồ ao mới vạt lên ấy, những con người bỗng nổi danh và cái tên nhà hát của họ cũng trở thành những từ có sức lôi cuốn thiên hạ một thời. Những cô Đốc Sao, những nhà Mộng Hoàn, Chu Thị Bồn, Chu Thị Năm cứ lần lượt theo thời gian mà nổi lên. Cái sống cạnh tranh bắt buộc phải có nhiều mách lới. Cô Đốc Sao (vợ Lao Man Sao, Hoa kiều, chủ công ty dầu hỏa) đã có cả một chương trình kiên nhẫn đào luyện con em trong nhà mình. Đốc Sao cho người đi tìm kiếm, trong những năm kinh tế đói kém và mất mùa, mua về những em nhỏ mười hai, mười một tuổi. Đốc Sao cho những cô con gái nhỏ này ăn học tử tế, có một trình độ văn hóa và dạy cho đàn hát, nhảy đầm, những cách xã giao quý phái. Những cô Tẹo, cái Tý này chẳng mấy lúc mà lớn phổng lên, quần trắng, áo Lơmuya tha thướt đã biết đánh đen mi mắt để tạo cho mặt mình cái bộ điệu đa sầu đa cảm, đã biết đọc Tố Tâm, hay Tuyết Hồng lệ sử và không còn bao giờ biết mình là gốc gác ở Phủ Khoái, hay Hải Hậu, Duyên Hà nữa. Đến một ngày "quả chín" mẹ Đốc Sao bắt các cô nương này phải ra tiếp khách. Anh thương tá hay tri huyện nào, anh công nghệ kếch sù nào, hay anh nghị viên nào, đã dày công đi lại, chi hàng trăm châu hát rồi, đã đổ của vào két bạc nhà mụ rồi, Đốc Sao mới cho con em của mình thôi không làm cao giá nữa, mà phải bán bằng giá đất, cái trình tiết của đời con gái mình cho khách.

Z

Phố Khâm Thiên dựng lên trên những đầm ao và phần lớn là đất đào từ

những ruộng hậu, ruộng tự của các chùa, đã nghiễm nhiên trở thành một cái phố có nhiều chất Hà Nội phù hoa hơn là một thị trấn của Hà Đông. Một con đường hẹp lòng, lổn nhổn đá đầu sừ vắt qua một cái cầu xi măng có lan can quét vôi trắng, đó là Cổng Trắng. Không một bóng cây, đường phố trơ trụi và mùa hè, hơi nóng hầm hập, bụi bốc mù mịt. Hàng Bột và Khâm Thiên là hai phố nổi tiếng cả về bụi và cả cái vẻ trơ trụi, không một bóng mát của mình. Chỉ có cái bề mặt là đường phố và một ít nhà cửa cao ráo mới xây dựng làm nhà hát và tiệm hút Khâm Thiên quay lưng mình vào những xóm lao động của ngõ Văn Chương, của Thổ Quan, Trung Tự và Tô Tiền.

Ngay sát Hà Nội, những cái xóm này vẫn giữ những thủ tục khao vọng tế lễ, có đủ việc làng và xôi thịt, mua triện mua nhiều như bất cứ một làng Việt Nam nào thời ấy.

Qua lối ngoặt vào những bờ sụt lở, người ta gặp ngay cái cảnh đầm ao đầy lau sậy và thấp thoáng trong cỏ, trong lau là những túp lều của những người tứ chiếng về đây tụ bạ. Họ sống cạnh những bãi rác lớn nhỏ, kéo vó, làm thợ mộc rong, kéo xe và thả rau muống. Nhưng trong những ngõ này thời Khâm Thiên cũ ấy, các tay anh chị thường tụ tập và mỗi ngõ có những người nổi tiếng tay chơi, du côn của nó.

Người ta kể lại rằng đã có những đám đánh nhau chỉ vì hai hội sư tử ngày rằm tháng tám, tranh nhau giật một giải thưởng. Những nhà giàu thường buộc tiền ở đầu một cái gậy treo sát tận mái nhà gác, những chỗ khó lấy nhất, rồi để cho những đám sư tử tranh nhau, leo thang lên, vừa múa vừa giật giải. Ngày tết Trung thu thường là những dịp để xảy ra những đám chém giết nhau khủng khiếp. Hai bọn anh chị hện nhau ra bãi chiến. Bãi chiến là cái bãi rác lớn cạnh Cổng Trắng, ở đấy họ đã để sẵn năm, bảy cỗ áo quan đặt ở đầu ngõ, đe nhau một cuộc tử chiến.

Khi cái xã hội Khâm Thiên ở đường phố lên đèn nê ông, đèn một trăm nến sáng trưng thì ở đây, trong các ngõ cũng lên các thứ ánh đèn dầu lạc của bàn tỳnh, đèn đất của chiếu bạc. Những bàn đèn thuốc phiện được thiết lập lén lút trong những mái lều vá víu bằng tôn, bằng sắt thùng dầu gi... miễn là có thể

co chân nằm hút ngay trên dòng nước cống róc rách trườn qua những túp lều lưu niên dưới chân mình. Người ta kể đến những con chuột cống già sụ, to bằng cái ấm giỏ, mù cả hai mắt, cứ đến giờ lên đèn dầu lạc là nó bò dạo quanh những cái đám khách hút ấy để nuốt khói. Nó cũng đã nghiện hơi thuốc phiện.

Những đám lữ, tài bàn, sóc đĩa ở thấp thoáng quanh những bờ lau sậy, chốc chốc lại ầm ầm đánh chửi nhau đuổi nhau huỳnh huých qua những ngõ lầy lội. Người lạ đi vào những ngõ này, thường bị giật khăn, lột áo và tước ví tiền như không. Bà mẹ của nhà thơ Trần Huyền Trân đã ở một túp lều kéo vó trên dòng Cống Trắng, kể lại rằng: một đêm cụ thấy tiếng khóc thút thít ở ngay ngoài phen liếp. Chống liếp lên, trong ánh chớp của đêm mưa, chỉ thấy một người con gái trần trụi, có mỗi một chiếc quần lót, đang run khóc và xin chạy trốn vào lều. Đây là một cô đào rượu, ở ngay nhà hát đầu ngõ. Cô này mới ở nông thôn bị dụ dỗ ra, còn bỡ ngỡ và nhớ quê, thì chủ bắt tiếp một anh quan viên. Cô sợ hãi cự tuyệt thì bị giằng xé, đánh đập và cô đã chạy vào xóm nghèo này. Bà mẹ đưa cho cô một chiếc quần cũ, một cái áo cũ và thế là ngay đêm đó cô đã đi trốn.

Có những cô đào hát, ngày ngày mở cổng sau, nhìn thấy bụi tre của xóm lao động, dầu là những túp lều lụp xụp, nhưng cái ngõ, cái bờ ao, cũng còn quen thuộc với cô hơn là cảnh sống kéo dài trong nanh vuốt của những chủ nhà, trong sự giày vò thể xác mình đêm đêm hầu hạ lũ khách làng chơi, nên đã tìm hết cách ra khỏi nhà hát. Cô đã gắn bó với một anh làm nghề cu-li xe, hai người chắt bóp đủ số tiền trả nợ nhà chủ rồi đem nhau về sống ở xóm nghèo. Tuy từng bán khổ cực, nhưng còn có một chút tình đầm ấm của cái mái nhà. Nhưng rồi một đứa con ra đời. Rồi người chồng ho lao nhưng vẫn phải ôm ngực kéo những cuộc xe nẩy đom đóm mắt mà vẫn không đủ sống, người vợ chạy chợ thì lại gặp lúc thua lỗ, bị cướp đoạt và lừa gạt hết cái vốn còm. Cuộc sống khắc nghiệt và tàn nhẫn ở xóm lao động này bắt buộc họ phải bàn tính. Người vợ lại trang điểm, nhuộm lại cái bao xanh, sửa lại cái áo tứ thân cho có vẻ một cô gái quê vừa lạc đến Hà Nội. Người chồng thì đánh

xe lang thang dạo phố đón khách.

- Mời cậu, có món bò lạc mới ở tàu Tây điếc lên, cậu có "đi" con xin kéo xuống. Và khi nghe thấy tiếng hòm xe lịch kịch nẩy trên những hòn đá và những hốc ổ gà ngay ngõ, người vợ vội gửi đứa con sang hàng xóm và người chồng thì đỗ xe ngay cổng nhà mình, chờ lại kéo ông khách trở về phố.

Cuộc sống có những cái ngõ đêm đêm là như thế. Mà Khâm Thiên rất nhiều ngõ. Đến nay ta vẫn gặp những cái ngõ cũ mà gốc gác của tên gọi đánh dấu cả một thời lỗ lã Tây Nhật.

Ngõ Trại Khách, nay là Thổ Quan gọi chung, vốn là của một chủ cao lâu Hàng Buồm bỏ tiền ra tậu đất, đổ nền, làm một dãy nhà cho thuê. Ngõ Hồng Kụng, ngõ bản nhất thời xưa, cũng là của ông khách cao lâu này. Ngõ Hòa Bình (không phải chiến tranh và hòa bình) sở dĩ thành tên là chính vì có Ba Sù, chủ hãng ô tô chạy Hà Nội - Hòa Bình, làm ra một dãy nhà trong ngõ. Ngõ Vạn Lợi, Nam Thái hay Tân Châu cũng vậy. Ngõ Tân Châu là ngõ có một ít nhà cửa hiệu đối trướng Mỹ Tân. Ngõ Sơn Nam là của Bạch Sơn Nam họ hàng Bạch Thái Bưởi, làm một dãy nhà.

Đêm Khâm Thiên là những đêm từng bừng ầm ĩ của sự đập phá, tiêu phí tiền của và tiêu phí sinh lực con người. Đêm Khâm Thiên, những dãy ô tô kiểu Rơô, những chiếc xe Fo V8 lịch sự một thời đỗ hàng dãy dài trước những nhà hát đã lên đèn sáng choang. Khói thuốc phiện, khói thuốc lá thơm mù mịt. Đây là những dịp tranh cử nghị viện hàng tỉnh. Xe ô tô đưa cử tri lên mặc cả với nhau về lá phiếu, tranh cướp nhau một địa vị. Người ta trắng trợn quảng cáo rằng bỏ một lá phiếu cho ông X. sẽ được một châu hát Khâm Thiên và được một cái đỉnh (giấy bạc Đông Dương 100đ, có vẽ cái đỉnh). Ở ngay sát nách với cái chợ buôn danh ấy là cái chợ đen. Những căn gác cô đầu chính lại là nơi hò hẹn của lái buôn từ Lao Kai về, từ Hải Phòng lên, xong giá cả của một tiếng hàng là hai bên ngả bàn đèn, hút và uống thâu canh. Đây là những bọn buôn thuốc phiện và hồi Nhật sang thì bọn này lại còn buôn nhiều thứ hàng đặc biệt. Có một năm, những anh phi ở biên giới nhận áp tải những kiện hàng lớn đầy búp bê nhựa để tải qua Vân Nam đi Răng Gun, Miến Điện.

Thứ hàng này, bọn nó mua cho một nhu cầu chiến tranh. Những cuộc ngã giá buôn búp bê này đã diễn quanh mâm rượu của nhà cô đầu và nhiều khi trên cái gác thượng của lầu xanh, xếp chồng chất những búp bê xinh xinh để đợi một chuyến xe nhà binh nào tạt qua, người lính sộp phơ đã ăn giá chớ lên biên giới... Những búp bê như cô Bạch Tuyết trong phim hoạt họa của Oan Đitsnay (Walt Disney).

Những điệu kèn nhảy từ những Đêetsa đặng xinh, Takara Pagôt đặng xinh văng lên bài Đường về châu Á hay Đêm Trung Hoa đượm màu lãng mạn của quân đội chinh phục Nhật Bản.

Sòng bạc Ba Sinh và Hai Cua cũng có những ô tô đi về vùng quê đón khách. Đêm đêm, họ sát phạt nhau từ lúc lên đèn cho đến sáng bạch.

Sáng bạch ở Khâm Thiên, khi ánh đèn điện tắt ở những cái cột đèn cổ lỗ đầu ô, thì mọi cánh cửa nhà hát đóng lại im ỉm. Những chiếc xe cao su kéo miết những anh công chức bơ phờ vì suốt một đêm hành lạc, vội vã đến công sở cho kịp giờ làm việc. Chỉ còn tiếng những đôi thùng gánh nước xếp hàng trăm dưới nắng chang chang ở một cái vòi nước duy nhất mạn đầu phố gần nhà bầu Sen, tiếng những đôi thùng va nhau và tiếng đánh chửi nhau của bọn con sen, thằng nhỏ, người thời ấy vẫn gọi một cách khinh bỉ những kẻ đi ở giúp việc cho mình như vậy.

Và ở một nhà hát kia, một mụ chủ đang đánh mấy cô đào hát vì tội... khách hát không chịu chi tiền. Lỗi ở những cô này không khéo léo chiều ý các quan viên.

Suốt ngày, phố Khâm Thiên chỉ có thế. Những cánh cửa đóng im ỉm và giấc ngủ nặng nề mệt mỏi của những cô đào hát, những anh chủ sòng gá bạc, những anh chủ tiệm hút. Ở đầu ngõ Thổ Quan mấy cô gái nhảy làm suốt đêm không ăn còn tiếp khách thêm ban ngày ở trong cái nhà tranh lụp xụp. Họ mệt mỏi dắt một anh lính Tây đen, hay tiễn một thằng lính Nhật. Cả một xã hội ăn chơi điên cuồng âm ỉ đêm qua, giờ nằm thiếp đi dưới cái nắng không một bóng cây từ đầu đến cuối phố Khâm Thiên ngày trước.

Và chỉ đến tối, khi mặt trời tắt và hàng đèn điện trên những cột đèn cổ lỗ

bật lên, thì họ mới ngáp dài, trở dậy trang điểm và bày biện lại nơi tiếp khách. Anh kếp lại so dây đàn đáy để sửa soạn...

Áo xanh áo đỏ lại tha thướt dưới ánh đèn.

"Lặn mặt trời lẫn then bò ra".

Đêm xuống là ngày của Khâm Thiên mới bắt đầu.

Những ngày đói của năm 1954 còn để lại một ấn tượng khủng khiếp về cái phố Khâm Thiên này. Bà cụ Mùi, nay là ủy viên phòng bệnh của khối 38 khu Đống Đa còn kể lại:

"Ngày ngày ngồi ở hè một cái nhà nhảy đầm cửa đóng im ỉm, để bán một thùng chuối tiêu, tôi nghĩ mà ngán cái cuộc đời. Ở bên trong nhà, tối tối, ghé qua khe cửa, thấy các cô đào và vũ nữ nằm ngổn ngang ngủ như chết, mặt đã chảy mất hết lượt phấn son, trông họ nằm mà thương quá. Nhưng ngoài đường thì lộc cộc không biết bao nhiêu là chuyển xe xác. Những cái xe bò đóng bốn cọc rồi chồng xác lên, có xác đàn bà tóc dài lê cả xuống đường cái, cứ nối nhau mà đi về phía nghĩa địa. Những xác này người ta nhặt ở đầu Ô Chợ Dừa, ở góc Hàng Bột, ở ngõ chợ Khâm Thiên. Ấy thế mà tối đến, những bọn giàu sang ở đâu lại kéo nhau xuống ca hát phè phỡn, nút rượu sâm-banh nổ cứ bôm bốp"....

BẠN Ở CÙNG PHỐ

• *Nguyễn Việt Hà*

Hà Nội có nhiều loại phố. Có phố ven hồ có phố gần sông. Có phố sáng choang mới có phố rêu phong cũ. Hoặc ngắn hoặc dài, thông thả ồn ào khác nhau. Theo dọc thời gian của từng phố, cây trồng ở ngoài vỉa hè cũng khác nhau, người già ở sâu trong nhà lại càng khác nhau. Có điều, đám trẻ đang lao nhao mới lớn thì tựa tựa giống nhau. Con trai mắt thì trầm sáng, nửa như tò mò muốn biết nửa như lọc lõi đã biết. Con gái thì dong dỏng thanh thoát, nhiều đứa loay hoay rất xinh, mới tuổi phố thông đã khát khao nhìn đời, chưa kịp hư bởi cái chất phố phường kiêu sa khinh bạc. Tất cả đám mang vẻ ngây thơ ấy, ở cấp Một cấp Hai, rồi một phần nào đó ở cấp Ba, vẫn ngồi học chung một lớp với nhau. Thế nhưng, khi đã dạn dĩ trưởng thành thì bỗng dưng để tuột rơi mất nhau, hiếm hoi lắm mới có người giữ được bạn cùng phố.



Bạn ở cùng phố hầu như không có khác giới. Hoặc lộc ngọc nghịch ngợm bốn năm đứa con trai, hoặc dịu dàng thắm thì vài ba đứa con gái. Tuyệt đối hiếm những cặp cùng phố yêu nhau và nhờ có thì rất khó lấy nhau. Đã hôn nhân là vòng vèo cách quận, nó khác hẳn truyền thống quán quýt ở quê "Lấy chồng giữa làng chứ không lấy người sang thiên hạ". Gái làng là sở hữu của trai làng, được gìn giữ nâng niu bảo vệ gần gũi giống mái đình cây đa giếng nước. Ở phóng khoáng của phố, cái kiểu "nhà nàng ở cạnh nhà tôi" rồi nhờ hương bưởi đưa thắm ái tình qua cửa sổ thì duy nhất chỉ thấy xa xa vùng ngoại ô, nơi mà chừng già hai chục năm trước người ta không gọi là phố mà gọi là đường. Ví như đường Yên Phụ đường Thụy Khê đường Cầu Giấy chẳng hạn. Đường tàu điện chạy tới đó không chìm xuống mặt nhựa mịn nữa mà chằng chịt nổi lên cả đám tà vẹt, giống như đường tàu hỏa chạy ngang qua ruộng. Gần đây, loanh quanh ba mươi sáu phố phường cũng có việc ở sát nhà nhau rồi trong trắng lấy nhau, nhưng thường là hàng xóm mới chuyển đến và

cái nhà mới chuyển đến đây vĩnh viễn phải là nhà gái. Tại sao lại vậy, có người thắc mắc hỏi một nhà Hà Nội học, ông này uyên bác chưa kịp trả lời, ông còn bận chạy đi hòa giải bà vợ ông đang cãi nhau với cái bà cũng Hà Nội gốc ở tầng hai về chuyện coi cái ban công cũ thời Tây thành toa-lét xịn thời nay.

Vài người có vẻ từng trải lại từng có học, thâm thúy nói, phố của Hà Nội vẫn đậm đà chất làng. Câu này ở ngày xưa thì đương nhiên đúng nhưng ở bây giờ thì chưa chắc. Làng quê Việt là thanh bình là ổn định, nó níu giữ sự bất biến bằng thoải thoải xanh cỏ triền đê, bằng menh mông lúa vàng đồng gió. Trời thì vừa rộng vừa cao và mây thì nhiều khi rất trắng. Nếu có thay đổi nào đấy thì cũng vô cùng chậm chậm, thậm chí không bao giờ chịu khác. Một người tha hương xa quê lâu năm quay về tìm bạn cũ, đã thật đúng khi xúc động viết "Con đường hàng tỉnh người đi. Ba mươi năm ấy có gì khác xưa. Ông lão dắt trâu đi bừa. Là con ông lão ngày xưa đi cày". Nhịp điệu sống của phố nóng hơn, năng nổ hơn, biến động hơn và vì thế đôi khi có lộn nhồn nhiều bậc bèo. Có phải vậy chẳng mà văn học đương đại ở ta đã rất nhiều bài thơ rất nhiều truyện ngắn mô tả tuyệt vời tình bạn cùng thôn nhưng chưa có một ai viết thật hay về tình bạn cùng phố.

Để cuộc sống bốn bát vô nghĩa, bình thường con người ta hay có bạn. Nó tuyệt vời như có người yêu, ngang bằng như có con, đôi khi còn hơn cả anh chị em ruột. Và bạn ở cùng phố bắt buộc phải chơi với nhau từ hồi còn bé. Lúc đã lớn đã nhanh nhẹn đã hoạt bát đã ngấm đẫm cái tinh ranh của đô thị thì làm sao có thể kết bạn được nữa. Tình bạn giống như đọc sách, điều kiện đầu tiên phải là diễm đạm thông thả, sau đó phải được che đỡ từ vất vả thời gian. Hồi bao cấp, ở ngoài đường trẻ con vui chơi dường như đông hơn, bởi lúc ấy trong nhà chưa có vớ vẩn gameshow trên tivi, chưa có game online trên "nét". Bọn trẻ sẽ chơi trốn tìm chơi đuổi bắt chơi nhẩy ngựa, những trò chơi bần bạch hoang dã hồn nhiên mà khi thấm mệt bao giờ cũng vô tư thắng hoa ra vài ba người bạn. Nó không bị vẩn đục bằng việc dung tục đem giải thưởng ra dủ, những sẽ là triệu phú những sẽ là giàu không hề khó. Đám trẻ

8X và 9X bây giờ hình như bất hạnh hơn, khi trống vắng đơn côi một mình đi kiếm bạn đã thình thoảnh tuyệt vọng lạc vào vũ trường cố bày đàn tìm qua thuốc lắc.

Đã là bạn, thì dù xuất xứ ở đâu cũng đều cao cả trân trọng hiếm quý, nhưng bạn ở cùng phố luôn là nỗi xúc cảm nao nao đong đầy. Để rồi có lần đi ngang qua phố nhỏ của mùa hè năm nay không hiểu sao mất mùa hoa phượng, bỗng thấy một cặp tuổi "teen" đang giành nhau trò chơi điện tử cầm tay, chợt âm ỉ ứa nỗi nhớ về cái lần ăn chung một que kem tham lam cắn vào tay bạn.

Và người bạn ấy cũng đã dời phố đi xa, chắc vẫn mang theo cả vết răng tuổi thơ li ti sắc trong veo như là nước mắt.

NGÕ CỦA HÀ NỘI

• *Nguyễn Việt Hà*

Hà Nội có phố và đương nhiên có ngõ. "Ngõ nhỏ phố nhỏ, nhà tôi ở đó". Đây là một trong vài ca từ hiếm hoi hay về Hà Nội. Không biết cái ông nhạc sỹ này bây giờ thường trú ở đâu nhưng chắc chắn lúc đang nghe tiếng sông Hồng thở than thì ông ta phải ở trong một ngõ Hà Nội. Cái thì thâm tình tế buồn mà không thăm duy nhất chỉ vọng vào những ngõ, nó thường bị đứt trước những ồn ào dung tục và trịch thượng của những phố. Từ điển tiếng Việt của ông Hoàng Phê định nghĩa "Ngõ là đường nhỏ và hẹp trong làng xóm phố phường". Nhỏ và hẹp, nghe có tủi thân lắm không hả ngõ. Rất lâu nay và rất thường xuyên người Hà Nội tự hào về phố. Chắc không hẳn chỉ là ba mươi sáu phố cổ nhưng tuyệt đối không thể là những phố mới vừa được xây đang ngông nghênh trọc phú. Một người Hà Nội cũ kỹ ba đời có bảo là không thể chịu nổi những phố mới kiểu như Chùa Bộc hay Thái Hà. Nó chặn chặn lộn nhốn những ngôi nhà không cá tính giống hệt nhau bởi sự hợm hĩnh. (Mà này, không hiểu sao người ta vẫn quen gọi kiểu phố ấy là đường, đường Chùa Bộc. Và ở những đường ấy hầu như không có ngõ, chỉ có ngách).



Phố để người Hà Nội tha thiết nhớ thường có dáng dấp đã nằm ở thơ của

thi sỹ lão đảo đi bộ Phan Vũ, hoặc ở tranh sơn dầu của ông họa sỹ còm sống trên gác xép nhà lòng ống Thuốc Bắc Bùi Xuân Phái. Phải như thế thì những người quê không Hà Nội mới lãng đãng xúc động cảm được cái mái ngói âm dương thơm nâu bên cạnh cây bàng sọt vài lá đỏ của buổi tàn thu Hồ Tây phía đầu Yên Phụ. Những phố như vậy ở Hà Nội bây giờ hiếm lắm. Xót xa hoài nhớ phố cổ, những người Hà Nội cũ kỹ khó tính đành phải ở giật lùi vào ngõ. Người Sài Gòn hình như gọi ngõ là hẻm. Và những hẻm Thành phố Hồ Chí Minh chắc chắn có hồn hơn những đường Thành phố Hồ Chí Minh. Hẻm Sài Gòn dài và tương đối rộng, cởi mở bùng bùng vô số ngách. Nó đậm đặc cái chất lam lũ nhiều hảo hớn bởi có đông dân lao động chiều chiều cời trần ngồi nhậu trong các quán rượu cóc phảng phất Thủy Hử. Hẻm Sài Gòn chân chất hầu như không có mùi lợm của bọn tham quan trọc phú. Ngõ ở Hà Nội khiêm nhường hơn. Nó mảnh dẻ lura thừa cây nôi vào hai hoặc ba phố lớn. (Những ngõ loằng ngoằng dài kiểu như ngõ Văn Chương ở phố Khâm Thiên hay cụt ngắn như ngõ Hàng Chi ở phố Hàng Hòm thường không có nhiều). Tên ngõ Hà Nội phong phú đa dạng, cũng có khi đặt theo tên phố, ví như ngõ Huế ở phố Huế, ngõ Nhà Chung ở phố Nhà Chung nhưng đa phần không thềm a dua ví như ngõ Hàng Hành ở phố Bảo Khánh ngõ Tạm thương ở phố Hàng Bông. (Nhân nhắc tên ngõ này lại nhớ một hàng phở khoảng thập niên bảy mươi, tám mươi. Cái quán phở ấy đúng ra là gánh có đóng quầy gắn bánh xe chuyên bán phở tái. Thịt bò đỏ tươi băm nhuyễn miết theo bản rộng dao hắt lên mặt sợi phở to thái tay rắc hành tây rồi mới chan nước dùng trong sôi đậm. Ông chủ phở kinh niên đau mắt hột, một đứa con đích thực của văn hóa ngõ. Vô phúc cho ai vào quán ông gọi phở gà. Cũng ở ngõ đó có hàng xôi thịt kho Tàu của một bà răng đen ngon lạ lùng, cách đây dăm năm không thấy còn có bán). Ấm thực trong ngõ tinh tế không kém gì ngoài phố, chưa kể nó còn thú vị và phóng khoáng hơn vì ít bị công an giao thông thu giữ ghế bàn.

Những kẻ sành điệu nông nổi thường tỏ ra huyênh hoang về cái ăn mặt phố. Bọn họ không kịp nhớ rằng thật ra cái gọi là phố văn hóa ẩm thực của

Hà Nội khởi nguyên từ thói quen ăn đêm của dân chơi khuya đến ngõ Cấm Chỉ đầu phía Hàng Bông Lờ ra vườn hoa Cửa Nam. Từ manh nha, ăn uống ở đây đã rất xoàng, tầm tàm được chỉ vài ba hàng xôi và một hàng bún giả thang nước dùng nhạt và loãng. Hơn năm gần đây được Ủy ban nhân dân thành phố nâng cấp tô màu xanh đỏ, cái khu dở phố dở ngõ ấy bỗng đột ngột đông ô tô và xe máy xịn. Thi thoảng tò mò đi ngang, thấy đám thực khách com-lê áo dài ăn và uống, từ sâu xa nghiền nghiền một nỗi thương cảm.

Dân Hà Nội sống lâu trong ngõ đều có một phong thái rất riêng. Người ở trong một ngõ đa phần biết nhau. Đầu ngõ cuối ngõ chuyện trong nhà chưa tỏ ngoài ngõ đã tường. Chính vì thế người ở ngõ đôi khi có cãi nhau, và thỉnh thoảng tình cảm hơn thì chửi nhau. Nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm viết cuốn sách có tựa ra cao "Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam - NXB TP Hồ Chí Minh - 1996" đã khẳng định văn hóa chửi là đậm đà bản sắc dân Việt. Trang 320 ông ghi rõ "Đó là một nghệ thuật độc nhất vô nhị mà không một dân tộc nào trên thế giới có được". Nhân văn làm sao là sau những xô xát với hàng xóm tưởng mất mặt mất nhạt người trong ngõ nhỏ đến lúc giỗ chạp lễ tết hiếu hỷ, tuy hơi ngượng nghịu, nhưng vẫn lò dò cầm chai rượu sang nhà nhau chén chú chén anh. Một hành vi trong trắng cao thượng của văn hóa sám hối. Những căn nhà mặt phố lạnh lẽo sẫm màu tiền lấy quái đầu ra cái ấm cúng của tình người ấy. Bài thơ đậm đà chất sến Người hàng xóm của thi sĩ đầy chất ngoại ô Nguyễn Bính không có chỗ ở mặt tiền. Người ở phố bây giờ không những không biết nhà nàng ở cạnh nhà tôi mà còn không biết chửi nhau, kể cả khi họ bị đau đớn nhất là tranh chấp vài milimet vuông xây dựng. Thường thường thì họ ngấm ngầm đem "thằng hàng xóm" bêu rếu lên báo hoặc lạnh lùng hơn kiện thẳng ra công đường.



Rất nhiều hào hoa và tài năng của Hà Nội ở ẩn trong ngõ nhỏ. Sẽ rất không nên kể vì đích thực văn hóa ngõ ghét sự phô phang. Nhưng có điều này thì cần phải nhắc, trong mọi ngõ đều rất đông nhà thơ và nhà giáo, hai trong vài kiểu nghề có truyền thống tử tế. Cứ mỗi buổi mưa phùn của chiều xam xám mùa Đông ra ngõ là gặp nhà thơ. Những con người hiền lành không có tuổi lang thang loay hoay trong ngõ chật đang tìm cảm hứng rồi tới ngày 20 tháng 11 hàng năm tất cả các ngõ nhỏ Hà Nội ngập đầy tiếng riu rít của học sinh và hoa tươi. Có phải thế chăng mà vài năm gần đây giá mua ngõ ở Hà Nội đã lên tới gần ba cây một mét.

Ngõ Hà Nội là phần hồn sâu của phố Hà Nội. Với cái kiểu xây dựng cuồng bạo bát nháo thời nay, chắc chừng mười năm nữa những người thích băng khuâng hoài cũ chỉ còn thấy hình hài phố của Thăng Long cổ khi đi ngang qua những ngõ.

Hà Nội - ngõ nhỏ phố nhỏ

• Đỗ Đức

Trong một bài hát về Hà Nội, có một nhạc sĩ day dứt mãi với kỷ niệm "...Hà Nội phố nhỏ, ngõ nhỏ... nhà tôi ở đó...". Tôi nghĩ có lẽ nhạc sĩ từ xưa đã là một cậu lỏi Hà Thành suốt ngày len lách vào các ngõ ngách Hà Nội mới có lòng trần trở như thế...

Nếu nhìn Hà Nội với 36 phố phường xưa thì Hà Nội là như vậy. Bây giờ Hà Nội mở sang Tây, sang Đông, sang Bắc, sang Nam, nhưng khái niệm về Hà Nội của tôi, thì tôi vẫn bắt gặp cảm xúc như nhạc sĩ nọ. Đó là Hà Nội kẻ chợ, nho nhỏ, ấm áp như một làng quê. Mai này Hà Nội có thể có rất nhiều chung cư, siêu thị, các loại nhà tháp minh chứng cho thời hiện đại, cuộc sống hiện tại, thì ngẫm về Hà Nội, tôi vẫn cho rằng chẳng qua chúng chỉ như cái khung được chạm trổ kỹ lưỡng để tôn vinh cho bức tranh Hà Nội 36 phố phường.



Bây giờ ta tha thần từ chợ Hàng Bè, một chợ lọt giữa phố cổ sầm uất, hội đủ đồ ăn thức uống ngon lành bậc nhất trong các chợ Hà Nội, để làm cuộc dạo chơi loanh quanh mới hiểu nổi lòng nhạc sĩ nọ. Chợ Hàng Bè nằm bên phố Cầu Gỗ, qua trên hai trăm mét luôn lách cụng đầu vào ngõ Trung Yên, nơi có ngôi miếu nhỏ, mà ngay cửa đã được một người biến thành quầy tạp

phẩm. Bóng si xanh tạo ra một khoảng tối cuối ngõ còn con ngõ thì hẹp vanh vanh. Rõ ràng đứng ở đây người ta dễ nhớ tới một làng của phố thị hơn là một điểm ở trung tâm thành phố. Nếu không có những tiếng động cơ xe máy bậm bạch cào xé không gian thì ngõ thật yên bình biết bao... Dạo qua 36 phố ta sẽ bắt gặp nhiều cảnh như phố Trung Yên. Phố Ngõ Gạch có gốc đa cổ thụ trấn trước một ngôi đền cổ. Phố ngõ Cổng Đục dài vài trăm mét nhỏ hẹp chỉ đủ cho 2 xe máy tránh nhau. Những tên ngõ như Phất Lộc, Hàng Hương, Tạm Thương, những phố như Hàng Lược, Bát Đàn, Thuốc Bắc, Hàng Cá, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường... gợi cho người ta biết bao điều về đặc điểm riêng tư của nó. Những ngôi nhà cổ xưa rêu phong, rêu cỏ mọc bám lưng tường. Những mảnh mái chấp vá, những chấn sắt chuồng cọp hoen rỉ đưa ra ngoài ô văng cửa sổ của những căn hộ vốn đã hẹp, thiếu sáng lại tối om hơn sau những che chắn của áo quần hong phơi đung đưa hong gió. Ở những phố nhỏ, ngõ nhỏ bình yên ấy phần nhiều là cảnh nghèo, viên chức thợ thuyền. Số làm ăn phát thì đã kiếm đất ngoài ô lập trang trại nhỏ, hoặc chí ít cũng mua dăm chục mét đất cất căn nhà vài ba tầng để giải tỏa cái chật chội, tìm đến sự yên tĩnh để hít thở ít hương đồng gió nội.

Phố nhỏ ngõ nhỏ chen chúc, nhưng lại là nơi khả dĩ kiếm sống để tồn tại cũng vô tình lại là nơi giữ lại được phần nào sắc thái Thăng Long, cả phần di sản vật chất lẫn tinh thần. Lương Văn Can là một phố nhỏ. Những căn nhà sin sít như hàm răng sữa trẻ con vào dịp sắp thay. Ta mà đi qua vào ban ngày sẽ thấy phần lớn tường nhà bị lấp kín sau lớp hàng tạp hóa tầng tầng, như áo quần, đồ văn phòng, đồ chơi trẻ con, quán ăn, quán cà phê, con đường nhỏ hẹp thì người và xe luồn lách tránh nhau như trạch. Tiếng ồn chỉ lắng xuống sau gần nửa đêm. Không đâu như ở đây, diện tích vỉa hè và tường nhà trước phố dù nhếch nhác nhưng bao giờ cũng có giá bởi là nơi mở hàng kinh doanh hoặc có thể cho thuê để kiếm ra tiền. Có góc vỉa hè từ 5 giờ đến 8 giờ sáng là của người bán bún miến, sau 8 giờ đến chiều lại thành nơi bán áo quần, đồ chơi trẻ con, tối: cà phê, chè chén. Phố xá không có giờ ngơi nghỉ. Phố xá như bà mẹ nhà quê tần tảo nhặt nhạnh suốt ngày hết việc nọ đến việc kia,

luôn chân luôn tay. Đó là chưa kể những hàng rong ăn nhẹ thoát đến thoát đi như khách bộ hành, lúc là đôi quang gánh, khi là chiếc xe đạp với cái mẹt hàng sau yên có từ mớ rau, con cá, nắm hoa, đến xôi, chè, sắn hấp, hoa quả... Đủ tất cả những gì mà nhu cầu sống cần đến (kể cả nhu cầu cho cõi tâm linh như nén nhang vàng mã, quả cau lá trầu). Phố nhỏ, ngõ nhỏ bình dị ấy ngày càng chen chúc trong nền kinh tế thị trường. Tất cả tườn ra hè phố, kể cả phố nhà binh Lý Nam Đế cũng rất nhanh quay mặt ra đường để biến thành phố linh kiện máy tính... Nên 36 phố phường chưa bao giờ là đất của hành chính. Có bao nhiêu cuộc bàn, bao nhiêu cuộc họp của chính quyền nhằm quét cái mạng nhện kinh doanh đủ kiểu ấy để phố xá gọn gàng theo ý muốn nhưng đều bất lực. Cuộc sống sôi động như những đợt sóng biển khơi vỗ liên hồi theo thủy triều... Nếu có thay đổi là chính nó tự đổi thay chứ không phải những quyết định hành chính mà xong. Sinh thời, có lần ngồi trên tầng 4 của căn nhà các nghệ sĩ, số 65 Nguyễn Thái Học, họa sĩ Nguyễn Sáng nói với tôi khi ông nhìn xuống phố "Nếu quét bỏ hàng rong, dẹp quán cóc vỉa hè thì không còn là Hà Nội nữa. Sẽ là thành phố chết". Bây giờ nhớ lại câu nói cách đây trên 30 năm của ông, càng thấy thấm thía tình cảm sâu xa của người họa sĩ già Nam bộ. Rõ ràng, Hà Nội 36 phố phường là Hà Nội phố thị chứ đâu phải là thành phố của khái niệm hiện đại. Phố thị là phố buôn bán nhỏ lẻ, bỏ phần "thị" đi thì chỉ còn là phố hoang!

Bởi là phố thị nên người ta trông nhau mà kinh doanh, theo nhau mà mở mặt hàng nên từ một cà phê thành danh người ta nối theo hàng chục quán cà phê. Đôi khi tên phố xưa còn, nhưng nay đã thay toàn loại mặt hàng mới chả ăn nhập gì với phố xưa vì nó mà nên tên. Hàng họ mở ra là do nhu cầu của cuộc sống đòi hỏi và khả năng đối ứng của chủ nhân mặt phố. Vậy nên phố Hàng Trống có thời là đại diện cho cả một dòng tranh mang tên phố, sau đó đã nhường ngôi vị cho nghề cắt may, thêu tay, thêu máy. Đến bây giờ, ngoài hàng may còn xen kẽ đủ loại từ hàng lưu niệm, gallery bán tranh và các mặt hàng khác nữa. Người làm tranh Hàng Trống xưa hoặc theo nghề mới hoặc chuyển đi nơi khác... Càng gần trung tâm 36 phố phường thì cuộc sống càng

luôn chuyển mình thiên biến vạn hóa. Dù phố nhỏ, ngõ nhỏ vẫn như xưa ồn ã ngoài phố nhưng bước vào sau cánh cửa thì nếp sống vẫn giữ nguyên lối sống người Tràng An: nền nếp, nhẹ nhàng, kín đáo. Và người Hà Nội vẫn có những nơi trú ngụ của riêng mình. Họa sĩ Đỗ Lệnh Tuấn, hiện ở Ngõ Quỳnh, con một gia đình nhiều đời cắm chân tại đất kinh thành, rành rẽ kể cho tôi nghe những món ăn ở ngõ nhỏ, phố nhỏ, có giá rẻ bình dân như bánh cuốn, bún chả, bánh khoai, phở sào, phở nước, mì vằn thắn, sủi cảo, các điểm dịch chuyển của cà phê Nến, cà phê Nhân, cà phê Hói, cà phê Lâm... Anh đọc rõ từng tên, chỉ ra từng chỗ, cả cái lý lịch dịch chuyển vị trí kinh doanh từ góc phố nọ sang chân phố kia với tên từng ông chủ khai sáng ra những món ăn danh tiếng ấy mà nay con cháu đang nổi nghiệp. Tôi đi theo anh len lỏi qua các phố ngõ, lách qua dòng người chen chúc càng thăm sâu cái dư vị phố làng trong cách sống và kiếm sống. Đó là những trang dư địa chí sống trong một đoạn ngắn của đất kinh kỳ đầy thiên biến vạn hóa như loại tiểu thuyết chương hồi...



Đi trên phố Hà Nội, những con phố lao xao hàng me, hàng sấu, cơm nguội hoặc những hàng cây Nhội lá dày như tóc thiếu nữ mới lớn để tìm lại cảm giác xưa cũng không còn dễ. Bởi nó cũng như cuộc sống nổi chìm. Những hàng cây đầy gần gũi ấy cũng không còn nguyên vẹn. Nó đã được gài xen kẽ từ bao giờ những cây bàng, cây bằng lăng, cây lim tây, cây bông xanh... Cây ven đường cũng bỗng bênh trôi nổi tự do như lối buôn bán vặt vãnh kiểu phố thị: không cần giàu, chỉ cần đủ. Thiếu thì âm thầm chịu đựng, dư thừa cũng chẳng khoe mẽ với ai. Khác hẳn với các trọc phú mới phát thời nay vào đâu cũng tìm cách thể hiện sao cho phải xiêu đình đổ quán. Người Hà Nội cũ vẫn có nguyên lối sống, cách vận hành cuộc sống của mình và lối sống ấy cũng chinh phục khá nhiều người nhập cư có thiện ý tìm đến nguyên quán của đời

sống tinh thần thủ đô.

Tôi yêu Hà Nội. Phố nhỏ ngõ nhỏ dù ngày nay có trở nên ồn ã hơn xưa vì người khôn của khó. Dù nó chẳng lặng lẽ về không gian nhưng trong tâm thức con người phố nhỏ, ngõ nhỏ vẫn giữ được cái yên bình. Đó là tầng văn hóa đã thành trầm tích mà ai tình ý đi dạo qua các phố vẫn có thể bắt gặp. Sau cái chen lấn chật chội kia, một Hà Nội ngõ nhỏ, phố nhỏ với những con người kinh kỳ hiện lên trong ứng xử, giao tiếp. Cho dù hình thức bề ngoài có hiện đại thời thượng đi chăng nữa thì ta vẫn nhận ra vẻ đẹp của nếp sống Thăng Long.

Sinh nhật

20.11.2005

Cây cổ thụ với ông Hoàng Diệu

• *Doãn Kế Thiện*

Vào khoảng bốn mươi năm về trước, mỗi khi đi lên đường Cột Cờ nếu ai chú ý nhìn về đằng trước mặt, phía trên Sở Tài Chính bây giờ, cũng trông thấy một cây cổ thụ, cành lá đã héo khô, chỉ còn trơ lại cái thân cây cằn cỗi, một mình đứng trơ trơ trên bãi đất hoang, theo lời những người có tuổi từng biết thì đó là cái cây mà ông Tổng Đốc Hà Nội Hoàng Diệu đã treo cổ tự tử ngày mồng tám tháng ba năm Nhâm Ngọ. Không bao lâu vì thành phố mở mang khu đất ấy, cây cổ thụ kia chẳng biết bị đốn chặt đi lúc nào, không ai trông thấy nữa, một vật vô tình đã được làm dấu cũ để chỉ tỏ cho người sau biết tấm lòng hy sinh vì nước của một vĩ nhân và sự thay đổi của một thời đại đã qua, chẳng được người sau che chở hộ trì, đã bị mai một dập vùi, thực là đáng tiếc.

Không biết ông Hoàng có quả đã mượn cây ấy để chết theo nạn nước không, tôi cũng không chắc, nhưng chính các sách đã ghi chép sự biến đổi hồi đó cũng đều nói là ông đã treo cổ tuấn tiết ở một cái cây gần Võ Miếu hay miếu thờ Quan Công và do sự nhận xét chỗ ông tuấn tiết dù dấu cũ không còn, cũng có thể nói quyết là giới hạn cũng chỉ trong bãi đó mà thôi.

Theo như sử đã chép lại, việc giao thiệp với người Pháp ở Bắc Kỳ hồi ấy tình hình rất nghiêm trọng, riêng thành Hà Nội là một trọng trấn lại càng quan yếu, khó giữ cho cuộc binh lửa không xảy ra, binh lực của ta có kém thật, nhưng bằng ở tấm lòng hăng hái, phái chủ chiến cũng chiếm một số khá đông. Vì vậy, hai đường chiến thủ, triều đình ta cũng chưa quyết hẳn ra bên nào. Trước đó vài hôm, các quan ta cùng các nhà cầm đầu quân Pháp vẫn luôn luôn mở cuộc đàm phán, trong lúc ấy ai nấy đang mong mỗi cuộc giao thiệp lại được hòa hảo; mỗi nghi ngờ đều sẽ tiêu tan, thì sáng ngày tám tháng ba quân Pháp lấy cớ quân ta có ý khai hấn, trong thành vẫn phòng bị các việc

chấn thủ, liền chĩa súng bắn vào trong thành, thế là cuộc huyết chiến dữ dội đã diễn ra trước đó mười năm, bây giờ tái diễn trên đất cố đô này.

Đứng chịu trách nhiệm giữ thành bấy giờ là ông Hoàng Diệu, cũng là một yếu nhân trong phái chủ chiến, trước đó biết thế nào cũng xảy ra sự biến, ông đã họp các quan đồng thành và các liên thuộc cùng nhau uống máu ăn thề, quyết liều chết giữ lấy thành trì. Khi thấy quân Pháp bắn vào, ông liền hạ lệnh ứng chiến. Hai bên bắn nhau rất kịch liệt, cùng chết hại nhiều. Cầm cự nhau mãi đến hồi trưa, bỗng sự bất lợi xảy đến cho quân ta, kho thuốc súng bị phát cháy, lửa bốc lên bùng bùng, thì ra có kẻ lén vào làm nội công từ lúc nào. Nơi căn bản bị cháy, quân ta đều rối loạn, bỏ chạy hết cả. Thấy cơ sự đã vỡ lở, quân Pháp sắp kéo vào thành, sợ bị nhục, ông Hoàng lên ra một cái cây ở Võ Miếu thắt cổ tự tử, quyết đem một chết để đền nợ nước ơn vua.

VẮNG TIN NGÕ NHỎ

• Đỗ Phấn

Chẳng biết vì sao ở Hà Nội những di tích lâu đời còn lại cho đến ngày hôm nay phần lớn nằm trong những con ngõ cổ kính thừa xa xưa kinh thành Thăng Long. Đền chùa miếu mạo và ngay cả nhà thờ công giáo mới có mặt chưa đầy hai trăm năm trước cũng vậy. Hà Nội nguyên là những ngôi làng hợp lại mà thành. Những tên làng tên tổng đặt cho phố bây giờ vẫn còn y nguyên. Bưởi, Vạn Phúc, Ngọc Hà ở mạn Ba Đình, Vân Hồ, Thể Giao dưới quận Hai Bà Trưng, Thọ Xương, Đồng Xuân trên quận Hoàn Kiếm, Vĩnh Hồ, Phương Mai, Kim Liên dưới Đống Đa. Và những con ngõ làng xa xưa vẫn còn tên gọi tồn tại cho đến ngày nay. Ngõ Hàng Khoai, ngõ Đồng Xuân, ngõ Hàng Hành, ngõ Hàng Chi, ngõ Phất Lộc, ngõ Huyện, ngõ Thọ Xương, ngõ Cấm Chi, ngõ Liên Trì, ngõ Vân Hồ, ngõ chùa Liên Phái, ngõ Quỳnh, ngõ Túc Mạc, ngõ Cát Linh, ngõ Thịnh Hào. Những con ngõ có tên gắn với địa danh nhiều vô kể nhưng chưa bằng những con ngõ không tên gọi theo số nhà. Lại còn cả tên gọi theo tập quán cư dân bản địa.

Ngõ chùa Vũ Thạch không có tên trên bản đồ. Muốn gửi thư đến nhà ai trong ngõ phải đề ngoài phong bì địa chỉ 13bis Bà Triệu. Con phố Bà Triệu thời Pháp thuộc có tên là Gia Long hiển hách oai hùng chẳng hiểu sao sau hòa bình lại đổi tên thành Bà Triệu. Lịch sử luôn bị viết lại. Thế mới cần đến bộ môn Khoa học lịch sử để trước hết nghiên cứu lại những sai sót của chính mình.

Dân ở đầu phố Bà Triệu gần chùa Vũ Thạch đơn giản gọi con ngõ là ngõ Chùa. Người già cũng thế mà trẻ con cũng vậy. Ngõ Chùa thông sang phố Hàng Khay nhìn ra mặt nước Hồ Gươm leo lẻo xanh. Đó là con đường lý tưởng cho bọn trẻ trong ngõ ra hồ câu cá và con vật bây giờ gọi là rùa. Ngày ấy chỉ mang nấu chuối đậu. Gọi là con đường lý tưởng bởi vì trẻ con câu

trộm bị đuổi chạy vào ngõ Chùa bao giờ cũng biến mất an toàn. Rất nhiều góc ngách trong chùa và hậu cung ngôi đền Vũ Thạch là nơi có thể ẩn náu. Cùng đường, có thể vút cần câu chạy sang phố Bà Triệu giả như trẻ con vừa ở trong ngõ ra chơi. Ngõ Chùa có gia đình cụ Vĩnh thủ từ đền Vũ Thạch, sư thầy Đàm Thuận trông coi việc chùa là những người lâu năm và suốt đời ở đây. Vài công chức cũ lưu dụng làm nghề dạy học. Mấy bác thợ gara ô tô hãng Simca sau hòa bình về làm cho nhà máy ô tô Ngõ Gia Tự và một số làm trong các xưởng ô tô quốc phòng. Ngõ Chùa êm đềm công chức thợ thuyền lĩnh lương. Chỉ có một gia đình hai cụ già duy nhất thuộc thành phần tiểu thương tự do. Họ đun nước sôi bán cho cả ngõ. Năm xu một phích. Thỉnh thoảng cũng có vi phạm ngành nghề kinh doanh chút xíu ở việc nhận thêm vài nồi cơm nấu hộ các gia đình trong xóm để nhận tiền. Mang ra tổ dân phố kiểm điểm vài lần là thôi. Chẳng biết họ sợ hay do quá già không thối được cơm nữa.

Những con ngõ nhỏ trong phần Hà Nội cũ thường dính dáng dây dưa đến hàng quán bình dân ăn uống suốt cả ngày và đủ bốn mùa trong năm. Mờ sáng lên ngõ Hồng Phúc ăn bát canh bánh đa đỏ. Da cá trắm rán giòn béo ngậy lơ thơ trong bát nước dùng xanh nõn màu dọc mùng. Cũng có thể vào ngõ Thọ Xương ăn xôi xéo và bánh cuốn bình dân hoặc sang ngõ Cấm Chi ăn xôi giò chả bà Điếc. Sang trọng hơn có thể tạt qua ngõ Hàng Hành ăn bát bún thang cầu kỳ kiểu cách với đủ cả mắt tôm cà cuống. Giữa trưa thả bộ vào ngõ Phất lộc làm một mẻ bún đậu mắm tôm. Rau kinh giới non tơ chấm vào bát mắm váng mỡ rán đậu ngọt bùi cay chua xuýt xoa đến hết vẫn thèm. Hứng chí ngày cuối tháng âm lịch thì lên ngõ Hàng Hương thưởng thức thịt cây thui rơm chính hiệu. Mùa đông vào ngõ Hàng Hành ăn nem cua bể vỉa hè. Những con cua bầy tươi rói mang từ mạn Quảng Ninh lên rán giòn ăn với dưa góp có thể đưa cay sang đến lưng chiều. Buổi tối là gà luộc ngõ Hàng Chi, chân ngỗng ngõ chợ Ngõ Sĩ Liên, hoặc "cua thương" luộc bia ở ngõ Chợ Đồng Xuân. Những con cua bán ế trong ngày đã không còn đủ tám cẳng hai càng nhưng vẫn là cua thôi mà...

Người Hà Nội cũ ngày một rời xa những con ngõ cũ. Họ tìm ra vùng ngoại ô sinh sống. Vẫn chỉ ở trong những con ngõ mới mà thôi. Gần như rất hiếm khi quay về những con ngõ cũ ngày xưa bởi con đường cửa ô vào phố bao giờ cũng tắc đứng vào những lúc cần. Người Hà Nội cũ chờ con ngõ mình mới đến ở sẽ cũ dần đi theo năm tháng nhưng hình như vô vọng. Ngõ mới không mang bất cứ một nền nếp giá trị văn hóa ẩm thực nào ngoài chuyện nó ngày một mới hơn. Vắng tin ngõ nhỏ. Chẳng biết ngõ Chùa ai còn ai mất. Bà Điếc bán xôi đầu ngõ Cấm Chỉ và bà cụ rán cua bầy ở ngõ Hàng Hành bây giờ nếu còn có lẽ cũng hơn trăm tuổi. Quán bún đậu mắm tôm ngõ Phất Lộc có còn bát mắm ăn thừa để trong gậm bàn bầy ruồi. Ngõ Hàng Hương bây giờ mua rơm ở đâu để thui những con cày bóng lưỡng. Nao nao nhớ...

10-2011

HÀ NỘI DỐC

• *Đỗ Phấn*

Chẳng hiểu vì sao người Pháp hồi đầu thế kỷ trước khi quy hoạch xây dựng Hà Nội mở rộng lại vẫn muốn giữ địa hình nguyên bản phần thêm ra gồm rất nhiều sông ngòi chợ búa. Và thế là hàng loạt những con dốc trong nội thành ra đời trong khi địa hình của khu phố cổ không hề thấy.

Bắt đầu là con dốc từ Đình Tiên Hoàng lên đầu phố Hàng Đào, Hàng Gai. Con dốc đầu tiên khi xe điện rời Bờ Hồ tỏa đi các tuyến Vọng, Hà Đông, Chợ Bưởi, Yên Phụ, Cầu Giấy. Nghiêng mình xiết bánh. Vừa rẽ vừa vấp vả leo. Tuyến Yên Phụ qua Chợ Đồng Xuân là phải hì hục bò lên dốc Hàng Than. Xe điện chỉ dám lắp hai toa. Ngồi trên toa sau trông tránh ngúy cảm thấy dốc đến hai lần. Trẻ con ngày ấy chơi trò "xe điện lên dốc". Dùng ngón tay cái miết ngược tóc mai nhau. Đau chảy nước mắt. Rần rần thái dương đúng như cảm giác ngồi trên xe điện ngược dốc.



Những dốc cao Hàng Than, Cửa Bắc, Châu Long, Đường Thanh Niên lên Yên Phụ. Dốc La Pho, Tam Đa lên Hoàng Hoa Thám. Xe đạp qua những dốc này thường phải dắt. Phần vì không đủ sức nhưng phần lớn vì không muốn hỏng chiếc xe đạp là một tài sản chỉ đứng sau bất động sản lúc bấy giờ.

Con dốc gần ngã năm Bà Triệu không cao lắm ngay gần nhà là nơi mẹ tôi phải qua lại mỗi ngày bốn lượt. Lên dốc lần nào cũng phải dắt xe trong suốt hơn hai mươi năm cho đến tận ngày nghỉ hưu. Cái vĩ đại trong cuộc đời công chức của mẹ không chỉ là nuôi nấng đàn con sáu đứa nên người mà còn ở chỗ dắt xe đạp lên con dốc ấy mấy vạn lần bất kể nắng mưa bão lụt. Đến khi có xe máy và đường một chiều xuống dốc Bà Triệu thì mẹ đã không cần đến cả

hai thứ ấy nữa.

Hà Nội ngày xưa có một con dốc nhân tạo duy nhất. Đó là dốc lên cầu Long Biên. Và cũng là con dốc oái oăm nhất đi lên lề bên trái con đường trên cầu. Không tìm được lời giải thích từ các nhà thiết kế theo tài liệu còn lưu trữ. Chỉ có vài nhà sử học cho rằng đi như thế tiện với việc xuống cầu vào thành phố là đến ngay Chợ Đồng Xuân. Chẳng đáng tin lắm khi dốc cầu bên Hàng Đậu cũng không xa chợ hơn là bao nhiêu. Và người đi bộ thì đến tận bây giờ cũng chưa ai quan tâm đến việc phải đi trên lề bên nào. Đám trẻ choai choai ngày ấy tối thứ bảy mượn được xe đạp người lớn hay rủ nhau đạp thi ngược dốc Hàng Đậu lên cầu vòng sang Gia Lâm quay về đổ dốc xuống Trần Nhật Duật. Có lẽ lịch sử đua xe của bọn trẻ Hà Nội phải được viết từ bây giờ. Chỉ có điều lạ là ngày ấy không có đứa nào dám đi ngược chiều để quay lại đổ dốc cho nhanh. Vẫn cứ nghiêm chỉnh tuần tự đạp xe qua cây cầu dài gần hai cây số chỉ để vòng về lao xuống con dốc ngắn ngủi. Thật tiếc là đám trẻ đua xe đạp ngày ấy thoát được tai nạn giao thông nay đã lên ông lên bà thì lại gặp lũ đua xe bây giờ. Chẳng biết đường nào mà tránh. Văn minh giao thông đô thị hình như đang xuống một con dốc êm đềm dằng dặc ở ngay trên những ngã đường bằng phẳng. Thành phố cứ như nghiêng về tứ phía. Không muốn ra đường như tôi thì cũng đang đứng ở giữa con dốc mất rồi.

Hà Nội bây giờ có vô vàn con dốc mới hình thành ở những vùng đồi núi mở rộng bên Hà Tây cũ. Lại thêm biết bao nhiêu là cầu vượt, hầm chui lên xuống phức tạp. Hoảng nhất là vào mấy chung cư cao tầng gửi xe dưới hầm. Nhôm nhom bèn già như tôi phải ị ạch dắt xe máy cả lên và xuống. Lúc ấy chỉ mơ một chiếc xe đạp. Dĩ nhiên để dắt...

9-2011

HÀ NỘI - THÀNH PHỐ CỦA NHỮNG NGÕ NGÁCH

• *Phạm Thị Thu Hiền*

Từ tiểu Bang Victoria (Úc) chị họ tôi bay về Hà Nội sau 30 năm xa cách, và lần gặp lại này, chị lại cuốn tôi vào những kỷ niệm xưa, chị bảo: "Đi xa bao năm rồi Hà Nội trong chị vẫn là "mái ngói lô xô" trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái, là "sông Hồng tiếng hát 4000 năm" của nhà thơ Chế Lan Viên, là những mảnh đời lam lũ trong phóng sự của nhà văn Vũ Trọng Phụng, là những con người kiên trì "sống mãi với Thủ đô" của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, là cách sống, nghệ thuật ẩm thực của người Thủ đô trong tác phẩm của Thạch Lam, Vũ Bằng, là hiện thực "lửa cháy ngút trời", "người ra đi đầu không ngoảnh lại" của nhà thơ Nguyễn Đình Thi, là nỗi niềm "tan lễ chiều sao còn vọng tiếng chuông ngân" của nhạc sĩ Phú Quang, là cuộc sống bình dị với "quán cóc liêu xiêu một câu thơ" vốn quen thuộc của bao nhiêu cư dân Hà Nội".

Thành thực tôi không ngờ chất Hà Nội trong chị còn cụ thể và sống động đến thế, cụ thể và sống động như những con người vẫn hàng ngày hàng giờ đang sống trong lòng Hà Nội vậy.

Chia xẻ với chị nỗi nhớ Hà Nội, tôi chỉ còn biết lẻo đẻo đi theo chị tìm lại các ngõ phố một thời để ôn lại những kỷ niệm xưa. Quả là các ngõ phố đã làm nên diện mạo của người Hà Nội mà nhà văn Nguyễn Tuân - bậc thầy về ngôn ngữ của làng văn Việt Nam từng ví "Hà Nội là thành phố của những ngõ ngách". Theo ông, Hà Nội có vài chục con phố và chừng ấy ngõ, nghĩa là phố nhiều như ngõ, song cái thời của ông, Hà Nội chưa "trượt chân quá đà" và bung ra khủng khiếp như hiện tại. Thời ông sống, một con phố đã có tới vài ngõ, thậm chí cả chục ngõ. Ngõ chẳng chịt, ngõ đan xen, rồi từ ngõ mẹ đẻ ra ngõ con mà nay người Hà Nội gọi là ngách, tất nhiên bây giờ còn cả hẻm nữa. Nghĩa là "Tứ đại đồng đường" mà thời ông chỉ "nhị đại" thậm chí "tam

đại đồng đường" là cùng.

Chính vì lắm ngõ, nhiều ngách mà người sống trong các ngõ ngách nhiều hơn trên mặt đường, mặt phố, và thế mới đẻ ra thành mặt tiền, mặt ngõ, giá chênh nhau tới cả chục lần. Tuy vậy trước khi lột xác như hôm nay, Hà Nội bao đời là kinh thành của Đại Việt, vẫn mang dáng dấp của một cái làng to. Ngay cạnh một số khách sạn, nhà nghỉ bây giờ như khách sạn Bảo Sơn, khách sạn Phương Nam, khách sạn Đại Dương, nhà hàng Thế Kỷ vẫn còn tên gọi là làng Khương Thượng, làng Kim Liên, làng Nhân Chính v.v... Còn nguyên cả đường đất, thửa ruộng, ao hồ, hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp v.v...

Nhờ công cuộc "hiện đại hóa, công nghiệp hóa" mà ngõ thành phố, ngách thành ngõ, thậm chí cả hẻm cũng lên đời do mở đường lấy đất xây dựng các công trình trọng điểm, nhà văn hóa, khu vui chơi, siêu thị v.v... song nhà cửa vẫn lổn nhổn cao thấp to nhỏ khác nhau vì nhà giàu, nghèo, trình độ phân hóa thật khủng khiếp.

Phố Khâm Thiên, Nguyễn Thái Học, Đội Cấn, Nguyễn Lương Bằng... rất nhiều ngõ, mỗi ngõ là một thế giới riêng, có ngõ như ngõ Văn Chương là cả một phường. Ngõ đặc biệt nhất - có lẽ là ngõ Cấm Chỉ - truyền thuyết của một thời xa xưa nay còn ghi lại dấu ấn bởi tên gọi của ngõ. Chuyện kể rằng chú bé Chỗm ngày xưa là một cậu bé nghèo xơ nghèo xác song đi đến đâu cũng có quầng sáng to trên đầu, vốn tính háu ăn lại có biệt tài lạ lùng là sáng ra hễ sà vào hàng nào thì hàng đó lập tức bán đắt như tôm tươi, thế là các bà các cô bán hàng thịt, gạo bánh bún các kiểu cứ thi nhau chào mời bằng được... Miệng ăn núi lở, Chỗm ta trở thành người mắc nợ khắp kinh thành, đi đến đâu cũng có người chạy theo đòi nợ. Trốn tránh mãi không lại, đến khi chuyện vỡ lở, Chỗm bị đưa lên công đường, nhà vua thấy mặt mũi thông minh sáng sủa thì thương tình, liền ban cho một đường thoát hiểm, bèn ra sắc lệnh: Hễ đòi nợ Chỗm ở đâu thì đòi nhưng khi đã vào trong cái ngõ ấy rồi thì cấm chỉ. Ai trái lệnh sẽ mắc tội khi quân, bị xử trảm. Từ sắc lệnh "cấm chỉ" ấy mà thành tên ngõ.

Ngõ Tạm Thương lại bắt nguồn từ tích xưa, chuyện cũ. Trước đó có kho lương tạm thời do những anh lính đứng gác. Buồn tình liền kiếm chuyện làm quà với những cô gái vốn cả nể, hay thương người, khi các chú lính trạm chuyển đi, chuyện tình một thuở thành tạm thời chốc lát và tên ngõ được đặt thành "tạm thương"... nhưng những mối tình "tạm thương" không bao giờ thành dĩ vãng bởi tên ngõ vẫn còn đó, minh chứng cho mối tình lỡ độ đường, yêu vụng nhớ thầm thuở nào...

Ngõ Hàng Lọng dài mấy chục mét, một bên là nhà dân bên kia là tường của Bộ Công an. Dân phố ngày xưa chuyên làm ô lọng nên tên nghề mới thành tên ngõ. Sau ngày giải phóng Thủ đô, nó được mang tên mới là đường Nam Bộ, khi Bắc Nam thống nhất đổi thành đường Lê Duẩn, nhưng người dân chẳng ai thích tên ấy, phần lớn lớp già vẫn gọi bằng tên "Hàng Lọng" cũ.

"Vào Cu Ba, ra Vạn Kiếp" là tên người dân sống lâu đời trong ngõ vẫn gọi. Ngõ này nằm giữa bệnh viện Việt Nam - Cu Ba và đường Trần Hưng Đạo - cái tên như nói rõ cảnh ngộ của bao kiếp người sống trong lòng ngõ... Bên kia còn một ngõ nữa không hiểu vì sao không có biển đề, người dân quen miệng gọi ngõ lao động để phân biệt ngõ của những con người cần cù lao động nghèo khổ với các ngõ phố đài các cao sang khác. Thời kỳ Đảng đổi mới tư duy đặt lại thành ngõ 90, cánh văn nhân yêu mến tài của cụ Nguyễn Tuân thường gọi đùa là ngõ Nguyễn Tuân. Nơi đó trên gác hai có nhà của văn hào Nguyễn Tuân. Trong căn phòng nhỏ ông từng giải thích tên gọi của từng loại rượu cho cánh nhà văn trẻ, theo cách hiểu của ông, nào rượu lậu, quốc lủi, làng vên rồi rượu bộ, rượu mắt ếch v.v...

Nhà văn Băng Sơn - người được coi là một nhà Hà Nội học vì sự am tường về văn hóa nghệ thuật, sinh hoạt, cũng như địa lý Hà Nội, khẳng định Hà Nội bây giờ có tới 500 phố, và hơn 100 ngõ, nhiều nhà thơ văn quen thuộc của Việt Nam đã gắn bó với các ngõ Hà Nội như nhà thơ Trần Huyền Trân ở ngõ Cống Trắng, Vũ Hoàng Chương ở ngõ Thanh Miến, nhà văn Kim Lân ở ngõ Hạ Hồi, nhà văn Thạch Lam và thi sĩ Vân Đài ở ngõ Trúc Lạc (gần Hồ Tây), nhà văn Sơn Tùng ở ngõ Văn Chương v.v...

Ngày nay những địa danh ẩm thực nổi tiếng, như "cây tơ bầy món", chân gà nướng, xôi lạp sườn, vằn thắn sủi cảo, gà hầm thuốc bắc, bánh cuốn cà cuống" v.v... lại gắn liền với tên ngõ xưa như ngõ Cấm Chỉ, ngõ Phất Lộc, ngõ Hàng Hành, Hàng Hương v.v...

Ngõ dài nhất Hà Nội có thể là ngõ Quỳnh, vừa dài vừa hẹp lại ngoằn ngoèo chạy loằng ngoằng từ phố Bạch Mai khu vực Ô Cầu Dền tới tận phố Nguyễn Thị Minh Khai, gần nhà máy dệt 8-3. Một ngõ có đến cả vạn người sinh sống. Ngõ Thổ Quan (Khâm Thiên) có thể coi như ngõ dài thứ hai, biết bao nhiêu là dân cư đông đúc. Hàng triệu người Hà Nội đã ra đời ở ngõ này bởi nơi đó có nhà hộ sinh Thổ Quan, nơi đón nhận những sinh linh bé bỏng của Hà Nội chào đời... Ngõ ngắn nhất có thể kể như ngõ Túc Mặc, vừa rộng vừa ngắn lại cụt thun lùn, trước đây nổi tiếng vì những cây hoàng lan cao to lừng lững. Bây giờ đất chật, người đông bóng mát ít dần, nhường chỗ cho những bóng người chen chúc, ngõ ngắn thứ hai ba gì đó có thể là ngõ Vân Hồ, một đoạn đường 50 mét chưa đầy 50 nóc nhà cũng biến thành "ngõ ẩm thực", ngõ hẹp người đông, người và xe cộ muốn tránh nhau đều phải vén bụng, uốn ghi đông xe sang một bên vì trước cửa nhà nào cũng khur khur một quán bán hàng từ trà đá đến mì bún miến, rồi bánh giò bánh bao các loại, không phải trăm người bán vạn người mua mà dăm người bán vài người mua, quán vẫn tồn tại năm này sang năm khác, đời cha cho chí đời con, rõ ra là lối ngõ Hà Thành thật, mật ít, ruồi nhiều nên đất nào cũng có ruồi bâu, chả lo thừa ế.

Cuộc sống trong ngõ ngách tường lặng lẽ, câm nín như một vũng ao tù mà ngược lại cuộn cuộn sôi sục như dòng chảy. Ngõ càng đông, dòng chảy càng sôi, ngõ vắng người thừa dòng chảy mới sâu và êm, song trong thời cơ chế mở những ngõ ấy chỉ có thể là ngõ phố của các cán bộ lãnh đạo lâu năm như ngõ N5, N7, N22 ở phố Liễu Giai bây giờ, nhà nào cũng là khu biệt thự hai tầng lầu, diện tích mặt đất đã là 130m, xe con chạy thẳng tận cửa không phải bóp còi, đạp phanh như các ngõ phố khác của Hà Nội.

Ngày chị tôi đi, chưa có đường Tôn Thất Tùng, Hồ Đắc Di, Đặng Văn

Ngũ - ba vị giáo sư có công đầu trong việc xây dựng Trường Đại học Y khoa Hà Nội, ba nhà khoa học được nhiều giải thưởng lớn cả trong nước cũng như quốc tế đều là con của núi Ngự sông Hương, khi còn sống giữa rừng sâu Việt Bắc - vì khoa học vì Tổ quốc họ luôn gắn bó với nhau, sau khi từ già cỗi đời, Trường Đại học Y khoa đã đề nghị họ được gần nhau và đã được chấp thuận, trong ba con đường ấy thì đường Tôn Thất Tùng chạy qua cổng Trường Đại học Y khoa nối với đường Đặng Văn Ngữ qua hồ Trung Tự rồi tiếp xúc với đường Hồ Đắc Di chạy sang khu tập thể Nam Đồng.

Để giới thiệu với chị đầy đủ dáng vẻ mới của Hà Nội, tôi đưa chị đến phố Cù Huy Cận nổi tiếng với "làng nướng" với các món nướng đủ loại do các du khách tự chọn theo khẩu phần và ý thích của mình với giá 85.000VND một người, một xuất kèm cả một cốc bia. Ngồi thưởng thức hương vị quê hương tôi kể chị nghe một chuyện vui có liên quan đến tên đường Cù Huy Cận này. Ấy là khi còn sống, vừa kịp trông thấy đường Xuân Diệu, vị "La Hán" béo tốt thứ 13 đã thắc mắc: Anh Xuân Diệu có đường rồi, còn đường của tui ở mô? Tất nhiên câu trả lời của lãnh đạo Hà Nội khi đó là: "Thì bác cứ chết đi, rồi đâu sẽ có đó mà!" Làm chị cười ngặt nghẽo, đưa ra một lời bình chí lý: "Quả nhiên ông ta không được lên thiên đường, nhưng đã có tên đường thật".

Phố Tạ Quang Bửu vốn thuộc phường Bách Khoa, một phường chỉ toàn đường ngang ngõ tắt, nhà không số, phố không tên, sâu hun hút như cái tổ lươn. Sau thập kỷ 90 mới đặt tên phố - từ phố sinh ra một loạt ngõ, ngõ đẻ ra ngách, ngách lại nảy thành hẻm, từ hẻm phân nhánh thành hẻm 1, hẻm 2, hẻm 3 v.v... không biết sau hẻm còn là gì nữa. Thế gian cái vũng nên đồi, nhiều ngõ lên đồi thành phố như ngõ Văn Chỉ nay đã thành đường Lê Thành Nghị, nhà nhà đang từ ổ chuột ẩm thấp thành to đẹp đàng hoàng ngay mặt đường sáng trưng, giá ngất ngheo gấp hai ba chục lần. Hóa ra "sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông" là chuyện không hiếm xảy ra ở Hà Nội, thậm chí còn là đặc thù của ngõ ngách Hà Nội thời hiện đại nữa.

Một cuộc sống vừa thực vừa ảo, lung linh mà gần gũi, quần quanh mà sống động, vất vả mà thơ mộng, lấm láp mà cao sang, trầm lặng mà biến

đổi... Đó chính là cuộc sống của muôn dân trong ngõ ngách Hà Nội hôm nay, không trừu tượng và cũng chẳng giản đơn...

Cùng một lúc phải dạo qua nhiều ngõ ngách Hà Nội quá, cả hai chị em tôi mệt phờ nhưng cũng vui vì được ôn lại những kỷ niệm đẹp của ngày xưa. Tuy vậy, chị tôi bảo: Hà Nội bây giờ thay đổi nhiều quá, phố xá ồn ào, nhà nhà xả rác ra đường, con trai con gái thô lỗ cục cằn, nói tục, chửi bậy nhiều quá... bây giờ nếu cho chị quay lại Hà Nội sinh sống như trước, chắc chắn là chị sẽ không bao giờ ở lại, chị đã quen sống ở thiên đường mặt đất là xứ sở yên bình Australia rồi.

Câu trả lời của chị gieo vào lòng tôi một dấu chấm lửng, như thể bị lạc vào trong ngõ rồi và không thấy nẻo ra...

Hà Nội, 2008

NGÕ NHỎ LỐI NHỎ

• *Trần Chiến*

Thời chiến tranh, Bằng Việt viết về một nốt lặng của Hà Nội đánh nhau: "Mỗi ngõ nhỏ giấu một lời tâm sự". Mấy chục năm rồi, câu thơ còn khá đúng. Bởi vì Thủ đô hôm nay, những phố lớn sửa sang tân kỳ, làm nội thất sáng choang, mở tung cửa ra phố đón "thượng đế" vào, thì những con ngõ nhỏ ngoắt ngoéo vẫn giữ được vẻ im lìm, nét kín đáo riêng tư. Nơi đây chiếc xe máy đã là công kênh. Nên chi, thả bộ thong dong trong tâm thế nhàn tản, để thưởng ngoạn chút cổ kính còn lại, có lẽ là đúng hơn.

Hà Nội còn khá nhiều con ngõ gợi cảm như thế, dù nhiều chỗ mang biến "phố". Mỗi chỗ lại có sắc thái riêng. Ngõ cụt Đoàn Nhữ Hài toàn nhà thấp, dáng chừng của công chức xưa. Cuối ngõ có nếp nhà của nhà văn Tô Hoài, ông mua bằng tiền làm phim "Vợ chồng A Phủ" những năm sáu mươi, rồi "đẻ" ở đấy những tác phẩm đầy ấn tượng. Ngõ nhỏ Tràng An có dáng dấp tiểu tư sản điển hình, đầu vào Triệu Việt Vương có hàng vàng bạc, đầu kia trở ra Phố Huế buôn xe máy ồn ã. Thế mà vào trong lại tĩnh lặng, cửa sổ lấp ló sau bóng cây. Lối ngõ nhỏ nên hàng xóm không thể không chào nhau, tức là lại thấp thoáng nếp làng. Xóm Hạ Hồi bốn đầu thông ra ba phố và hai ngõ cụt, nhà kiểu nông thôn Pháp, thường một tầng hầm, một tầng nhà, xung quanh có vườn. Xưa kia về kiến trúc và không khí, Hạ Hồi êm đềm, thượng lưu nhất Hà Nội, nay coi nơi nhiều quá, cái vẻ quý phái ấy đã "đờ" đi nhiều.

Ngõ Phất Lộc vào loại ngoằn ngoèo nhất khu "Ba sáu phố phường". Đường rộng hai ba mét không có hè, hai bên hút lên những bức tường đã long lở. Bởi lâu không được đập vữa trát lạ, chúng cứ phô từng đám đen đen xám xám - một gam màu gợi cảm với mơ-xi-ơ Phái "phố". Nhà cửa cũ kỹ đến nỗi khi sửa chữa, những thanh xà lim cỡ thân người, đầu gác vào tường đã bị vôi ăn vẹt, hốc hác như "đầu gối củ lạc". Gần đấy, ở Mã Mây có ngôi nhà trên

trăm tuổi vừa được phục chế mái ngói, câu đầu chạm trổ, giếng trời thông gió và hồ xí thùng.

Một chỗ không nổi tiếng bằng Phất Lộc nhưng cũng rất độc đáo là Tạm Thương, đầu trổ ra Hàng Bông, đầu ăn vào Yên Thái, cái ngõ có hai đầu là Hàng Da và Hàng Mành. Có câu thơ chất vấn khá đánh đả đã thương sao còn tạm thương... Nhìn từ Hàng Bông vào không thấy bóng cây, nhưng chỉ vài bước, khỏi dây bún ốc, đậu phụ rán mắt tôm, người ta không còn thấy bức bối nữa. Tường nhà không cao lắm, nhưng lối giữa bé nên ít khi có nắng xuống. Những ô cửa trổ ra "phố" chẳng thành kiểu cách nào. Nhà ống, điển hình cho kiến trúc cách nay hơn nửa thế kỷ chen chúc vài ba thế hệ. Do xô lệch thời thế, dân nghèo thành thị tấp vào ngõ hết. Nhưng Tạm Thương không ít bất ngờ. Mảnh sân tí hon ướt át có gốc sung chừa chít đủ làm mòn mắt trẻ từ ô cửa sổ. Mảng tường long lở chênh vênh cuộn cuộn rễ si, chỉ ăn vôi cát mà sum suê quá chừng. Đình Yên Thái thờ Ý Lan Phu nhân, ngày rằm, ngày một khói hương quanh quần mái ngói ta. Không thể dùng chữ "khang trang" cho con ngõ, bởi mặt cổng, cửa sau để lấy thùng phân rất gần với những bún bánh đậu mắm. Nhưng Tạm Thương hơn hẳn phố lớn ở đoạn ngoằn ngoèo khúc khuỷu và vắng tiếng xe máy gầm rú. Ngồi trong cái quán gần Hàng Mành với bát tiết canh hồng hào, đĩa lòng xe điều nõn nà điểm húng xanh xong, ta đứng dậy sà vào hàng chè đặc cảm tằm vệ đường mà chiêm diếu thuốc xem, "phê" không tưởng nổi. Những quán chè Hà Nội, như những bistro bên Pháp, đang bị lối ăn nhanh xô đẩy, tội tội thế nào...

Ngõ Hà Nội hay phố biến những kiến trúc tương đồng: nhà ống cổ, lối nhỏ, đình đèn, chỉ ít là bàn thờ, cạnh đó là cộng đồng dân cư ít thay đổi hơn bên ngoài. Tuy đã bị pha phách, "hiện đại hóa" ít nhiều, ngõ giữ lại không gian cổ kính hơn phố lớn, gợi nhớ những ngôi làng. Mỗi con ngõ có linh hồn, tâm trạng riêng, không ào ạt một bản đại hợp xướng "tiền ơi để lại ra đi" như ngoài phố. Ở đây trẻ có chỗ chạy chơi, cụ già nhâm nhi thời xa vắng, mấy nàng dâu tha hồ đầu chuyện mẹ chồng. Bình thản một nhịp, kéo đến náo náo hay xong ngay đều được. Có thể coi ngõ như cái bảo tàng lưu lại dấu vết Hà

Nội từ làng xã phát triển lên, lưu luyến những gì cổ kính. Lại cũng có thể coi nó như một người có tuổi, hơi gàn gàn không chịu nhập cuộc, ăn mặc lôi thôi một cách duyên dáng. Cho nên không lạ gì nếu ta đi dạo nơi đây mà thơ Bằng Việt lại hiện về :

Ôi rất lâu rất lâu

Tôi mới đi một ngày thong thả...

CHIẾC NGÕ - KÝ ỨC VÀ MỘT BÀI HÁT

• *Lê Ngân Hằng*

Đời người thật dài. Đi dọc ngang đó đây. Nếm trải không biết bao nhiêu mặn, bùi, đắng, chát, và đủ vị ngọt ngào... Đã biết bao nhiêu không gian thoáng rộng, những con đường, đại lộ. Nhưng chốt lại sâu xa trong một góc khuất tâm hồn bình lặng vẫn còn đó, hiện lên một chiếc ngõ im vắng. Cho dù bạn không phải là người Hà Nội gốc. Thì vẫn hiện lên một chiếc ngõ nhỏ thời thơ ấu ở một miền quê nào đó. Trong các ngôi làng ấy ngay cả khi đã đến trước cổng để vào trong sân nhà người ta vẫn phải đi dọc theo lối ngõ với những hàng cau, hay rệ rào trồng đầy những khóm dạ hương, nguyệt quế. Đây là những chiếc ngõ của những ngôi làng đồng bằng. Còn ở trung du miền núi các lối ngõ thường trồng những cây chè. Chè cũng có hoa. Hương chè ra sao thì tôi không rõ. Lối ngõ quê nội tôi nằm ở đất cửa sông thì trồng dọc hai bên là những khóm duối có những cái gốc thấp tẹt nhưng chúng có tuổi hàng trăm năm và cứ sống bền bỉ ở đấy cùng với lối ngõ. Ngõ quê ngoại tôi ở miền biển lạc hậu thì chẳng chịt và khác biệt ra sao tôi sẽ viết ở một bài viết khác. Ở đây tôi đang viết về ngõ ở Hà Nội nơi tôi đến ở, làm việc, lấy chồng, có con và sinh sống gắn bó. Một cái ngõ hẹp, sâu, loanh quanh mà ai đến nhà tôi lần đầu cũng ái ngại, lạ lẫm, đi mãi rồi cũng đến nhà thôi nhưng tâm trạng đi vào ngõ nhà tôi ở Hà Nội của một ai đó có lẽ cũng y hệt như tôi lần đầu được chàng trai Hà Nội ấy sau này là chồng tôi dẫn về thăm nhà và cha mẹ chàng. Phải nói thật lần đầu tiên đến nhà chàng đi qua con ngõ sâu tôi cũng có cảm giác ái ngại và cảm xúc lộn xộn nhưng rồi tôi đã gạt đi khi quyết tâm chung sống với chàng, chấp nhận tất cả những gì thuộc về chàng, kể cả chiếc ngõ vòng vèo và sâu hun hút này. Con ngõ có những đoạn tối do các ban công thi nhau đua ra chiếm diện tích khiến mặt ngõ tối lại như đi qua đường hầm. Nhưng rồi dần dà tôi đã thấy quen, chấp thuận và tìm thấy những

khoảng thân tình ấm áp và vẻ đẹp của những chiếc ngõ ở Hà Nội như chiếc ngõ về ngôi nhà của chúng tôi. Rồi sau đó con cái chúng tôi sinh ra ở đó, lớn lên ở đó, đây là tuổi thơ, đây cũng sẽ thành quê hương của chúng. Bao giờ đi xa chúng sẽ thấy nhớ như lời một bài hát nào đó chắc bạn cũng biết. Nếu không tôi sẽ hát lại bài hát đó để bạn nghe.

Hà Nội có bao nhiêu ngõ và mỗi ngõ có gì hay không làm sao có thể đếm và biết hết. Ở đâu có nhà cửa, có sự sinh sôi nảy nở thì đều có những chiếc ngõ tồn tại, ra đời. Hôm qua và ngày sau. Không chỉ riêng tôi, cũng có bao nhiêu người có cảm xúc về chiếc ngõ. Có không ít nhà văn, nhà báo từng có cảm hứng viết về ngõ ở Hà Nội. Và tôi muốn viết về một chiếc ngõ ở Hà Nội của riêng mình như tôi cảm nhận. Có thể không giống như lời một bài hát tôi nhớ rất hay về ngõ cái hồi tôi chưa đến phố đã thấy có gì đó xao xuyến. "Một ngõ vắng xôn xao/ Nằm trong lòng phố lớn/ Một tiếng nói yêu thương/ Cho lòng thêm tơ vương/ Một chiếc lá thu rơi/ Rắc vương đầy ngõ vắng/ Một chùm hoa trong nắng/ Xôn xao ngập lòng tôi/...". Nghe bài hát tôi biết chắc tác giả và người hát có tình cảm với chiếc ngõ sâu sắc chừng nào và yêu dấu chiếc ngõ yên tĩnh với niềm hạnh phúc đến nhường nào. Một người thờ ơ, vô tình ít khi cất lên từ đáy lòng như vậy khi ở giữa những điều bình thường và người ta cũng khó mà nhận ra cái đẹp, cái yêu thương trong những điều nhỏ bé, đôi lúc tầm thường như một chiếc ngõ nơi cư ngụ của dân lao động với mong cầu đời sống an lành, bình thường như chúng tôi. Cái đời sống ngõ vừa có nét xô bồ vừa có nét đậm bạc của thành phố đô thị như Hà Nội. Rồi đến một ngày kia khi đã sinh sống và để cuộc đời chọn nơi ở là đây, là Hà Nội thì cảm xúc sẽ nhiều hơn và da diết hơn khi lắng nghe bài hát nhắc đến chiếc ngõ này, không phải của mình nhưng cũng thấy dào dạt ghê gớm: "Nơi tôi sinh Hà Nội/ Ngày tôi sinh một ngày bóng cháy/ Ngõ nhỏ phố nhỏ/ Nhà tôi ở đó/ Đêm nằm nghe trong gió/ Tiếng sông Hồng thở than". Rồi thì: "Những ngày tôi lang thang/ Tôi mới hiểu tâm hồn người Hà Nội/ Mộc mạc thôi mà sao tôi bồi hồi/ Mộc mạc thôi mà băng khuâng nổi nhớ/ Tuổi thơ đã đi qua không trở lại...". Có vẻ như người ta khó mà nghe thấy tiếng sông Hồng thở than khi ở

mặt đường ồn ào xe cộ...Và những chiếc ngõ của Hà Nội, những chiếc ngõ sâu im vắng với một ngôi nhà ở đó, với một tâm hồn ngày tháng đi về. Những người yêu Hà Nội làm sao có thể không yêu những chiếc ngõ. Rồi thì, biết lúc đi xa sẽ nhớ ngõ Hà Nội đến như thế, vậy thì tại sao không yêu thương nó ngay khi còn ở đây.

12/ 2010

NHÀ VỆ SINH BỜ HỒ

• *Nguyễn Ngọc Tiến*

Thực sự là tôi không biết nhà vệ sinh nằm ngay mép hồ phía đường Đinh Tiên Hoàng khởi công ngày nào, cắt băng khánh thành ngày nào, nhưng căn cứ vào tường trát đá rửa (rất thịnh hành sau năm 1975) về bề xí xẩm có thể đoán nhà vệ sinh xây năm 1976 hoặc 1977. Nhà vệ sinh này có hai khu, một bên dành cho nam và một bên dành cho nữ. Một bể nước dùng chung cho hai bên hiếm khi đầy. Muốn mức phải gập người, cúi đầu mới được gầu nước. Gầu làm bằng lớp ô tô bỏ đi, mức đầy nhưng mang vào dội thì chỉ còn tí tẹo vì gầu bị hỏng đáy. Năm 1989, người ta bắt đầu thu tiền vệ sinh song nhà vệ sinh này cũng thiếu mùi thơm, thừa mùi kia.

Hồ Gươm từ khi được quy hoạch cho đến năm xây dựng nhà vệ sinh ngay gần cây lộc vừng thì quanh hồ có hai nhà vệ sinh. Một là ở ngõ 29 Hàng Khay (xây trước năm 1945) và nhà vệ sinh số 8 phố Lê Thái Tổ được xây sau năm 1954. Khoảng năm 1974, rộ lên chuyện hai người họa thơ trong nhà vệ sinh số 8 phố Lê Thái Tổ. Chuyện rằng: Một anh "đi xong" bước ra ngoài khoan khoái, anh ở ngoài chờ lâu nhìn anh mới ra vẻ mặt hăm hăm và vội lao vào. Thấy anh kia ị lên cả bờ, sẵn bút chì trong túi liền viết lên tường hai câu (thời bao cấp, tường nhà vệ sinh này trát vữa, quét vôi trắng):

Ỉa cho đúng lỗ mới tài

Ỉa chệch ra ngoài trình độ còn non.

Hôm sau anh kia lại đi trước. Nhìn thấy thơ trên tường chế giễu mình bèn lấy bút chì chày cối:

Còn non thì mặc còn non

Một hòn ra ngoài thì đã chết ai.

Anh kia đi sau thấy anh đi trước không tiếp thu lại còn họa lại, tức khí viết

thêm:

Chết ai thì chẳng chết ai

Một hòn ra ngoài thì mất vệ sinh.

Tiếp hôm sau, anh kia vẫn giành được quyền đi trước, thấy có thơ chê mình thiếu văn hóa, cãi cùn:

Vệ sinh thì mặc vệ sinh

Kỹ thuật trung bình chỉ có thể thôi.

Anh kia vào thấy kẻ đi trước vẫn ngoan cố làm tiếp hai câu:

Thế thôi thì hãy ra đời

Bao giờ tiến bộ thì ngồi vào đây.

Thế là hôm sau không thấy anh kia họa lại nữa. Sau này người ta cho sửa sang lại và thu tiền khách đi vệ sinh.

Trong cuốn Những năm tháng không quên của nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa Vũ Ngọc Phan có đoạn viết về nhà vệ sinh các gia đình ở khu phố cổ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX: "Nhà vệ sinh được làm ở phía sau nhà bằng cách đào hố sau đó bắc hai tấm ván làm chỗ ngồi. Khi phân nhiều lên thì thuê người đến lấy mang ra đổ ở Hồ Gươm hay sông Hồng". Khi Hà Nội phát triển, hố xí kiểu như vậy không còn ở phố cổ. Người ta xây hần hoi và phía dưới đặt thùng tôn, cứ hai hay ba ngày, công ty vệ sinh đến mang đi và đặt thùng không vào. Tại các khu phố mới, nhiều gia đình đã xây bể đựng phân ngầm dưới đất. Thầy giáo dạy môn vật lý của tôi ở trường cấp III Đoàn Kết từ năm 1973-1975 kể, đầu thập niên 60 thầy là sinh viên nên thường xuyên phải tham gia lao động tình nguyện. Công việc là cùng với công nhân vệ sinh vào khiêng các thùng phân đầy ứ lên xe ô tô. Thầy không may mắn như các bạn có thành phần gia đình cơ bản nên càng phải cố gắng. Hôm đầu về nhà thấy cha mẹ bịt mũi mới biết phân bám vào khắp người.

Trước 1954, ở các phố Hàng Buồm, Hàng Đào, Hàng Ngang, Lương Ngọc Quyến... thường mỗi số nhà là một hộ nhưng sau khi tiếp quản Thủ đô, số hộ trong một số nhà tăng lên. Có số nhà vài hộ, song cũng có số nhà tới gần chục

hộ. Lúc đầu thì chuyện vệ sinh cũng không thành vấn đề, nhưng khi các cặp vợ chồng sinh con đẻ cái rồi kéo người thân ở quê ra thì vệ sinh trở thành vấn đề lớn. Tình trạng chờ nhau đi vệ sinh kéo dài đến đầu thế kỷ XXI. Theo thống kê đến cuối năm 2002, 50% số nhà không có nhà vệ sinh riêng. Hàng mấy chục con người từ già tới trẻ sống chen chúc trong một diện tích chật hẹp và chỉ có một nhà vệ sinh. Đi vệ sinh phải mót mới đi được, ác một nỗi là đa phần lại mót vào buổi sáng. Mà đã mót thì không thể nào hãm được, thế là để cho công bằng chỉ còn cách xếp hàng. Nhưng xếp hàng là chuyện ai trước ai sau song người ngồi trong nhà vệ sinh mà vừa đi vừa đọc thơ thì trời ơi bằng giết người xếp hàng ở ngoài. Có người gào toáng hay vào tận nơi đập cửa nhưng họ chưa xong sao có thể ra được. Bạn tôi ở phố Hàng Buồm, từ khi còn bé đã bị mẹ huấn luyện cho ỉa vào buổi chiều. Bà bắt con ngồi trên bô nhựa rồi đứng bên cạnh cầm roi và hô rặn. Nhưng bà làm thế cậu con trai sợ không đi được. Cuối cùng bà bỏ roi và động viên, thế là sau một tháng bạn tôi tạo được thói quen đi vệ sinh vào buổi chiều. Ở những số nhà đông hộ bao giờ cũng có bảng phân công làm vệ sinh. Nhà nào để mất vệ sinh thì cả số nhà họp lấy biểu quyết phạt không cho gia đình ấy đi ỉ một ngày. Với các khu tập thể là nhà cấp bốn dành cho người lao động như: Mai Hương, (phố Mai Hương, quận Hai Bà Trưng), Bờ Sông (quận Hoàn Kiếm) hay khu tập thể của các bộ ngành thì người ta xây nhà vệ sinh chung. Người phụ trách khu tập thể tự tay viết những khẩu hiệu dưới dạng thơ (để mọi người dễ nhớ), ví dụ:

Ỉa đúng lỗ, đái đúng dòng

Bỏ tro, đốt giấy làm xong mới về.

Bên trong các hố xí chung, than ôi trên tường đủ các loại hình vẽ và các loại tuyên ngôn. Thậm chí có người còn chép cả thơ của những nhà thơ nổi tiếng lên tường bằng bút chì. Một số góc phố hay trên nhiều bức tường các cơ quan có các dòng chữ nguệch ngoạc: "Cấm đái bậy! Cấm ỉa bậy", hay: "Cấm phóng uế". Song tệ nhất là các nhà vệ sinh công cộng. Vì là công cộng nên có nơi cánh cửa gậy hay long bản lề cũng chẳng ai sửa chữa. Thế là các bà các cô đi vệ sinh bao giờ cũng cầm theo cái quạt nan hay quạt giấy để nếu không

may phải ngồi đúng hố không có cửa còn có cái che mặt. Dọc theo bờ đê từ Tứ Liên (quận Tây Hồ) kéo xuống dốc Vĩnh Tuy (quận Hai Bà Trưng) từng là nơi đi vệ sinh thú vị của những người có quan niệm "Thứ nhất quận công, thứ nhì ỉa đồng" và dân gần đê. Có người buổi tối đạp xe ra đê rồi vật nó xuống đất sau đó một tay giữ xe, một tay giữ quần. Đi xong lại vào phố uống nước chè hút thuốc lào. Lại có khi năm sáu đứa trẻ con xếp hàng ngang trên mặt đê, vừa ị vừa nói chuyện râm ran. Thập niên 60 và đầu 70, ngoài bãi sông Hồng còn thừa dân và người ta trồng ngô khoai thì đây cũng là một đại hố xí của người thành phố.

Hồ Gươm khổ nhất là ngày lễ, đặc biệt là có bắn pháo hóa. Dân các vùng quê nườm nượp đổ về Bờ Hồ, chen chúc mua bánh mua nước chanh, ngủ la liệt quanh hồ. Tối, điện lại thiếu, thế là vô cùng tiện lợi. Hôm sau, ai đi qua cũng phải đạp vội vì sắc mùi xú uế. Dân số dần tăng nên Công ty Vệ sinh cũng không phục vụ kịp. Cũng may là xung quanh Hà Nội có nhiều vùng chuyên canh rau màu nên họ cần phân và thế là xuất hiện đội ngũ chuyên đi lấy phân trộm ở các hố xí công cộng. Xăm tối họ đạp xe Phụng Hoàng hay Vĩnh Cửu đã thay nan hoa to với hai chiếc sọt hai bên tiến về nội thành. Sau khi múc đầy, họ nhanh chóng biến ngay. Xã Hồng Châu, huyện Thường Tín (Hà Tây) có khá nhiều người làm nghề này vì đất này chuyên trồng khoai tây, su hào và bắp cải nên rất cần phân bắc, thế mới có câu "Thanh niên Thường Tín xin thề. Chưa đầy hai sọt chưa về quê hương" (Có người đọc là Thanh niên Cổ Nhuế). Năm 1975, bạn tôi là Phương đủ điểm vào Đại học Sư phạm I nhưng không được gọi vì chưa phải là Đoàn viên. Phương đi bộ đội, đóng quân cách Bờ Hồ 0 cây số (quận Hoàn Kiếm), sướng là gần nhà nhưng khổ là tối nào cũng phải tranh giành lấy phân với các tay thồ phân Hồng Châu vì rau của đơn vị tăng gia ở ngoại thành khá nhiều.

Thời còn tồn tại các hợp tác xã nông nghiệp, nhà nào cũng có đất 5% và nhà nào cũng rất cần phân để bón rau màu. Dọc đường đoạn từ lối rẽ vào chùa Hà kéo đến cổng Đại học Sư phạm (nay thuộc quận Cầu Giấy) từng là chợ phân. Sáng sáng là một dãy dài các bà các cô đứng bên gánh phân hay

người trung tuổi đứng bên cạnh xe thồ chờ khách. Những người bán phân ở chợ chủ yếu là dân Cổ Nhuế (Huyện Từ Liêm), chính vì thế mới có câu "Đào Nhật Tân, phân Cổ Nhuế". Người ta thuê dẹt những câu chuyện đại loại như thò tay xuống thúng phân sau đó ngoáy lên để chứng minh cho người mua là phân đặc không loãng sau đó xuống ao rửa tay không cần xà phòng rồi lôi bánh mì ra ăn ngon lành. Người ta cũng sáng tác ra cả câu đó từ chợ phân này, ví dụ như: "Hai đầu thì thối, ở giữa thì ngọt" (người vừa gánh phân vừa ăn mía).

Khoảng năm 1988, nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện có viết trên báo Văn nghệ về Hồ Hoàn Kiếm, đại ý bài báo nói nếu xung quanh Hồ Gươm mà xây các công trình cao thì hoạt động sẽ biến thành cái ao tù. Bài báo cũng kiến nghị nên phá bỏ nhà vệ sinh mép bờ hồ vì nó nằm trước mặt Tòa Thị chính của Thủ đô, mặt khác nó làm mất mỹ quan không gian hồ. Sau này cũng có rất nhiều ý kiến nên phá bỏ song dường như những góp ý ấy không có tác dụng, nhà vệ sinh vẫn hiên ngang thách thức. Năm 2006, người ta chi khá nhiều tiền cải tạo nhà vệ sinh nhưng sử dụng được một tháng lại ra quyết định phá bỏ. Tháng 7-2002, ngành giao thông công chính có dự án xây nhà vệ sinh ngầm hoành tráng như ga xe điện ngầm ở góc Hàng Khay - Lê Thái Tổ nhưng người dân không có đồng tình.

PHỐ NHỎ HÀ THÀNH

• *Trần Hoàng Thiên Kim*

Tôi có người bạn làm thơ ở Đà Lạt, vào độ hậu Noel anh thường nhảy tàu ra Hà Nội, ở lại đến ngày cúng ông Táo lên trời anh mới trở về quê ăn Tết - Theo như anh nói, đó là thói quen khó bỏ của anh, cũng là cái thói lang thang nghệ sĩ đi tìm cảm hứng ở một môi trường mới, nó lại cần thiết cho nghề nghiệp của anh. Hà Nội vào thu, phong cảnh thay đổi khác thường, dễ tạo cảm hứng cho ngòi bút và những khoảnh khắc nhiếp ảnh - anh kiên luôn nghề nhiếp ảnh và có một phòng trưng bày ảnh tại trung tâm Đà Lạt. Tôi hỏi vui: "Sao anh không chuyển ra Hà Nội luôn cho đỡ nhớ". "Xa Hà Nội - để còn làm thơ - thi thoảng về - như một đứa con cứng trở về với mẹ".

Anh thích những ngõ phố và hẻm nhỏ nơi có quán cóc "liều xiêu" trong chiều sương rét mướt, run rẩy những giọt lá vàng rơi nghiêng nghiêng bên chén trà xanh nóng hổi nghi ngút khói. Anh bảo Đà Lạt không có những con hẻm, những quán ăn vỉa hè thế này đâu, quán Đà Lạt cứ phải là nhà cửa, ghé bàn chửi chu đáo hoàng lắm, ở Hà Nội đâu cũng có thể có một quán ăn bình dân, thích thật! Anh bạn phiêu lãng của tôi về Hà Nội có mấy ngày, lần nào anh cũng vội, thế mà lạ, anh nắm chắc địa danh, từng ngõ ngách "Hà Nội có những con đường rộng dài, nhưng cũng có những phố nhỏ, thật nhỏ, thật ngắn".

Tôi nghi ngờ... tôi sống ở Hà Nội và suốt ngày dòng xe máy đi "đánh bóng mặt đường" mà vẫn chưa hiểu hết hưởng hồ anh có vài cái "hậu Noel vi hành" và ở lại đón không khí Tết chỉ với cách ngồi co ro bên những ấm trà đạo, nào có rong ruổi được bao nhiêu làm sao mà nắm chắc được. Rồi cả một buổi chiều lất phất mưa phùn chúng tôi lang thang... đến phố Hồ Hoàn Kiếm, có lẽ cái phố mang luôn cái tên hồ đẹp nhất nhì Hà Nội này là phố ngắn nhất. Phố nằm ngay sát hồ, nối phố Cầu Gỗ với phố Đinh Tiên Hoàng, chỉ dài độ

hai chục mét, người đi đầu phố đã thấy mình ở cuối phố, nhưng đó vẫn là một phố ở Hà Nội đấy chứ! Cũng đủ cả mọi thứ hàng hóa cửa hiệu từ mỹ phẩm, sách báo, mũ nón, giày dép, đến nộm bò khô. Ở đây, phố nổi tiếng bởi món ẩm thực rất quen thuộc với hầu hết những dân "sành ăn". Món "nộm bò khô" hồ Hoàn Kiếm. Anh bạn tôi vẫn nói "mỗi lần anh có thể ăn hết 5 đĩa nộm mà không thấy chán". Điều đó tôi đã chứng kiến khi anh ăn nhanh và ngon lành như một người bị nhịn đói cả nửa tháng, cứ thế hết đĩa này lại gọi đĩa khác, khiến ai cũng phải ngạc nhiên nhìn anh. Tôi chữa ngượng bằng cách ngồi đọc báo và chờ... bỏ bữa!

Ngay phía bên kia hồ, kế bên nhà Thủy Tạ với món kem ngon miệng nổi tiếng là phố Bảo Khánh đi từ phố Lê Thái Tổ đâm lên phố Hàng Trống. Phố Bảo Khánh cũng ngắn, nhưng thật độc đáo vì ngay quãng giữa phố có một nhánh rẽ ngang có tên là ngõ Bảo Khánh chạy thẳng vào quán cà phê Nhân. Đi dọc phố, có thể thấy ngay rằng, phố Bảo Khánh lại ngắn hơn cái ngõ cùng tên với nó và yên tĩnh hơn hẳn so với hai phố hai đầu luôn tấp nập là phố Lý Thái Tổ và phố Hàng Trống.



Cũng với chiều dài na ná như thế rẽ sang ngõ Hàng Hành đi một quãng đã thấy hết đường, bạn tôi tự hỏi, tại sao trong một quãng ngắn như thế người ta lại chia ra thành hẳn hai cái ngõ, với vô số những hàng ăn và quán cà phê - Vậy mà nhấn nha cà phê Nhân, chúng tôi ngốn trọn vẹn hai tiếng đồng hồ và 3 cuộn phim của cái máy ảnh nhà nghề to lù lù của anh bạn - Anh bạn tôi dự tính sẽ làm hẳn một cái phóng sự ảnh về ngõ phố Hà Nội - thật là một ý

tưởng thú vị!

Một phố cắt ở Hà Nội có cái tên hơi khó gọi là Đoàn Nhữ Hài, phố bằng ngõ này thông ra phố Trần Quốc Toàn, giữa các luồng xe cộ đông đúc và nhộn nhịp của người qua lại ở Hà Thành, phố Đoàn Nhữ Hài khá khiêm nhường, tĩnh lặng. Phố này được rất nhiều các văn nhân biết đến bởi ở cuối phố có ngôi nhà của văn nhân Tô Hoài, tác giả của rất nhiều sáng tác về Hà Nội. Anh bạn tôi kể lại rằng: "Đây là ngôi nhà ông mua được bằng tiền nhuận bút kịch bản phim "Vợ chồng A Phủ", hồi mới về Hà Nội, khi hòa bình lập lại. Chúng tôi gõ cửa nhà ông nhưng thật tiếc nhà văn đi vắng. Nếu gặp được nhà văn Tô Hoài chắc anh bạn tôi có thêm được nhiều tư liệu về Hà Nội, những tên phố, tên làng anh quan tâm.

Trời về chiều, ngớt những phùn mưa nhưng lạnh hơn, hơi lạnh trong gió nhấm nháp vào từng lớp áo. Chúng tôi chậm rãi đi trên những con đường thoang thoảng mùi hoa dạ hương, gió thổi, sương xuống phố bắt đầu lên đèn, sáng lạ. Đèn cao áp từ các ngã đường rọi vào làn sương nhòe nhòe từng ánh hào quang. Anh bạn hồ hởi dong xe về phố nhỏ Yên Thế, và say sưa kể về cuộc khởi nghĩa đã đi vào lịch sử, về tướng Nguyễn Xí tên của một con phố nhỏ nổi phố Tràng Tiền và Đinh Lễ, phố Bà Huyện Thanh Quan, phố Lê Văn Linh... Những phố nhỏ lặng lẽ điểm tô cho 36 phố phường Hà Nội.

Vòng qua Hồ Gươm, mặt hồ sáng loáng tháp Rùa in bóng. Những chùm đèn xanh đỏ nhấp nháy sáng rực cả một khoảng hồ. Sương lạnh mà dòng người vẫn đi quanh hồ mãi miết, những đôi tình nhân hạnh phúc khoác tay nhau tung tẩy, những người bạn ngoại quốc vai mang ba-lô, tay xách máy ảnh chuyện trò, chỉ trỏ. Chúng tôi lang thang với đêm, hình như trời đêm đã chuyển mùa, lất phất làn gió mang hơi lạnh tựa mưa bụi đầu xuân phả bay vào tóc. Văng vẳng điệu nhạc "Em ơi! Hà Nội phố" của nhạc sĩ Phú Quang, văng vẳng tiếng dương cầm với màu xanh thời gian quyện hòa vào từng góc phố!

HÀ NỘI "ĐỂ THỞ" HƠN... ĂN?

• *Dương Phương Vinh*

Bức tranh đồn trú...

"**À**m thực Hà Thành - sợ cũng phải ăn" và thật không thiếu chuyện để kể những tiết chế - phản hồi sau đó: "Chưa ăn thua, sự thật kinh dị hơn". "Đến khách sạn 3, 4 sao cũng dirty (bẩn) đấy, nhưng chẳng lẽ nhịn", "Ăn thì thấm vào đâu so với ở"... Dirty hay không chưa nói, nhân mùa cưới nhớ lại: năm ngoái người nhà tôi "làm đám" ở D. (Khách sạn 5 sao) ngoài hợp đồng đã ký, phải thêm mỗi mâm một cơ số tiền nhất định, mới bảo đảm đầy đặn và nóng. Còn sự ở - không chỉ của người Hà Nội - xét cho cùng tách sao khỏi chuyện ăn - "ăn sao ở vậy" mà.

Đầu năm tôi đi mua nhà trong cơn sốt Hà Nội. Mỗi ngày 2.400 đồng một tờ Mua&Bán để lần được một căn ưng ý. Đọc và đọc quảng cáo, và đi xem được một chấp thì có vẻ muốn loạn chiêu. Rồi nhận ra một điều: muốn hình dung tiêu chí, mức sống, lối sống của một bộ phận lớn dân chúng bây giờ, hóa ra chỉ cần soi vào một tờ báo như Mua&Bán: "Nhà... mét, gần trường, chợ, chờ số đỏ, chính chủ, ô tô đỗ cửa, điện nước Phần Lan, sơn bả ốp lát, phụ khép kín, có NL (nóng lạnh), an ninh tốt, dân trí cao... Liên hệ...". Thủ đô ta - nhà biệt thự và cao cấp nhiều, cũng được dạm bán và cho thuê trên báo, chỉ có điều nó chưa tiêu biểu, chưa thể đại diện cho Hà Nội. Làm cho không nguôi nhưng nhớ "dù có đi bốn phương trời" đó là hồ, cây, phụ nữ và... phở Hà Nội. Những tòa nhà lộng lẫy thiết kế, sang trọng nội ngoại thấy và hài hòa cảnh quan - ven Hồ Tây, Hồ Gươm, Thiên Quang, Trúc Bạch, Ba Mẫu... (nhất là khu mới ven Trúc Bạch - các phố Trấn Vũ, Trần Tế Xương...) có thể nói khiến thành phố này trở nên đáng yêu và lạ lùng hơn bất cứ đâu trên đất nước; người sở hữu chúng có lẽ cũng phải chịu "sức ép" (được người qua kẻ lại vừa thán phục vừa quặn lên ghen tỵ). Thôi thì niềm tự hào chung! Những

nhà vườn dân dã ven nội; hiện đại thấp tầng ở đường mới. Xinh xắn có gu trong phố nhỏ. Và còn những chốn khác, đang chờ được thay da đổi thịt ngày ngày...

Lâu lâu nữa cái cụm từ "phụ khép kín" hẳn lạc hậu lắm, nhưng chục năm về trước, đẳng cấp đấy. Cả xóm một hai chục hộ trông chờ vào một hai cái "tòa" nho nhỏ có bậc tam cấp đó, để rồi mỗi buổi sáng một hàng dài đứng đợi - "người thứ nhất bình tĩnh đọc báo..." (Cư trú - Truyện ngắn của Trần Trung Chính). Thoát được cảnh ấy, thở phào "Tình lại em ơi qua rồi cơn ác mộng". Thế mà, ngay lòng phố cũ (hoặc "phố cổ" - tùy cách gọi) bây giờ dân Hàng Thiếc, Hàng Quạt, Hàng Nón có hộ vẫn sáng sáng bê một bịch đi tiêu hủy trước mặt mọi người một cách hết sức thủ công. Đến "hai ngấn" còn không có nữa kia! Thông tin này tôi nghe từ người nhà họa sĩ Bùi Xuân Phái - có thâm niên ở phố cũ, Thuốc Bắc. "Hồi ông Phái còn sống, cũng chật chội khổ sở lắm. Sau này bán được tranh mới khác".

Nhân mãn và bí bách nơi ăn chốn ở sinh ra gì? Chuyện thật đau lòng, bắt đắc dĩ phải nhớ lại.

Một ngày, có người đàn bà già nua ử rữ đến tòa soạn, kêu kiện chính các con của mình. Tôi nhận ra bà chủ hàng miến lươn lâu đời ở Tuệ Tĩnh. Nhà hẹp, có tí mặt phố lại có nghề bán miến gia truyền, các ái nữ đánh chửi nhau suốt ngày đòi quyền lợi và hành hạ làm bà mẹ không biết có nên sống tiếp. Một thời gian, tôi lại đến ăn miến. Có một cuộc cách mạng chia chác đã diễn ra: cứ hết trận bán hàng buổi sáng thì bà chủ trẻ - con gái bà kiện tụng nọ lại lạnh tanh thu dọn rửa miến, lươn, nồi nước dùng, quấy, giá, dấm ớt để chị (em) lạnh tanh tiếp quản; tối lại đến phiên thứ ba. Không ai nói với ai một lời, "đâm lê" cả khách không ăn "cạ" mình. Hàng xóm kể thỉnh thoảng vẫn có xô xát. Còn người chủ gia đình hình như đã biến hẳn khỏi cuộc đời của họ - mấy người đàn bà trẻ đó.

Phố Phan Bội Châu có hai vợ chồng dịch giả tiếng Trung Quốc hiền lành, con cái thành đạt có nhà riêng nên chỉ hai ông bà ở với nhau. Ngày nọ giữa thanh thiên bạch nhật bà đi ra đường bị hai thằng côn đồ đánh què chân.

Công an vào cuộc và chân dung người hàng xóm hiện ra: do muốn mua mà bà không bán căn hộ gác 2, thị trấn tâm làm vậy để bà không thể leo gác, đến phải "bán xới". Tuổi già bị làm động kinh tới nỗi con cái phải lập tức sơ tán cha mẹ; thủ phạm đã tù (chỉ vài tháng) cũng không về ở, đồng thời bán gấp nhà (cho người lạ, không cho kẻ kia). Tôi dự phiên tòa ở ủy ban phường. Trước bà con hàng phố, kẻ chủ mưu - mặt mũi không đến nỗi, còn trẻ, rắn cẳng hơn thẳng đánh thuê nhiều. Căn nguyên vụ việc có lẽ không chỉ chuyện thèm khát một căn nhà rộng ở trung tâm.

Thường các khu tập thể - nơi cư ngụ của giới cán bộ công nhân viên chức lại "sản" ra nhiều nhất người đẹp. Điếm ra thế mà đúng. Khi đăng quang, Diệu Hoa ở Thành Công, Thu Thủy - Thanh Xuân. Số đông nghệ sĩ, nhà văn, nhà khoa học cũng vinh danh từ các khu tập thể trước khi đổi đời, nâng cấp nơi ở. Thật nhiều lý do để khu tập thể - phía Nam gọi "chung cư" trở nên thân thương đến thế nào.

Sau bao năm, các khu nhà ấy ra sao. Mỗi hộ một lồng, thường gọi "chuồng cọp". Có chủ còn coi cả nóc tầng trên cùng - tầng 5, một mình một chòi chẳng giống ai. Tầng 1 khu nào cũng phình ra. Vệ sinh chung không giữ, điện đóm hỏng hóc không buồn sửa. Tất cả đều sứt sẹo long lở - tường, tay vịn và nhất là nền - chứng tích của thời gian và thời bố củi ở cầu thang.

Khu Nguyễn Công Trứ là một trong những nhà tập thể lâu đời nhất Hà Nội. Nhà E chưa lấy gì làm chuẩn song hãy hình dung bây giờ thiên đường thì trước kia địa ngục. Trong một phóng sự bức xúc trên Truyền hình Hà Nội, có đoạn phỏng vấn "ở thế này mà chị vẫn béo tốt trắng trẻo", "Tôi như cái cây, càng bón phân càng tươi tốt". Sau bao năm đau khổ kéo dài, nhà E được ưu tiên nâng cấp cải tạo đầu tiên, coi thêm chỗ ở và lấp đi cống rãnh. Riêng khu vệ sinh chung "lịch sử" - "ác mộng hơn cả ác mộng" biến thành căn hộ để bán, đổi diện các căn hộ cũ, nhưng tiếng dờ dờ xa nên mấy năm rồi chả ma nào ỏ ê tới, xuống cấp tệ hại mặc dù Nguyễn Công Trứ - quận Hai Bà khá trung tâm. Người được phỏng vấn chính là vợ tôi, xinh đẹp mắt màu hung, cao 1.69m nặng 75kg. Đến chơi, chúng tôi thỉnh thoảng bàng hoàng ôn lại

quá khứ. Cả gia đình mợ đều cán bộ, tiêu biểu cho một loại cư dân Hà Nội suốt đời gắn bó với nhà tập thể.

Khổ cũng một phần do ta

Đọc quảng cáo nhà cách hồ Ba Mẫu chỉ ít mét, thuộc khu vực phố Lê Duẩn, đến thì thấy nó gần đường tàu đến nỗi khi "xình xịch", cảm tưởng có thể từ trong nhà bước 3 bước là lao ngay lên một toa. Đất ở không quá chật vẫn lấn đường chung, coi thường tính mạng. Mới đùa chủ nhà, bác nên rao "tàu hỏa đỗ cửa" thay vì ô tô!". "Có thể mới được bảy tám chục mét nhà trung tâm cho cô chọn chứ!".

Ngõ phố trung tâm bây giờ mà ô tô vào nổi, được coi "lung linh". "Nhà mặt phố bố làm to" đối trọng "ngõ sâu nhà xấu hay mất điện" (tiêu chuẩn kén vợ kén chồng của thanh niên Hà Nội). Khởi thủy, rất nhiều con ngõ có bề ngang không đến nổi, nhà là phố lớn Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng... nhưng rồi một tiến trình thi đua miệt mài lấn chiếm chia chác đã thu hẹp hẳn lại, ngày càng hẹp, khiến chẳng còn mấy bóng dáng nhà phố Tây. Từ chỗ đi lại thoải mái khuynh khoảng nay xe đạp tránh nhau cũng khó. Hồi xưa khổ đã đành, nói thêm được chút nào hay chút ấy, bây giờ lòng nhà đã rộng hơn rồi mà vẫn quen nhô nhích, quên một điều là cùng diện tích, một căn nhà trong ngõ thoáng rộng có thể đặt gấp rưỡi nhà "ngõ nhỏ phố nhỏ".

Người yêu của em họ tôi, một thanh niên sáng láng biệt hiệu "quả" đặc biệt dị ứng với dân ba sáu phố phường chen chúc "không biết tự do hai tiếng ngọt ngào là gì". Tôi đến nhà cậu, một căn nhà không chung cổng ngõ với ai thật, ở Cầu Trắng Giáp Bát, trước nhà có nhánh sông Lừ. Mùi đặc sánh không gian, con muỗi không ngừng vẽ bản đồ trước mặt, khắp xung quanh, nên cửa lúc nào cũng phải đóng thít. Tôi thấy cậu thản nhiên thải ra bằng hết đồng lá hành xuống lòng mương, góp phần tạo ra chính cái tổ hợp muỗi và mùi kia. Cậu kể, ở ngõ An Trạch - Đống Đa chị dâu cậu ngày nào cũng lia thức ăn thừa xuống con mương trước mặt. Mỗi người tự tạo một con sông Tô Lịch nhỏ ngay cổng ngõ nhà mình, còn kêu ai. Chuyện của dân Kim Ngưu, đoạn gần Bệnh viện Thanh Nhàn ("bệnh viện bẩn nhất Hà Nội" như một bênh

nhân vừa ra viện than): Một tên ăn cắp bị đồn đuổi ghê quá đã nhảy đại xuống sông. Trong khi dân tình trên bờ hồi hộp chờ tóm thì y đã ngoẻo mất do uống vào bụng thứ nước sông đặc lừ.

Mười năm trước đây cũng bức bách đổi nhà, tôi tìm được khu tập thể xây dành cho cấp trưởng phòng trở lên ở phố Lê Phụng Hiểu lý tưởng. Nhà đất Hà Nội hồi ấy còn xông xênh dễ chọn, nhược điểm chỗ này là khu phụ hẹp xấu lại gần cửa chính, nhất là cái đường ống chứa nước thải chình ình khó coi. Chừng ấy thời gian đã trôi qua, bài ca xây dựng có vẻ vẫn giữ được dáng nét cũ: khu Linh Đàm mới "tinh tình tình" suốt ngày lên báo đài như niềm tự hào mới của nhà tập thể Hà Nội - căn hộ 7, 8 chục mét vuông vẫn để phụ khép kín bé tí hin chiếu tướng phòng khách; đường ống chơ hơ, mỗi lần tầng trên xả nước là tầng dưới óc ách. Cũng NL, sơn bả ộp lát, an ninh, dân trí... nhưng người lớn hơi khó ăn cơm, trẻ con học khó tập trung. Ta làm khổ ta và làm khổ nhau một cách không đáng.

...Ngày mai?

7 tòa nhà độ cao trung bình 8 tầng với 1.000 căn, 2 tòa tháp 21 tầng, ước chừng chứa được 45.000 người được khởi công tại Nam Thăng Long - khu đô thị mới hiện đại nhất Thủ đô, vốn đầu tư nước ngoài. Khu Mai Dịch cũng khởi động, Pháp Vân, Tứ Hiệp nữa. Quận mới Long Biên hình thành ở đoạn đê tả ngạn sông Hồng. Đây chỉ là vài trong nhiều dự án lớn đang thành hiện thực. Sẽ có không chỉ Nam mà Bắc Thăng Long, Đông Anh, Gia Lâm, Hòa Lạc, Cổ Nhuế... 30 tỷ USD chi dùng vào việc giãn dân ra bắc sông Hồng và tây Tô Tây. Ranh giới của dự án này "cộng" khoảng 750.000 dân nội thành lan đến 21 xã và thị trấn: Võng La, Đại Mạch, Cổ Loa, Kim Nỗ, Vân Nội, Tiên Dương, Uy Nỗ, Xuân La, Xuân Đỉnh, Nghĩa Đô... Do quy mô và tính chất phức tạp, nhiều nhà đầu tư lớn, các công ty tư vấn quốc tế vào cuộc: SOM, Bechtel (Mỹ), Nikken Sekkei (Nhật Bản), Daewoo (Hàn Quốc), Oma (Hà Lan)...

Với các khu cũ, không để trợ gan cùng tuế nguyệt, không xén ba via mà thu thêm tiền của dân ộp vào mỗi nhà 15-20m² từ tầng 1 đến tầng 5. Nhà quá

đất, di sản mục nát 4-5 chục tuổi sẽ phá đi xây mới.

Thường vẫn thấy cả Hà Nội như một phiên chợ lớn, cả Hà Nội là một vườn chơi lớn, lộn xộn. Giờ tiến tới giải tỏa chợ cóc ở trung tâm, tập trung thành những chợ đầu mối mới, nhất là chợ ở các ngã tư ngoại ô vào. Nạo vét các con sông tai tiếng: Lừ, Sét, Tô Lịch. Mở đường bao quanh hồ, lấy hồ Trúc Bạch và Ngọc Khánh làm mẫu - có chỗ "thở" và vui chơi giải trí. Vân vân. Đây việc để chờ đợi và để làm, nhưng như đã nói - nhanh hay chậm, sướng hay khổ cũng do ta. Có chỗ mới cao và đẹp mà ở rồi, qua rồi cái thời quạt than tổ ong ở chiếu nghỉ, đun sấm lộp như hun chuột thì cũng đừng đổ nước cho lên râu, phơi phóng đồ nội y ra hướng chính. Nghe nói điều mà nhiều người nước ngoài thú vị nhất khi đến Việt Nam, đến Hà Nội, là cuộc sống cứ bày ra không giấu giếm của người dân. Đi trên hè phố có thể nhìn vào tận giường của một gia đình. Bờ Hồ 5 giờ sáng (tên một phóng sự sinh động của Nguyễn Quang Lập) rất đáng sống khi đi dạo và tập Thái cực quyền (một lý do để bám lấy tiêu chuẩn bán kính 1-2km quanh hồ), nhưng hãy liên tưởng chuyện ở Trung Quốc mà may-ô quần đùi đi ra đường, phạt. Ta có ngày cũng phải thế! Đừng cậy nhà gần hồ đẹp, công viên đẹp mà hồn nhiên. Ăn vận xấu xí hờ hênh tập thể dục làm mất mỹ quan nơi công cộng, phải bị coi là phốt văn hóa. Mỹ và châu Âu phạt người không biết quản lý khúc đường trước nhà mình, để nó gập gềnh hoặc không chịu cào tuyết làm ngã người qua lại - Ta thì cứ thản nhiên bầy nhau sa hầm sảy hố trước hết bằng những chiến dịch đào đường. Cũng phải đến lúc chứ chả nhẽ lại không - hết cảnh nhà xây lên "chỉ để bán cho con buôn" (Lý Sinh Sự - báo Lao Động). Chắc chẳng đến nỗi nào phú quý giật lùi, ai có xe máy mừng đăng xe máy, có nhà mừng đăng nhà, không thì "biết đến kiếp nào mới mua nổi" bởi nhà cho người thu nhập thấp cũng 3-4 trăm triệu đồng. Lạc quan lên mà sống và chấp nhận, chờ đợi "để xem có gì", nói như nhà văn Lê Minh Khuê; mơ mộng: sẽ tươi tắn dần lên bức tranh nhà cửa còn tranh tối tranh sáng của Thủ đô ta. Như người viết bài này, lòng luôn ao ước chẳng hạn một ngôi nhà soi bóng mặt hồ và vốn chỉ biết xóm liều qua báo chí và đồn đại, mới rồi cần chuộc

giấy tờ mất cắp phải lặn lội đến xóm lao động Minh Khai - toàn "õ
Tênacđiê", về thấy thỏa mãn yêu thương căn nhà Bà Triệu của mình hẳn lên,
mới hí húi cài thêm vào điện thoại di động chữ "Xinh" sau "Nhà" mọi bận.

LÀNG LỤA VẠN PHÚC

• *Vũ Ngọc Khánh*

Làng lụa Hà Đông hay chính là làng lụa Vạn Phúc, nay thuộc phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, cách trung tâm Hà Nội khoảng 10km. Đây là một làng nghề dệt lụa tơ tằm đẹp nổi tiếng từ xa xưa, có nhiều mẫu hoa văn và lâu đời bậc nhất Việt Nam. Lụa Vạn Phúc từng được chọn may quốc phục dưới các đời vua nhà Nguyễn.

Nằm bên bờ sông Nhuệ, làng lụa Vạn Phúc vẫn còn giữ được ít nhiều nét cổ kính của quê xưa như hình ảnh cây đa cổ thụ, giếng nước, sân đình, buổi chiều vẫn họp chợ dưới gốc đa trước đình. Làng lụa Vạn Phúc từ lâu đã rất nổi tiếng với nghề dệt lụa truyền thống. "Lụa Hà Đông" cũng như các sản phẩm thủ công truyền thống của các làng nghề Hà Nội, thường được nhắc đến trong thơ ca xưa. Trong nhiều gia đình, khung dệt cổ vẫn được giữ lại, xen lẫn với các khung dệt cơ khí hiện đại.



Làng Vạn Phúc còn giữ được bức đại tự (chữ Hán) ở trên cổng làng, có mấy chữ rất dồi dào ý nghĩa: Vạn Phúc lai cầu. Mấy chữ này có hai ý nghĩa:

- Cầu cho vạn phúc đến làng. Chân thành mời mọi người đến làng này. Đến đây là phúc đến với làng.

- Ai muốn cầu phúc thì xin đến làng này.

Theo truyền thuyết, cách đây khoảng 1200 năm, bà A Lã Thị Nương là vợ của tướng quân Cao Biền theo chồng sang nước Nam cai trị. Bà ở hành cung ngoài thành Đại La và đi thăm thú các nơi. Đến trang Vạn Bảo, (nay là Vạn Phúc do tên cũ trùng với tên vua nhà Nguyễn nên phải đổi) thấy dân tình hiền hòa, lại có cảnh đẹp bên dòng sông Nhuệ nên bà ở lại, dạy dỗ nhân dân cách làm ăn và truyền nghề dệt lụa. Sau khi mất, bà được phong làm Thành hoàng.

Lụa Vạn Phúc được giới thiệu lần đầu ra quốc tế tại các hội chợ Marseille (1931) và Paris (1938) được người Pháp đánh giá là loại sản phẩm tinh xảo của vùng Đông Dương thuộc Pháp, rất được ưa chuộng tại các nước Pháp, Thái Lan, Indonesia... Từ 1958 đến 1988, sản phẩm lụa Vạn Phúc hầu hết được xuất sang các nước Đông Âu; từ 1990 xuất khẩu ra nhiều quốc gia trên thế giới, thu ngoại tệ về cho đất nước.

Vạn Phúc hiện có 785 hộ dân làm nghề dệt chiếm gần 60% trên tổng số hộ sinh sống tại làng nghề. Hàng năm, Vạn Phúc sản xuất từ 2,5 đến 3 triệu m² vải, chiếm 63% doanh thu của toàn bộ làng nghề (khoảng 27 tỷ đồng). Hiện nay, Vạn Phúc có trên 1000 máy dệt và hàng ngày có khoảng 400 lao động thời vụ từ quanh vùng đến đây để làm việc. Cửa hàng bán lụa tơ tằm mọc lên ngày càng nhiều, hình thành ba dãy phố lụa với trên 100 cửa hàng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của du khách.

XẨM BỜ HỒ

• Thủy Tiên

Xẩm là âm nhạc đường phố. Nhưng tại sao nó không gắn với một cái đuôi khác mà lại gắn với Bờ Hồ? Lại có người gọi "Xẩm tàu điện?". Thực ra cách gọi khác nhau nhưng cơ sở để gọi lại không khác: Tàu điện muốn chạy đi đâu thì cũng bắt đầu từ Bờ Hồ và từ đâu về thì cũng dừng ở Bờ Hồ.

Tại sao những người hát xẩm không chọn ga Hàng Cỏ cũng là bến tàu còn đông đúc hơn bến tàu điện? Giản đơn là tàu điện tuy chỉ tối đa có 3 toa, chở ít khách hơn nhưng liên tục chuyển đi chuyển về nên khách luôn luôn mới. Còn tàu hỏa lại không đi về liên tục, hơn nữa, xuống tàu là người ta về nhà hay đến ngay nơi cần đến. Do vậy, bến tàu điện là nơi kiếm tiền thuận tiện hơn chỗ khác, vì thế dân gian gắn xẩm với tàu điện. Trong những người hát xẩm, không có những quy ước về lãnh địa, nhóm này ngồi chỗ nào thì nhóm kia tự biết đi chỗ khác. Giữa họ không bao giờ có ẩu đả tranh giành chỗ hát, vì họ rất hiểu câu nói "Đồng cảnh tương lân".



Truyền thuyết kể rằng, vào thế kỷ XIII, Hoàng tử Trần Quốc Đĩnh bị người em trai đâm mù mắt giữa rừng xanh, đoạt ngọc quý để chiếm ngôi vua. Trong cơn mê sảng, Đĩnh mơ thấy mình được ca hát với một bầy tiên nữ trong tiếng nhạc từng bừng... Tỉnh dậy, Hoàng tử mới biết là mình được những người dân quê thôn dã hết lòng chăm sóc. Qua cơn hoạn nạn và nhớ lại giấc mơ, Đĩnh đã lần mò tự tay chế tác cây đàn bằng một ống tre dài, có cần mềm để nắn tiếng chỉnh âm, lại có dây xe bằng vỏ cây và có que để bật, gõ thành tiếng nhạc. Chàng còn soạn ra cả những bài thơ để hát, kể lẽ tâm tình của mình, của đời, mang niềm vui đến với mọi người, mọi nhà, tay đàn miệng hát khắp mọi nơi, từ bến sông, bãi chợ, sân đình... Tiếng tăm của chàng ca sĩ mù vang đến tận kinh thành, Thái Thượng hoàng cho vời vào cung, mới hay đó chính là Hoàng tử mất tích năm nào... Từ đấy, Đĩnh ra sức dạy dỗ cho mọi người đàn hát, nhất là những người khiếm thị, vừa là để vui đời, vừa là nghiệp mưu sinh...

Vậy xẩm ra đời từ khi nào? Có nhà nghiên cứu cho rằng, có thể xẩm ra đời trước khi có hát chèo, là một trong nhiều nguồn góp phần cấu thành hát chèo. Hoặc xẩm chỉ là bản sao vụng về của hát chèo trong điều kiện và hoàn cảnh rất ư hạn chế của lớp người tật nguyền; hoặc đây là mối liên quan ruột rà tất yếu không ai chối cãi giữa hai loại hình, bởi chính nghệ nhân xẩm xếp hát xẩm và chèo cùng loại trung ca, trong khi tuồng vào loại võ ca, ca trù vào loại văn ca. Các nghiên cứu về xẩm cho ra kết quả: Hát xẩm là một thể loại khan hiếm xuất hiện ở Hà Nội vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Ban đầu chỉ có xẩm Hà Nội, sau đó đã "loang" ra để có những điệu xẩm Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên... Xẩm có rất nhiều bài, nhưng có 7 bài đặc trưng là Xẩm chợ, Chên bong, Riềm huê, Ba bậc nhịp bằng, Phồn huê, Hát với ai và Xẩm thập ân với những làn điệu Xẩm chợ, Xẩm thập ân, Xẩm tàu điện... Các bài xẩm về Hà Nội thường nhắm đến hai đích, giới thiệu với người ở quê về đô thị phồn hoa này và "nịnh" người dân thị thành, nơi hằng ngày họ nai lưng kiếm sống. Trong bài "Hà Nội 36 phố phường" có đoạn:

Hà Nội như động tiên sa

Sáu giờ tắt hết đèn xa đèn gần

Vui nhất có chợ Đồng Xuân

Mùa nào thức nấy xa gần xem mua...

Trong bài "Vui nhất Hà Thành" có câu:

Bắc Kỳ vui nhất Hà Thành

Phố phường sầm uất văn minh rợp trời...

Những năm 30 của thế kỷ trước, ở bãi An Dương có xóm xẩm. Sở dĩ có tên như vậy bởi xóm có chừng 10 nóc nhà gồm toàn những người hát xẩm. Ban ngày họ đi hát, tối lại về nấu nướng ngủ ở đây. Xóm tồn tại đến năm 1954, sau đó thì mỗi người một nơi. Số lượng người hát xẩm đông nhất là thời kỳ Pháp thuộc và những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Song từng bừng nhất lại là năm 1954. Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, xẩm còn được "thời sự hóa". Chẳng hạn để hưởng ứng phong trào bình dân học vụ, các nghệ nhân xẩm đã sáng tác bài "Tiểu trừ giặc dốt" (được trình diễn ở chiếu xẩm Đồng Xuân với lời mời "Tiểu trừ tham nhũng"). Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Nhà nước vận động nhiều nhóm hát xẩm, cử người viết bài hát và đến diễn ở các vùng duyên hải miền Bắc nhằm chống lại phong trào di cư vào Nam do thực dân Pháp lôi kéo. Vài ba chục nghệ nhân hát xẩm ở Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định, Bắc Giang, Hà Nội... đã tham gia cuộc vận động này. Nhà văn Thanh Tịnh được giao phụ trách một nhóm hát xẩm gồm 23 anh chị em khiếm thị, về vùng Bùi Chu, Phát Diệm để hát với mục đích trên. Hòa bình lập lại ở miền Bắc, tại bến tàu điện Bờ Hồ vẫn có khá nhiều người khiếm thị hát xẩm, có một cặp vợ chồng lùn tịt hát rất hay và họ kiếm sống ở đây cho đến khi Mỹ ném bom Hà Nội thì dắt díu nhau đi đâu không rõ. Những năm 70, loại hình nghệ thuật này mai một rồi đi dần vào quên lãng. Kể từ đó những người hát xẩm không còn được hành nghề nữa, hát xẩm tưởng chừng như đã thất truyền.



Khi sân khấu hát xẩm xuất hiện trên khu phố đi bộ Hàng Đào - Đồng Xuân từ đầu tháng 4-2006, bỗng nhiên người ta thấy xẩm vẫn còn duyên và mặn mà lắm. Nhạc sỹ Thao Giang, chủ nhiệm chương trình âm nhạc dân gian "Hà Nội 36 phố phường" và cũng là người có công sưu tầm, khôi phục lại nghệ thuật hát xẩm cho rằng, cách buôn bán, các cửa hàng có thể thay đổi nhưng hồn của bài hát vẫn ở trong tâm thức mỗi người khi họ nghe xẩm. Để phục vụ cho chương trình này, nhóm "Xẩm Hà Nội" đã sưu tầm được khoảng 20 điệu. Ngoài những điệu được phổ từ thơ của Nguyễn Khuyến, Á Nam Trần Tuấn Khải, Nguyễn Bính, như: Mực hạ vô nhân, Anh khóa, Lỡ bước sang ngang, Trăng sáng vườn chè... thì còn nhiều điệu khác, trong đó khá đặc sắc chính là "Xẩm tàu điện" do nghệ sỹ Mai Tuyết Hoa trình bày. "Xẩm tàu điện" đặc sắc bởi đây chính là điệu xẩm của riêng Hà Nội. Nếu ca trù, hát cô đầu là "đặc trưng" của phố Khâm Thiên, thì hát xẩm là đặc trưng của chợ Đồng Xuân và phố cổ. Những nghệ sỹ yêu xẩm phải kể đến NSƯT Xuân Hoạch (Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam), Văn Tý (Viện Văn hóa dân gian), Thanh Ngoan (Nhà hát Chèo Việt Nam), Đoàn Thanh Bình (Trường Đại học

Sân khấu - Điện ảnh), cô "xẩm trẻ" Mai Tuyết Hoa (Viện Âm nhạc)... cùng các nhạc sỹ Hạnh Nhân, Hồng Thái, Lê Cường, Tự Cường... đã tập hợp về Trung tâm Phát triển nghệ thuật âm nhạc Việt Nam của Giáo sư, Tiến sỹ Phạm Văn Khang và nhạc sỹ Thao Giang từ năm 2003.

Đó là những tín hiệu tốt cho một tương lai của xẩm trong văn hóa đường phố của Thăng Long - Hà Nội. Và chắc là sẽ không bị ruồng rẫy như một thời...

ĐƯỜNG PHỐ - NƠI CUỘC SỐNG DIỄN RA

• *Maejima Takashi*

Sáng sớm, vỉa hè được đánh thức bằng tiếng chổi quét đường. Một người không biết từ đâu đến đặt quang gánh xuống, bắt đầu xếp dụng cụ bếp núc và mấy chiếc ghế nhỏ ra.

Một chiếc xe máy phóng ra từ chiếc cửa hẹp ở ngôi nhà gần đó.

Trong dòng xe máy nối đuôi nhau, một cậu bé chừng đang học tiểu học với khuôn mặt ngây thơ ngồi ngoan ngoãn trên chiếc xe máy dựng bên cạnh đường. Người phụ nữ có lẽ là mẹ cậu bé kiểm tra xem con mình đã ngồi vững chưa rồi leo lên xe. Chị ta quan sát dòng xe máy đi qua lại như mắc cửi, chuẩn bị lái xe đi.

Một người phụ nữ đứng tuổi đang dùng dao thái bánh phở.

Còn một người phụ nữ khác thì vừa luộc trứng vừa chuẩn bị cơm, phở.

Mỗi người cầm một tô to ngồi xung quanh người bán hàng. Khi họ ăn xong vỉa hè trở nên rộng rãi hơn.

Tôi đi dạo bộ trên phố. Các cửa hàng sắt kéo ống sắt ra đến tận lòng đường rồi bắt tay làm việc. Tia lửa hàn bắn tóe ra khắp vỉa hè. Còn ở các cửa hàng bán khung tranh, người ta xếp đầy khung tranh ra tận ngoài cửa. Xe máy dựng đầy ven đường, chiếm hết vỉa hè. Mọi người phải đi xuống lòng đường, xe máy, xe đạp đi sát sạt người đi bộ.

Một người phụ nữ gánh hai thúng rau đi qua. Một người phụ nữ lớn tuổi ngồi trong cửa hàng gọi lại, ngắm nghía mớ rau kỹ càng.

Đến gần trưa, tại cửa hàng bán bún chả, người ta đem lò than ra vỉa hè, kẹp thịt trong vỉ để nướng. Khói bốc ra nghi ngút mùi thơm. Khi tôi ngồi vào bàn, người ta bày sẵn rau thơm đầy ụ, nước mắm chua ngọt vào bát đã có sẵn mấy viên thịt nướng hơi cháy, rồi đem ra một đĩa bún. Bàn ăn được

bày ra cả vỉa hè, xung quanh là một bầu không khí thật ồn ào.

Tại nhiều nơi tôi cũng bắt gặp một vài người lấy ghế ra ngồi trên vỉa hè trước các cửa hàng tạp phẩm.

Đến tối, các cửa hàng bắt đầu đóng cửa. Chỉ có vài ánh đèn đường heo hắt nên đường phố khá tối. Những tốp thanh niên nam nữ ngồi nói chuyện rôm rả trong bóng tối quanh những chiếc bàn đặt ngoài đường. Có nhiều người đang ngồi trong những quán café tối om. Chỉ có ánh sáng của chiếc tivi đang chiếu trận bóng đá tỏa ra bao lấy mọi người trong quán.

Giữa con đường vẫn còn chút ánh sáng yếu ớt, mấy đứa trẻ chạy quanh theo trái bóng. Một ông bố chạy theo chơi cùng đứa con nhỏ. Những chiếc xe máy như đàn lầy lội khi đi qua chỗ lũ trẻ đang chơi.

Cho dù các cửa hàng đã đóng cửa, trời đã tối nhưng tiếng xe máy vẫn không hề ngớt.

(Trích trong Maejima Takashi: Hà Nội trong mắt tôi, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2008)

LÀNG TÔI BÊN SÔNG ĐÁY

• Văn Lừng

Gió đã trở chiều, trời bắt đầu mưa. Tôi vội khoác thêm chiếc áo cho đỡ lạnh. Bốn ngày nữa đã là rằm tháng một. Chợt nhớ câu ca:

Mười một cho chí mười hai

Không mưa không rét vua Mai không về

Mai tức là làng Mai Chứa, tên chữ là Lỗi Dương trang đến thời Hậu Lê mới đổi thành làng My Dương, nay thuộc xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, ngoại thành Hà Nội. Năm nào cũng như năm nào, sắp đến rằm tháng một âm lịch là thời tiết lại thay đổi, trời đang nóng ẩm bỗng nhiên chuyển sang mưa rét. Mười một mười hai mưa rửa cửa đình để đến mười ba đã là chính hội. Hội mở ba ngày. Mười rằm lễ lớn. Vật phẩm tiến lễ thế nào cũng có bầu bao tử. Những quả bầu non mẩn, xanh mướt, to bằng ngón chân, ngón tay, hấp chín, để vào đĩa dâng lên ban thờ. Đĩa bầu dâng lên như nhắc nhở sự tích đức Thành hoàng. Ngài có tên hiệu là La Sơn Đại Vương, một vị tướng thời Tiền Lê. Trên đường hành quân đánh giặc, đến địa phận làng Mai, thấy hình khe thế đất trập trùng, sông sâu, bãi rộng, trịa vãi bạt ngàn, là nơi chiến địa đặc dụng, lại được dân làng thuần hậu, ra sức ủng hộ, nên ngài cho dừng quân, lập thế trận. Vùng đất bãi, dân nghèo, chẳng có gì khao quân. Xem xét mãi, chỉ còn có vườn bầu đang kỳ quả non. Cả một khu vườn bạt ngàn những quả bầu non tơ. Dân làng bèn đem bầu ra thết đãi. Vậy mà tướng sĩ ăn xong, ai nấy đều tấm tắc khen ngon. Tất cả phấn chấn, sức lực tăng lên. Tráng đinh trong làng cũng hăng hái đua nhau gia nhập đoàn quân. Hôm sau giặc kéo đến, lọt vào giữa trận phục kích. Trận đánh diễn ra nhanh chóng, xác giặc nằm ngổn ngang trên đồng. Thắng trận ấy, đoàn quân lại hăng hái lên đường. Về sau, vua Lê Đại Hành nhớ đến công lao của vị tướng đã cùng dân làng Mai đánh giặc, mới cho dân làng lập đền thờ. Đền ấy nay là làng Mai và La

Sơn Đại Vương trở thành Bản cảnh Thành hoàng, vị vua tinh thần của làng, người bảo trợ đời sống tinh thần cho dân. Đình Mai chỉ là nơi thờ vọng, nên trước kỳ lễ hội, mười một cho chí mười hai, trời có mưa rét vua Mai mới về.

Làng có hai ngôi đình. Đình Đại dưới chân đê, là trụ sở của làng theo chế độ quân chủ, nơi sinh hoạt văn hóa làng và là nơi thờ đức Thượng đẳng thần, tổ chức lễ hội. Đình Sắc ở trên mặt đê, cách đình Đại hơn trăm mét, là nơi để sắc phong, cổ kiệu... Năm 1950, làng lập tề, quan Tây cho quân đến dỡ đình Sắc về xây bốt. Năm 1967, hợp tác xã nông nghiệp cho dỡ hai tòa Tả mạc, Hữu mạc ở đình Đại để xây cửa hàng hợp tác xã mua bán. Đầu làng có cây đa to, tuổi đã bốn, năm trăm năm, tán lá xòe ra rợp mát cả một vùng, thân cây mầu vú xù xì, những cái rễ từ trên cao buông tỏa, cắm xuống đất thành những thân phụ vắn vít bên nhau, tạo thành gốc đa to lớn, hơn chục người giang tay mới ôm xuể. Dưới vòm đa có ngôi miếu cổ linh thiêng nên dân trong vùng gọi là cây Đa Thờ. Năm 1970, với lý do rễ đa làm hỏng thân đê, huyện đội trưởng Thanh Oai đã cho người đem chục cân thuốc nổ đến đánh, bay tung cả đa cả miếu. Chưa đầy một năm sau, không ốm không đau, vị ấy lăn đùng ra chết. Tuy thế, bể dâu biến đổi nhiều nhất và nhanh chóng nhất chỉ diễn ra mấy năm gần đây, khi lũy tre bao bọc quanh làng không còn nữa, làng mở rộng cửa đón luồng gió mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Làng Mai tôi ở hẻo lánh bên bờ sông Đáy, nửa đồng bãi, đồng thì bậc thang ruộng hán ruộng úng, bãi thì cát già mới mưa đã cạn, mới nắng đã khô, dân thôn thuần hậu, thật thà, ít năng động, lại xa huyện tỉnh nên tốc độ đô thị hóa còn chậm. Vậy mà từ năm 2000, nhà ở đã ngói hóa, bê tông hóa không còn tìm thấy một mái rạ. Những tòa nhà hai tầng, ba tầng, năm tầng thi nhau mọc lên. Nước máy chưa về tới làng, nhưng các gia đình đều có giếng khoan, nước sạch, máy hút đưa lên cao, thuận lợi sinh hoạt. Đường làng bê tông, rộng rãi, phẳng lỳ, không còn gồ ghề thụt như trước. Đêm đến, điện đường sáng trưng như ở thành phố. Suốt ngày xe máy chạy rầm rập. Dăm bảy nhà đã có ô tô. Một cái xóm nhỏ mà có tới hai quán phở, hai quán bia hơi, bốn phản thịt, bốn hàng tạp hóa... Muốn mua con cá, cân thịt, ra khỏi nhà vài

bước có ngay, không như mười năm trước đây, phải chờ đến phiên chợ và phải đi xa đến hai cây số mới mua được mớ rau mớ tép. Đời sống sinh hoạt được nâng lên nhiều.

Người ta bảo làng Mai có thể đất con chim phượng hoàng, mỏ chim là gò Lãng, đầu chim là khu đất chùa, mắt chim là giếng chùa, mình chim là khu Quán Vải, trên đó tọa lạc ngôi đình Đại, hai cánh xòe ra là khu Bờ Giỏ và khu Đồng Miếu. Con đê tả Đáy ngăn cách đình - chùa, đê lên cổ chim, nên chim không thể vỗ cánh, trai làng có "biệt hương" mới cất đầu lên được. Đến bây giờ hai cánh đại bàng cũng đã bị chôn chặt chực, Bờ Giỏ, Đồng Miếu bị khoét sâu, lấy đất làm gạch. Quán Vải bạt ngàn cây trái sum sê, quả ngon nước tiếng đã từng đem tiến vua, vậy mà bây giờ trống trơn, không còn bóng dáng một cây vải. Dân trong vùng vẫn còn lưu truyền câu ca "Đầm Thanh Thần biết bao giờ cạn/ Quán My Dương biết vạn nào cây".

Ngôi chùa cổ kính, tên chữ là "Long Khánh tự", tòa Thượng điện còn nhiều cấu kiện gỗ kiến trúc thời Trần (Thế kỷ XIII-XIV), Tam bảo chùa từng là kho quân giới thời kỳ chống nước đã được xếp hạng di tích quốc gia. Con em trong làng có người đi xa, giàu có, về làng công đức làm cổng chùa. Cổng chẳng ra cổng, đã không đúng vị trí lại còn phá bỏ rặng cây xanh phía trước, khiến ngôi chùa trở ra mưa nắng, phá vỡ cảnh quan không còn thâm u huyền bí của một ngôi cổ kính. Từ khi làm xong cổng chùa, nhà ấy làm ăn toàn bị vấp vấp, không phát đạt lên được. Chùa càng được tiếng linh thiêng. Đâu phải cứ có tiền thì muốn làm gì cũng được.

Xưa, làng tôi nổi tiếng đất ca trù. Đã có những đào nương làm mê mết bao văn nhân tài tử. Đã có những đôi trai gái cảm tiếng hát mà thành vợ thành chồng đến bây giờ, làng Mai tôi vẫn còn tục lệ kết chạ với làng Bài Trượng và làng Cổ Hiền, đều thuộc xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, ở bên kia bờ sông. Đã một thời tôi trốn nhà, trốn học ra bến sông Nga. Cái giọng hát từ bên kia sông vọng sang mới ấm ngọt làm sao. Tôi biết, giọng hát đó là của một người con gái hơn tôi đến bảy - tám tuổi, lại có họ hàng bên ngoại xa xôi gì đó, nhưng đêm trăng nào không được ra bến sông nghe chị hát là tôi cứ

bồn chồn bứt dứt không yên. Ôi những đêm trăng đôi bờ sông ngân lên câu hát. Bây giờ còn đâu. Tất cả đã đi vào cổ tích.

Chập chờn như bóng hình cây đa, rặng vải, cánh buồm đỏ thắm trên sông. Lắng chặt trong tiếng gió, hình như có tiếng lá đa rì rào trò chuyện, tiếng chim tu hú gọi mùa vải đỏ, tiếng sóng vỗ ngoài sông, tiếng đàn cá đua nhau đi ăn thề...

Làng tôi vẫn nằm bên dòng sông Đáy. Nhưng bây giờ đã khác...

BIA CỦA MỘT THỜI

• *Trần Khôi Việt*

Đã một thời gian xa xưa thật dài, với hầu hết những đàn ông Việt tử tế, khi muốn cao thượng thăng hoa say sưa thì đồ uống đệ nhất duy chỉ là rượu. Chưa bao giờ cũng như chưa ở đâu, những đấng trượng phu hào sảng chí lớn bụng to Đại Việt của thời Lý Trần Lê Nguyễn lại ngồi trong tửu quán mà nhâm nhi uống bia. Bởi rượu là hành Mộc nơi đặc địa là phương Đông, còn bia thuộc hành Kim có xuất xứ từ trời Tây. Lịch sử hành tiến, người Pháp vào Việt Nam, và trong cái hành trang "khai hóa" lổn nhổn vừa hay vừa dở mà họ cầm theo tự nhiên có một thùng bia hơi. Cho đến thập kỷ sáu mươi của thế kỷ hai mươi, nhiều đấng mày râu người Hà Nội khi rút dè uống bia vẫn phải pha thêm xi rô, có lẽ họ sành điệu cho rằng nó chỉ là giải khát. Thế rồi với xu hướng khó cưỡng, thế giới dần dần phải phẳng (thuật ngữ trắng trợn của nhà báo Mỹ Thomas Friedman) thì cách ăn và uống của đàn ông Việt bỗng chốc trở nên lộn xộn mất dần bản sắc vùng miền. Bia ồn ào lên ngôi, tất nhiên cho đến giờ vẫn chỉ là ngôi vị Á hậu. Khi thấy đàn ông đang mặt đỏ loạng choạng liêu xiêu đi lại, những đàn bà đầm đầy đạo đức buông ngay một câu "rõ là đồ bia rượu". Chao ôi, phải chăng nhân loại đã đến thời mạt pháp, bia mà lại được đứng cạnh rượu.

Tất nhiên bình tĩnh công tâm mà nói, thì bia cũng có nhiều cái hay. Khí chất của bia tuy nông nổi nhưng dịu dàng vô tư tươi mát, nó chính là thứ uống tuyệt hảo để thư giãn giải độc giữa cữ nghỉ của một cuộc hội thảo phê bình văn học và là đồ giải khát hạng nhất sau khi đã cãi nhau với người tình. Nếu miễn cưỡng phải so sánh thì bia vừa hồn nhiên vừa ngây thơ giống hệt Thúy Vân "khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang". Còn rượu thì vừa đau đớn vừa trầm luân giống hệt Thúy Kiều "giật mình, mình lại thương mình xót xa". Có lẽ là thế, nên tất cả các kẻ sĩ sâu sắc lúc thất tình bất hạnh, tuyệt chưa thấy

có ai tiêu sầu bằng cách cô đơn mà ngồi nốc bia.

Về hình tướng, bia dễ đoán hơn rượu. Bia thường đựng trong cốc lớn, khi giao hòa với người uống thì bộ phận vất vả nhất là miệng. Theo "Ma Y tướng pháp" thì miệng còn gọi là "Xuất nạp quan, thuộc hành Thủy. Cửa ngoài của Tâm mà cũng là biên ải của thị phi phải trái. Miệng trúng phong thì Tâm tuyệt, bỗng dưng mồm há ba ngày tất sẽ tử vong". Từ đấy suy ra miệng mà trúng bia thì Tâm thông, mồm nuốt hết cốc to mà há liền trong ba phút thì sinh lực dồi dào lời lẽ khoái hoạt.

Thời bao cấp quý nhất là lấy được vợ làm nghề bán gạo hoặc bán thực phẩm, nhưng sang nhất là yêu được một cô bán bia. Hàng bia là nơi quần long tụ hội, quần ngư tranh thực, quần chúng tranh ẩm. Nó luôn đông nghìn nghịt, cỡ li vờ sâu của Thanh Lam Hồng Nhung Mỹ Linh của thời bây giờ cũng không thể sánh bằng. Mua được bia mà không phải xếp hàng đã là điều khác thường, còn có được bia mà không có đồ kèm thì đúng thực phi thường. Nhìn tổng thể cả quán, bàn nào bàn nấy giữa lác đác vài cốc bia là ngồn ngộn đen sì thịt bò xào phở (cứ một cốc lại bị một đĩa kèm). Đây là còn may, chứ có hôm là cơm rang là cháo lòng là bún thịt trâu ế từ buổi sáng. Dân chơi sành điệu của Hà nội là ba bốn thanh niên tóc dài, mặt mũi vờn cao hút thuốc phì phèo tỏa khói lên trên mặt bàn xấp xỉ khoảng chục cốc bia hơi và xung quanh chỉ trịnh thượng cô đơn một đĩa lạc. Lạ Chúa, cái bàn bia ấy toát một ngạo khí kinh người, các đại gia tham nhũng của trọc phú thời nay ngồi ăn tôm hùm hoặc ba ba ở khách sạn năm sao vĩnh viễn không sánh nổi.

Mối tình đầu của kẻ viết bài này là một thiếu nữ bán bia. Chỗ nàng ngồi bán đơn sơ nhếch nhác vài cái ghế gỗ đang âm thầm ao ước lên hoành tráng một cửa hàng. Giống như những đàn ông trong trắng bắt đầu yêu, khi tỏ tình thì phải là thơ. Mấy chục năm rồi mà đoán thi ấy vẫn sống sánh trong trí nhớ.

Em bán bia ời em bán bia

Nhìn em nước mắt bỗng đầm đìa

Tình em cũng giống bia em rót

Chỉ thấy bọt thôi chẳng thấy bia

Này cô em đóng bia có hơi điêu tay của ngày ấy, bây giờ em ở đâu?